

LÂU KHÁNH TÂY

VƯỜN CẢNH *Trung Quốc*

Người dịch: ThS. TRẦN PHƯỚC SANH

(Báo Sài Gòn Giải phóng Hoa văn)

Giảng viên Trường ĐHKHXH & NV TP. HCM)



NHÀ XUẤT BẢN
TRUYỀN BÁ NGŨ CHÂU



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

VƯỜN CẢNH TRUNG QUỐC

Lâu Khánh Tây

ISBN: 978-604-58-0486-5

Copyright © 2011 China Intercontinental Press.

Bất kỳ phần nào trong xuất bản phẩm này đều không được phép sao chép, lưu giữ, đưa vào hệ thống truy cập hoặc sử dụng bất kỳ hình thức, phương tiện nào để truyền tải: điện tử, cơ học, ghi âm, sao chụp, thu hình, phát tán qua mạng hoặc dưới bất kỳ hình thức nào khác nếu chưa được sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản.

Ấn bản này được xuất bản tại Việt Nam theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa Nhà xuất bản Truyền bá Ngũ Châu, Trung Quốc và Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

MỤC LỤC



LỜI NÓI ĐẦU 5

Vườn cảnh sơn thủy 9

Sân bản và Thông thần.....	11
Biểu tượng thống nhất quốc gia	12
Thả hồn sơn thủy	14
Vườn giải trí phồn hoa náo nhiệt	18
Đất trời hội tụ một nơi	22
Mở lòng ôm cả đất trời	24



Vườn cảnh tư gia 27

Tao nhà Giang Nam	28
Danh viên phương Bắc	45
Khéo tay tô điểm vườn cảnh	53

Khí phách hoàng gia 69

Ghi nhanh vườn cảnh hoàng gia dời Minh, Thanh	71
Khu vườn cảnh ngoại ô tây bắc Bắc Kinh	76
Tập đại thành các danh viên	79
Sự khác biệt giữa vườn cảnh	



Hoàng gia và Tư gia	110
---------------------------	-----

Tuyệt tác danh gia 115

Nét đẹp nội hàm 121

Yếu tố tạo nên nội hàm	122
Tượng trưng và so sánh	122
Hướng đến ý họa tình thơ	124
Tập hợp danh lam thắng cảnh bốn phương	129
Xây dựng miếu tự và phố thị tứ quán	131
Góc độ thường thức	132



Danh viên bị tàn phá

và phục dựng.....137

Phụ lục: Bảng tóm tắt niên đại lịch sử Trung Quốc.....144



LỜI NÓI ĐẦU

Bước vào vườn cảnh Trung Quốc, bạn sẽ bị thu hút bởi nét đặc thù của văn hóa phương Đông: so với kiểu vườn cảnh phương Tây thì nó tạo cho ta có cảm giác nhỏ nhắn tinh tế, khúc chiết hàm súc và yên ả hơn; so với phong cảnh thiên nhiên, nó có tính nhân văn hơn, từng hòn đá cảnh cây đều lan tỏa tính nhân văn trong đó. Nét đẹp vườn cảnh Trung Quốc thể hiện ở sự đan quyện của văn hóa và nghệ thuật. Vườn cảnh hoàng gia miền Bắc vừa có hình ảnh của chiếc cầu dòng nước, đường mòn tĩnh lặng, vừa mang dáng dấp của quần thể kiến trúc cung đình nguy nga tráng lệ, thể hiện khí phách của hoàng gia, nơi tiêu biểu còn lại có thể kể đến là Di Hòa Viên ở Bắc Kinh. Những vườn cảnh tư gia vùng Giang Nam như Lưu Viên, Chuyết Chính Viên, Vồng Sư Viên... đã thể hiện sự khác biệt so với vườn cảnh ở miền Bắc bằng phong cảnh thiên nhiên với ưu thế của thảm thực vật; những vườn cảnh này đa phần thuộc về quan lại, thương nhân và văn nhân, chúng kết hợp với khu nhà ở tạo thành những hoa viên vừa có phòng ngủ, phòng khách, thư phòng, vừa có phong cảnh thiên nhiên với những đỉnh dài, lầu các, hành lang, thủy tạ, non nước, cây cỏ. Kích thước của chúng không quá lớn, nhằm thể hiện việc mô phỏng cái hồn của non nước trong tự nhiên. Việc tạo dựng lâm viên trong lòng đô thị nhằm thể hiện ý họa hốn thơ, thể hiện khuynh hướng né tránh trần gian thế tục, thư thái thả hồn trong phong cảnh thiên nhiên. Tuy vườn cảnh có nhiều loại, nhưng chúng đều bộc lộ cách sống an nhàn, tự tại và hạnh phúc của cuộc đời. Có thể nói, đây là nghệ thuật của cuộc sống, trong một chừng mực nào đó, nó phản ánh nhân sinh quan, vũ trụ quan, cách sống, khuynh hướng nhân cách, đặc điểm thẩm mỹ của nhiều giai tầng trong xã hội Trung Quốc.

Trung Quốc thời cổ đại, trên là đế vương, dưới là tầng lớp khá giả, đều xem vườn cảnh như là không gian thú vị đáng để thưởng thức trong cuộc sống. Mọi người bàn việc, thết đãi tân khách, săn bắn, vui chơi, đọc sách, tranh luận, thưởng trà, vịnh khúc, ngâm thơ, vẽ tranh... dần dà nét văn hóa vườn cảnh được cô đọng sâu lắng. Với việc ngày càng nhiều những văn nhân tao nhã trực tiếp tham gia tạo dựng vườn cảnh cùng các chủ vườn đã làm xuất hiện một số sách lý thuyết viết về xây dựng vườn cảnh. “Viên Dã” do Kế Thành (1582 - ?), người đời Minh (1386-1644) sáng tác là tác phẩm



Vườn cảnh Trung Quốc do họa sĩ phương Tây phác họa vào đầu thế kỷ XIX.

xuất sắc trong số đó. Cuốn sách đề cập đến kỹ thuật xây dựng vườn cảnh và kiến thức vườn cảnh, tổng kết kinh nghiệm xây dựng vườn cảnh cùng với phần trình bày và phân tích lý luận về xây dựng vườn cảnh, nó trở thành chiếc cầu nối để người đời nay đi vào tìm hiểu qui tắc xây dựng vườn cảnh cổ đại Trung Quốc. Bằng sự phối hợp giữa văn nhân và người thợ trong lý thuyết và thực hành, nghệ thuật vườn cảnh Trung Quốc vốn chỉ thể hiện yếu tố mỹ học thiên nhiên đặc sắc đã trở thành hình mẫu của văn hóa cổ điển Trung Quốc.

Nghệ thuật vườn cảnh Trung Quốc chú trọng đến việc xây dựng nội hàm, mối liên hệ giữa ngọn núi, dòng nước, cỏ cây, kiến trúc và không gian tạo thành trong vườn cảnh không chỉ là một môi trường vật chất, mà còn là một môi trường tinh thần. Người xây dựng thông qua tính tượng trưng và phép so sánh, hướng đến cảnh giới thi ca hội họa, tập hợp danh lam thắng cảnh các nơi, và cả cách thức xây dựng chùa chiền cổ tự, tùy quán phổ phương trong thiên nhiên, hướng đến cảnh giới mỹ học trang nhã của tự nhiên, giúp vườn cảnh và văn học, hội họa, hý khúc¹ cổ đại Trung Quốc liên kết mật thiết với nhau, sự sâu lắng trong đó chính là nét tinh tế của văn hóa truyền thống Trung Quốc.

1 Một loại nhạc kịch truyền thống Trung Quốc, kết hợp múa hát để diễn một cốt truyện.



Là loại hình văn hóa và nghệ thuật truyền thống, vườn cảnh cổ điển Trung Quốc không những có sức sống mãnh liệt mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến các nước lân cận là Hàn Quốc và Nhật Bản. Vườn cảnh cổ đại Nhật Bản mang sắc thái dân tộc đậm nét, trong quá trình phát triển vẫn không ngừng tiếp thu tinh hoa nghệ thuật của vườn cảnh cổ điển Trung Quốc. Vào ngày cuối cùng của tháng 12 năm 1699, cung điện nước Pháp từng đón một thiên niên kỷ mới bằng nghi thức của ngày lễ lớn Trung Quốc, lịch sử văn hóa châu Âu cũng từng xuất hiện một từ thu hút sự quan tâm của nhiều người - Chinoiserie, tức "Phong cách Trung Quốc". Gốm sứ, giấy tường, tranh thêu, trang phục, vật dụng, kiến trúc... của Trung Quốc có một thời làm say mê nhiều nước châu Âu mà Anh và Pháp là hai nước tiêu biểu.

Nghệ thuật vườn cảnh Trung Quốc nhờ đó lan truyền đến châu Âu, nước chịu ảnh hưởng nhiều nhất là Anh, Pháp, ngoài ra còn có Đức, Thụy Điển và Nga, vườn cảnh kiểu hình học truyền thống của châu Âu bắt đầu chuyển sang kiểu vườn cảnh thiên nhiên.



Viện bảo tàng nghệ thuật tại thành phố New York (Mỹ) triển lãm Minh Huyền thạch phong và một nửa cái đình bên vách tường.



Di Hòa Viên được liệt vào danh mục "Di sản văn hóa thế giới" là khu vườn cảnh hoàng gia được bảo tồn hoàn chỉnh nhất của Trung Quốc.

Vườn cảnh cổ điển Trung Quốc đã hình thành và phát triển thế nào? Vườn cảnh Trung Quốc có mấy loại, chúng có những đặc trưng gì? Trong suốt thời kỳ lịch sử phát triển của vườn cảnh Trung Quốc đã tích lũy những kinh nghiệm và hình thành lý thuyết xây dựng vườn cảnh như thế nào? Trước tiên, chúng ta hãy bước vào Vườn cảnh Trung Quốc để tìm hiểu.



VƯỜN CẢNH SƠN THỦY

Vườn cảnh Trung Quốc là sự kết hợp hoàn hảo giữa tự nhiên và con người, đó là sự mô phỏng tự nhiên, thể hiện được cái hồn của tự nhiên trong một không gian nhỏ hẹp; nó cũng là sự gia công đối với tự nhiên, từng cảnh cây ngọn cỏ đều bộc lộ ý tưởng độc đáo của nghệ nhân vườn cảnh. Người Trung Quốc thu gọn sông núi ao hồ, đình đài lầu các kết hợp cùng với hoa lá cỏ cây, trăng thanh gió mát trong tự nhiên thành một tổng thể, sáng tạo một loại hình đời sống nghệ thuật xây dựng kỳ công hài hòa giữa con người và thiên nhiên: vườn cảnh sơn thủy.

Vườn cảnh hoàng gia miền Bắc còn lại hiện nay đa số được xây dựng vào thời Minh, Thanh (1644 - 1911), là nơi vua chúa phong kiến nghỉ ngơi, du ngoạn, thư giãn, săn bắn. Vườn cảnh hoàng gia có diện tích lớn, xây dựng kỳ công hao tốn rất nhiều nhân lực và tài lực. Vườn cảnh tư gia ở miền Nam tập trung tại các thành thị hạ du sông Trường Giang, là những nơi văn nhân đời xưa thường tụ tập, những tao nhân mặc khách ẩn dật, sống gần gũi với thiên nhiên, hoặc là nơi các quan lại, trọc phú bon chen đua đòi, xa hoa dối trụy. Vườn cảnh miền Bắc thường uy nghi, trong khi vườn cảnh miền Nam nổi danh với nét thanh tao. Danh viên như bảo ngọc, mọc khắp chốn từ Bắc chí Nam, chúng lặng lẽ thuật lại dòng chảy lịch sử và văn hóa Trung Quốc.

Ngoài vườn cảnh của hoàng gia và tư gia, còn có những phong cảnh thiên nhiên và cảnh quan nhân văn luôn rộng mở đón chào khách viếng, chúng có tính chất của vườn cảnh giải trí, như Ngũ Nhạc (năm ngọn núi ở Trung Quốc) danh tiếng lẫy lừng: đông có Thái Sơn, nam có Hành Sơn, giữa có Tung Sơn, tây có Hoa Sơn, bắc có Hằng Sơn, trải qua nhiều giai đoạn phát triển và hoạt động, chúng trở thành những khu vườn cảnh thiên nhiên, Tây Hồ ở Hàng Châu xứng đáng là hình mẫu của các “vườn giải trí” này.

Vườn cảnh miếu tự như một bông hoa lạ của vườn cảnh Trung Quốc. Vườn cảnh miếu tự là những vườn cảnh thuộc chùa Phật, đạo quán hoặc đền miếu, từ đường. Lớn có thể sánh với vườn cảnh hoàng gia, nhỏ thì giống vườn cảnh tư gia. Kiểu vườn cảnh được mô phỏng theo những cảnh trong tự nhiên bao giờ cũng tồn tại đan xen với vườn cảnh thiên nhiên, chúng là những bộ phận cấu thành của vườn cảnh thiên nhiên. Những vườn cảnh miếu tự nổi tiếng có Đàm Giá Tự, Giới Đài Tự ở Bắc Kinh, Phổ Từ ở Thái Nguyên, Tây Viên ở Tô Châu, Linh Ẩn Tự ở Tây Hồ Hàng Châu, Ngoại Bát Miếu ở Thừa Đức ...



Khu thắng cảnh Vô Lăng phía Tây tỉnh Hồ Nam Trung Quốc là một thế giới đẹp tựa tranh thơ, thần kỳ u tịch, đứng giữa không gian thiên nhiên mang đậm chất phương Đông này ta như bắt gặp bức tranh hoành sơ mông lung đang mở ra trước mắt.

Sân bản và Thông thần¹

Vườn cảnh cổ điển Trung Quốc có từ lâu đời. Theo ghi chép của sử sách, từ thế kỷ 21 trước Công nguyên đã xuất hiện "hữu" (là vườn có tường bao quanh để nuôi các con vật được vua chúa yêu thích). Đến thời nhà Thương ở trong "hữu" (khoảng thế kỷ 16 trước Công nguyên - thế kỷ 11 trước Công nguyên) vua cho dựng đài để quan sát trời đất, tôn thờ thần linh, có tên là "linh đài". Linh đài là khối kiến trúc rất lớn được làm từ đất. Trong "Tân tự - Thích xa" có nói: "Trụ xây Lộc đài, bảy năm mới thành, nó lớn ba dặm, cao ngàn thước, nhìn rõ mây, mưa". Cách miêu tả này có phần phóng đại, nhưng những đài đất khổng lồ là điều có thực vào đời Thương.

Thời thượng cổ, cuộc sống của con người chỉ phụ thuộc hoàn toàn vào sản phẩm hái lượm nên đối với thế giới tự nhiên: cây cỏ, thú rừng, sơn thủy họ luôn kính ngưỡng thờ phụng. Đây là hình thức tôn giáo nguyên

¹ Thông thần: là hình thức thông linh giao tiếp giữa con người với thần linh.



thủy phổ biến nhất thời đó. Trong suy nghĩ của họ, bất kể là nơi trú ngụ trong rừng rậm, hay là "uẩn hữu" (vườn nuôi thú) sân bản đều có thần linh. Họ chọn ao hồ để tạo "linh chiếu" ("chiếu" tức ao hồ, "linh chiếu" tức ao hồ linh thiêng), rồi mô phỏng ngọn núi để dựng "linh đài" cao tận trời xanh bên ao hồ, những người cai trị ở trần gian sẽ lên linh đài tiếp cận thần linh tìm sự bảo bọc. Hình thức kiến trúc kết hợp đài đất với ao hồ mang ý nghĩa tôn giáo nguyên thủy đã tồn tại từ xưa trong quan niệm sống của tổ tiên và hình thức "vườn cảnh thượng cổ" tôn thờ thần linh thì mang đậm màu sắc nguyên thủy thần bí.

Sân bản và thông thần là hai chức năng sớm nhất của vườn cảnh Trung Quốc. Sau thời Xuân Thu (770 trước Công nguyên - 476 trước Công nguyên), vô số chư hầu các nước đua nhau xây cung thất, hoa viên, cao đài, khuynh hướng hưởng thụ xa xỉ lan tràn, tính chất và qui mô của đình đài hoa viên đều có sự thay đổi: những "đài" của vua chúa vào thời thượng cổ không còn tượng trưng cho sự linh thiêng huyền bí nữa; theo sự hoàn thiện của hình thái nhà nước, những lễ nghi, chính vụ, đời sống và nhiều hoạt động xã hội ngày càng rõ nét hơn. Cao đài trong "uẩn hữu" không còn hướng đến sự to lớn đơn thuần, mà nảy sinh mối quan hệ gắn kết hữu cơ với kiến trúc xung quanh. Lớp sương mù của tôn giáo nguyên thủy dần biến mất, vẻ đẹp vốn có của phong cảnh thiên nhiên được khám phá, con người dần dần không còn sùng bái tự nhiên mà bắt đầu biết thưởng thức vẻ đẹp của cảnh sắc thiên nhiên.

Biểu tượng thống nhất quốc gia

Trung Quốc cổ đại có truyền thống tư tưởng thần quyền, quyền vua do trời quyết định, hoàng đế là "Thiên tử". Nhà Tần (221 trước Công nguyên - 206 trước Công nguyên) đánh bại sáu nước thống nhất thiên hạ, sau đó bị chế độ tập quyền vương triều nhà Hán (206 trước Công nguyên - 220 sau Công nguyên) mạnh hơn thay thế, khởi đầu cho một quốc gia tập quyền thống nhất dài hơn hai ngàn năm sau đó. Việc xác lập hình thái nhà nước có ý nghĩa vượt thời đại trong lịch sử Trung Quốc, ảnh hưởng của giai đoạn lịch sử này đối với nghệ thuật vườn cảnh rất sâu sắc.



Tranh Tần Thủy Hoàng, vị hoàng đế đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc.

Từ tư liệu lịch sử văn hiến hơn 400 năm thời Tần Hán, ta có thể dễ dàng tìm thấy ghi chép về những công trình xây dựng vườn thượng uyển với qui mô lớn. Năm 221 trước Công nguyên, Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Quốc, xây dựng vương quốc phong kiến rộng lớn. Ông ta đưa hai trăm ngàn hộ giàu đến thành Hàm Dương tỉnh Thiểm Tây, tập trung nhân lực tài lực bắt đầu thực hiện kế hoạch xây dựng đất nước đầy tham vọng. Kích thước khối kiến trúc Tần cung lớn đến kinh ngạc. Trong di chỉ cung điện Tần - Hán được phát hiện tại huyện Hưng Bình tỉnh Thiểm Tây, chỉ với phần kiến trúc chính, chiều dài từ đông sang tây lên đến 1100m, từ nam đến bắc rộng 400m; ngoài ra những ngọn núi dòng nước tự nhiên của vùng Nam Sơn, Vị Thủy... cũng được đưa vào vườn thượng uyển. Trong đó nổi tiếng nhất là cung A Phòng được xây dựng phía nam cố đô Hàm Dương. Theo "Sử ký - Tần Thủy Hoàng bản kỷ" chép rằng: "... tiến điện A Phòng, đông tây bốn năm trăm bộ, nam bắc năm mươi trượng, trên ngồi vạn người, dưới dựng cờ năm trượng." Tần Thủy Hoàng lấy Hàm Dương làm kinh đô, trong bán kính vài chục dặm xây cung thất ở hơn hai trăm nơi, các cung thất được nối với nhau bởi những lối đi hai tầng; những nơi này vừa là cung điện, vừa là vườn thượng uyển. Công trình kiến trúc đồ sộ này không hoàn thành toàn bộ, nhưng qua ghi chép, người đời sau có thể biết được hoài bão to lớn của Tần Thủy Hoàng sau khi thống nhất thiên hạ. Đời Tần chỉ tồn tại trong 15 năm rồi sụp đổ, đế quốc thiên thu vạn đại của Tần Thủy Hoàng cũng cháy thành tro bụi trong ngọn lửa ở cung A Phòng. Tương truyền, sau khi bùng cháy ba tháng ngọn lửa mới tắt.

Sau khi đế quốc Tần bị diệt vong, Hàm Dương bị thiêu rụi, trở thành đồng tro tàn, vương triều Tây Hán (206 trước Công nguyên - 25 sau Công nguyên) xây dựng kinh đô tại Trường An, phía đông nam Hàm Dương. Vườn thượng uyển đời Tây Hán vô cùng lớn, trong số cung điện ở kinh thành Trường An, chỉ với hai cung Trường Lạc và Vị Ương đã chiếm 1/3 diện tích cả kinh thành, nếu cộng thêm Quế Cung, Bắc Cung và Minh Quang Cung thì diện tích cung điện có thể hơn một nửa tổng diện tích (khoảng 36 km²) kinh thành, nhiều hơn diện tích Tử Cấm Thành đời Minh, Thanh (khoảng 0,72 km²) khoảng 20 lần.

Sức mạnh quốc gia và hoạt động xây dựng vườn cảnh đều đạt đến đỉnh điểm trong cùng thời kỳ thống trị của Hán Vũ Đế (140 trước Công nguyên - 87 trước Công nguyên), để thể hiện uy quyền tuyệt đối của mình, Hán Vũ Đế đích thân đón đón xây dựng Thượng Lâm Uyển. Thượng Lâm Uyển nằm phía nam Trường An, từ Vị Thủy Nam Tân ở phía bắc kéo dài đến



tận chân núi Chung Nam phía nam, tường bao quanh dài khoảng 130 đến 160 km, gồm cả sườn bắc của núi Chung nam và sườn Nam của núi Cửu Tuấn, 8 dòng sông lớn ở khu vực trung bộ Thiểm Tây chảy khắp khu vườn theo hướng nam bắc, chỉ mỗi hồ nhân tạo Côn Minh đã có diện tích 150 km², có thể dùng để huấn luyện thủy quân. Khuôn viên vườn có 12 quần thể kiến trúc, cùng với những con đường, hành lang, cây cầu, lầu gác và tiểu phẩm vườn cảnh thay đổi tùy theo không gian khác nhau, có cả những khuôn viên được xây dựng cho những mục đích thưởng ngoạn khác nhau của đế vương như trồng hoa, cây cảnh, thưởng thức âm nhạc, xem chó đua để giải trí, trồng dương liễu. Ngoài cung điện, nơi này còn có 36 tiểu vườn cảnh với tên gọi "vườn trong vườn". Thượng Lâm Uyển trồng cây ăn trái và cây cảnh, nuôi nhiều động vật quý hiếm, có thể nói đây là vườn động thực vật. Nhà thơ Tư Mã Tương Như (179 trước Công nguyên - 127 trước Công nguyên) đời Tây Hán khi miêu tả Thượng Lâm Uyển đã có phần phóng đại: vạn vật vùng cực nam vào đông vẫn sinh sôi nảy nở, vùng cực bắc mùa hè vẫn phủ đầy tuyết băng. Thượng Lâm Uyển là vườn cảnh có qui mô lớn nhất trong lịch sử Trung Quốc, qui mô vườn cảnh về sau khó mà so bì.

Thượng Lâm Uyển và cung A Phòng đều bị tàn phá trong chiến loạn, nhưng ảnh hưởng của chúng đối với nghệ thuật vườn cảnh Trung Quốc thì rất lớn. Là một biểu tượng của sự thống nhất quốc gia, vườn thượng uyển đời Tần Hán bao giờ cũng xem trời đất vũ trụ là cảnh giới cao nhất trong lý tưởng mà họ theo đuổi. Kiến trúc to lớn của không gian phẳng, sự tổng hòa của cảnh quan là tiền đề cơ bản của ý tưởng, thể hiện quan điểm chính trị và vũ trụ quan thời đại bấy giờ. Hiện tượng văn hóa nhân thần dung hòa, trời đất bất phân mang đậm nét đặc trưng của thời đại. Và giữa hồ Thái Dịch của Thượng Lâm Uyển có đắp 3 tiểu đảo, tượng trưng ba ngọn núi tiên Doan Châu, Bồng Lai, Phương Trượng ở biển đông trong truyền thuyết thần thoại dân gian, cách xây dựng ba ngọn núi tiên giữa mặt nước được những nhà chế tác vườn cảnh hoàng gia đời sau tôn làm kinh điển, nên mới có xu hướng mô phỏng "nhất trí tam sơn" khi xây dựng vườn cảnh.

Thả hồn sơn thủy

Năm 220 sau Công nguyên, nhà Đông Hán (25 - 220) bị diệt vong, Trung Quốc bắt đầu thời kỳ xã hội biến động với tình trạng chư hầu cát cứ, chiến tranh liên miên suốt hơn 300 năm. Sự hưng vong của quốc gia, sự thay đổi của triều đại xảy ra liên tục, sản xuất đình đốn, kinh tế đình trệ, dân số giảm mạnh; trong khi đó hệ tư tưởng lại phá thế "độc tôn nho thuật"





Từ "Lạc thần phủ đờ" của danh họa thời Đông Tấn có thể thấy quang cảnh điển viên dung dị lúc bấy giờ.

truyền thống, hình thành cục diện cạnh tranh rất sôi động giữa Nho, Đạo và Phật. Trường phái "phong cách Ngụy Tấn" trong lịch sử văn hóa Trung Quốc chính là bộ mặt văn hóa và đặc trưng tinh thần ở thời kỳ này.

Thời Ngụy - Tấn - Nam Bắc Triều (220 - 589), mâu thuẫn chính trị vô cùng gay gắt, tầng lớp trí thức mất niềm tin đối với quan trường và cuộc sống. Thế là chủ trương thanh tịnh vô vi của học thuyết Hoàng Lão trở nên thịnh hành, xu hướng Huyền học thanh đạm trở nên phổ biến, cùng với ảnh hưởng mạnh mẽ của Phật giáo sau khi thâm nhập vào Trung Quốc từ năm 67 sau Công nguyên, tầng lớp trí thức đã dung hòa sự hoài nghi, phủ nhận của Phật giáo về hiện thế với tư tưởng thoát tục và tính toàn chân với tư tưởng bảo toàn thuộc tính tự nhiên của Đạo giáo. Họ chọn cách sống rời xa quan trường, du sơn ngoạn thủy, hòa mình vào thiên nhiên, xem đó là cách phòng ngừa tai họa, khẳng định tính cách của mình. Cũng chính lúc này, hình thái kinh tế phong kiến truyền thống của Trung Quốc nhanh chóng phát triển thành một hình thức tổ chức sản xuất mới trang viên; cơ cấu kinh tế tự cung tự cấp này đảm bảo tính độc lập và sáng tạo của tầng lớp trí thức về mặt văn hóa tư tưởng, ngoài chuyện du sơn ngoạn thủy, họ



còn tìm cách xây dựng quang cảnh núi rừng nơi mình trú ngụ nhằm thỏa mãn thú điển viên, từ đó mới sản sinh hình thái sơ khai của vườn cảnh tư gia. Đặc điểm của loại vườn cảnh này là xem ngọn núi dòng nước và những hình thức tự nhiên khác là chủ thể cấu thành hệ thống quang cảnh vườn cảnh. Vì hạn chế về điều kiện địa lý, khí hậu, kinh tế, nên thói quen sử dụng đá tại chỗ đá hình thành và thay thế cách thức sử dụng núi thật cho việc xây vườn cảnh đời Tấn Hán. Về cây cảnh thì điển hình nhất là tùng, bách, trúc... vì chúng có đặc điểm luôn xanh tươi, mọc thẳng, chính trực, văn nhân, mượn chúng nhằm để cao nhân cách mình. Trong vườn cảnh tư gia giai đoạn này, mối quan hệ với không gian của cảnh vật càng phức tạp và tinh tế hơn.

Lấy ví dụ kinh đô Lạc Dương thời Bắc Ngụy (386 - 534), trong thành tổng cộng có 220 phường lí (là đơn vị cơ bản khu dân cư trong thành, hình



Hí Nga Trì trong Lan Đình ở Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang chính là khu vườn cảnh nơi Vương Hy Chi đời Đông Tấn quan sát ngắm để sáng tác thư pháp.



vuông hoặc hình chữ nhật, có tường rào vây quanh), phần nhiều vườn cảnh tư gia được xây dựng trong những nơi này. Theo ghi chép trong "Lạc Dương giả lam đồ", lúc bấy giờ Lạc Dương có điều kiện thủy lợi ưu việt, ví dụ trạch viên (nhà vườn, tức khu nhà ở và vườn cảnh) của một viên quan lớn Trương Luân ở thành Lạc Dương, trong vườn thì trồng hoa cây cỏ, hướng về thiên nhiên, khu nhà ở thì xây núi Cảnh Dương, cây cối cao lớn che khuất mặt trời, mây mù rủ xuống dung đưa theo gió. Có thể thấy lúc bấy giờ con người đã biết sử dụng biện pháp tả thực để thể hiện sơn thủy. Kiến trúc vườn cảnh không chỉ có lầu các tráng lệ, mà còn kết hợp núi và nước để tạo nên phong cảnh. Các tác gia vườn cảnh về sau rất thích mô phỏng phương pháp xử lý dòng nước, xếp đá khi xây vườn cảnh, cùng với những cách thức như chú trọng sự tinh xảo trong tạo hình, chọn kỹ cây trồng, làm cho lối đi uốn lượn, tinh mịch...

Vườn cảnh hoàng gia thời kỳ này đều được xây dựng trong kinh thành, ví dụ thời Tam Quốc (220 - 280), vườn Đồng Tước ở kinh đô Nghiệp Thành (nay là An Dương Bắc, tỉnh Hà Nam) của Tào Ngụy, Hoa Lâm Viên và Tây Du Viên ở thành Lạc Dương của Bắc Ngụy, Hoa Lâm Viên và Lạc Du Viên ở kinh đô Kiến An (nay là Nam Kinh, tỉnh Giang Tô) của Nam Triều. Những ngự viên của các đế vương đều được tạo bởi ngọn núi, dòng nước, cây cỏ và đình đài lầu các, chúng không còn chức năng săn bắn giải trí như thời kỳ trước. Ngũ nhạc, ao hồ, tiểu đảo nhân tạo chỉ còn mang ý nghĩa tượng trưng trong vườn cảnh; lối kiến trúc khắc cột họa kèo, mái hiên uốn lượn đôi khi sừng sững trên mặt nước, đôi khi hòa mình vào làn nước bằng những hành lang và cầu đình, hiển hiện khí phái cao sang, xa hoa của hoàng gia trong cảnh vật thiên nhiên.

Tương tác giữa vườn cảnh và nghệ thuật là sự phát triển toàn diện về văn hóa của sĩ đại phu Trung Quốc thời kỳ này, những lĩnh vực thơ văn, thư pháp, hội họa, âm nhạc, ẩm thực, phục sức... đều phát triển mạnh mẽ chưa từng có, đặc điểm phong cảnh sơn thủy của vườn cảnh cổ điển và thơ văn, thư pháp, hội họa của Trung Quốc bổ sung lẫn nhau mà người đời sau ca ngợi được bắt đầu từ thời kỳ này.

Theo trào lưu xây dựng miếu tự Phật giáo và Đạo giáo, vườn cảnh miếu tự xuất hiện ồ ạt, dần dà phát triển hài hòa với vườn cảnh hoàng gia và tư gia. Vườn cảnh hoàng gia lúc này không còn huy hoàng như thời Tần Hán. Vườn cảnh Trung Quốc tự thân loại bỏ bố cục khổng lồ trước đây, khởi đầu cho một xu hướng tinh tế và xinh xắn hơn.



Vườn giải trí phổ biến hoa náo nhiệt

Năm 581 sau Công nguyên, nhà Tùy (581 - 618) kết thúc cục diện chia cắt lâu dài của Trung Quốc. 37 năm sau, nhà Đường (618 - 907) diệt nhà Tùy, xây dựng đế quốc phong kiến thống nhất. Do thực thi chính sách phát triển sản xuất, ổn định xã hội, nền nông nghiệp cả nước phát triển, kinh tế phồn vinh, chính trị ổn định, xã hội đặt đến sự hưng thịnh chưa từng có.

Kinh đô Trường An nhà Đường được xây dựng trên cơ sở phục dựng kinh đô nhà Tùy, là biểu tượng của chế độ tập quyền trung ương. Chức năng, cơ cấu của kinh thành nhà Tùy, Đường ngày càng toàn diện hơn, thứ bậc kiến trúc và quan hệ lệ thuộc giữa chúng rõ ràng hơn, chặt chẽ hơn, từ đó phản ánh đòi hỏi về mặt kiến trúc của một quốc gia phong kiến tập quyền thuần thực, đây là điều chưa từng có trong lịch sử kiến trúc cổ đại Trung Quốc.



Tác phẩm hội họa cổ đại "Quốc Quốc phu nhân du xuân đồ" đã tái hiện cuộc sống tươi vui của phụ nữ quý tộc đời Đường.





Danh viên đời Đường dưới nét bút của danh họa đời Thanh - Lộc Sài (vườn hươu) trong tác phẩm "Vòng Xuyên Biệt Nghiệp" của Vương Duy.

Nếu nói lòng yêu mến sơn thủy của người đời Ngụy Tấn là do sự thất vọng về chính trị và tránh né hiện thực tạo nên, thì sự yêu mến vườn cảnh của người đời Đường xuất phát từ nhu cầu giải trí trong thời hưng thịnh của đất nước. Vườn cảnh hoàng gia đời Đường đều tập trung bên trong và ngoại ô kinh thành Trường An và kinh đô phía đông là Lạc Dương. Vườn cảnh lớn nhất trong số đó là Cấm Uyển nằm phía bắc thành Trường An. Sử sách chép rằng, Cấm Uyển từ đông sang tây rộng 27 lý (1 lý tương đương 0,5 km), từ bắc chí nam dài 23 lý, diện tích cực lớn. Trong Cấm Uyển chia thành 24 vườn cảnh và quần thể kiến trúc, có Vọng Xuân cung, Ngự Tảo cung, Cửu Khúc trì, Phóng Áp đình... Vì là khu phong cảnh, khu sân bắn chủ yếu của hoàng gia đời Đường, nên mỗi năm hoàng đế đều dẫn đầu đoàn hậu phi và quần thần đến đây săn bắn, yến tiệc, ca múa, vui chơi, xem biểu diễn nghệ thuật, đánh bóng, kéo co, đá gà và nhiều hoạt động vui chơi giải trí khác. Đánh cầu ngựa (ngồi ngựa đuổi bóng, đánh bóng) là trò chơi mà các vị hoàng đế đời Đường yêu thích, trong thành Trường An từng có rất nhiều cầu trường, như cầu trường Tả Thần Điện Quán ở Đại Minh cung, cầu trường Đình Tử ở Đông Nội uyển, cầu trường Hàm Quan điện ở Tây Nội uyển. Đến giữa đời Đường, Học viện Nghệ thuật Hoàng gia được xây trong Lê Viên nằm phía nam Cấm Uyển, hoàng đế bấy giờ là Lý Long Cơ (tại vị từ 712 - 755) đích thân đứng lớp dạy âm nhạc.



Cầu Long Trì ở Lâm Đồng, tỉnh Thiểm Tây - Một vườn cảnh được xây dựng trên di chỉ Ly Cung nhà Đường.

Vườn thượng uyển đời Đường có "tam nội" (Đại Minh Cung, Thái Cực Cung, Hưng Khánh Cung), "tam uyển" (Đông Nội Uyển, Tây Nội Uyển, Cấm Uyển). Phần nhiều trong tam nội là sự kết hợp giữa cung và uyển, trước Đại Minh Cung là cung thất, phía bắc cung thất là khu lâm viên, giữa có hồ Thái Dịch rộng lớn, cùng với điện Tuyên Đức ở điện Tử Thần ở trước mặt đều nằm trên một trục chính. Bố cục tiền cung hậu uyển này trở thành cấu trúc cơ bản trong bố cục cung điện đời sau.

Hồ Khúc Giang phía đông nam thành Trường An còn gọi là "Phù Dung viên", vốn là ngự uyển nơi hoàng gia giải trí, sau này mở cửa cho dân chúng tham quan. Bờ hồ uốn lượn gấp khúc, bên hồ là đình dài lầu các, xum xuê cây cỏ lá hoa, đây là khu vườn cảnh xinh đẹp nhất trong thành Trường An. Vào mùa 3 tháng 3 tiết Thượng Tị và mùa 9 tháng 9 tiết Trung Cửu hàng năm, nơi đây đèn lồng rực rỡ, nhạc khúc rộn ràng, hàng quán bên bờ san sát, hoàng đế dẫn đầu đoàn hậu phi đến đây du ngoạn, thiết yến chiêu đãi quần thần, bá tánh cũng được phép vào trong vườn, khuôn viên lúc này đông nghịt già trẻ bé lớn, vô cùng náo nhiệt. Việc biến ngự viên thành



vườn giải trí cho dân chúng và các vua chúa, quý tộc và bá tánh cùng thụ hưởng niềm vui vào đời Đường thực sự là điều hiếm thấy trong lịch sử xã hội phong kiến Trung Quốc.

Điều đáng nói là sự phát triển rực rỡ của văn hóa, nghệ thuật đời Đường đã tạo điều kiện nhân văn ưu việt cho sự phát triển của vườn cảnh tư gia. Các tác phẩm miêu tả phong cảnh tự nhiên trong thơ Đường ngày càng thịnh hành và thuần thực; tranh sơn thủy trong hội họa Trung Quốc lúc này cũng dần dần thuần thực, trở thành trường phái độc lập và sản sinh một loạt danh họa tranh sơn thủy nổi tiếng sau này. Sự phát triển mạnh mẽ của thơ, tranh sơn thủy và phương pháp sáng tác của nó đã tạo nên ảnh hưởng quan trọng trong sáng tạo vườn cảnh. Lấy Vong Xuyên Biệt Nghiệp của nhà thơ kiêm họa sĩ nổi tiếng Vương Duy xây gần thành Trường An làm ví dụ, ông dựng vườn cảnh trong thung lũng rừng núi, nơi được xem là thắng cảnh thiên nhiên, trong đó có 20 cảnh quan như Lộc Sài, Liễu Lăng đẹp như tranh, nhiều tác phẩm thi ca đi vào lòng người đã được sáng tác tại nơi này, ông còn tự tay vẽ "Vong Xuyên đồ", miêu tả phong cảnh nơi đây một cách tinh tế, tường tận. Khu vườn cảnh từ lâu không còn, nhưng luôn được người đời sau tán thưởng. Hoàng đế Càn Long (tại vị năm 1736 - 1795) nhà Thanh từng cho xây quang cảnh "Bắc Viễn sơn thôn" vốn mô phỏng Vong Xuyên Biệt Nghiệp trong Viên Minh Viên.

Văn nhân thời thịnh Đường hầu như rất phần khởi, nhà thơ nổi tiếng Bạch Cư Dị đã tự thiết kế và xây dựng một khu nhà vườn, để dạo chơi thư giãn, uống rượu, hát ca, đàm đạo thi thư cùng chúng bạn văn nhân tại đó. Khi trời thu khoảng dâng mát mẻ, ông uống rượu gầy đàn trong vườn, uống rượu xong thì nghe nhạc đồng tấu khúc dưới mái đình trên mặt hồ, tiếng nhạc lan tỏa theo làn gió trong lớp sương mờ phủ khắp chốn. Nhà thơ thích thưởng ngoạn này còn xây một "Lư Sơn Thảo Đường" tại phía bắc đỉnh Hương Lư của Lư Sơn thuộc tỉnh Giang Tây, cửa gỗ tường đất, không cần sơn hồng, cửa sổ giấy dán, rèm cửa màn trúc, rất đối mộc mạc. Trong vườn có tùng già cao to, cũng có vườn trúc tĩnh mịch, có ngọn núi đá xinh xắn, và dòng thác thiên nhiên róc rách chảy.

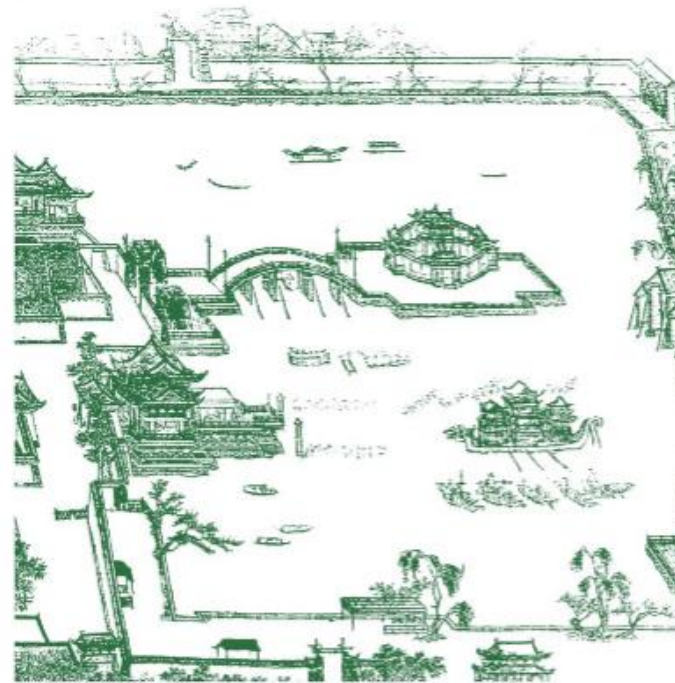
Vườn cảnh do văn nhân xây dựng là sự gửi gắm, thể hiện quan điểm nhân sinh của họ, so với khí phách hào hoa của vườn cảnh hoàng gia và vẻ xinh đẹp sang trọng của vườn cảnh quan lại thì nó mang phong cách giản dị, thanh thoát, tao nhã hơn. Sự phát triển của vườn cảnh văn nhân đời Đường tạo một tiền đề vững chãi trong việc thiết lập qui tắc xây dựng vườn cảnh văn nhân đời sau.



Đất trời hội tụ một nơi

Phong trào xây vườn cảnh vào đời Tống vô cùng thịnh hành, ngoài vườn cảnh hoàng gia, vườn cảnh tư gia, vườn cảnh miếu tự, thì ngay cả hàng trà, quán rượu ở thành thị cũng đào ao đắp đất, xây thêm vườn cảnh nhằm thu hút khách.

Cần Nhạc là vườn cảnh hoàng gia nổi tiếng nhất, tiêu biểu nhất đời Tống, nằm trong đông kinh Biện Lương, kinh đô đời Tống (nay là Khai Phong, tỉnh Hà Nam). Khác với vườn thượng uyển rộng trăm lí thời Hán Đường, diện tích thật sự của Cần Nhạc chỉ hơn 10 lí, nơi cao nhất cũng không hơn 90 bộ, nhưng Cần Nhạc có vai trò quan trọng trong lịch sử vườn cảnh Trung Quốc, được tôn là "vẻ đẹp trong thiên hạ, thắng cảnh của xưa nay". Trong phạm vi nhỏ như vậy làm sao có thể xây một vườn cảnh xinh đẹp đến như thế. Nói một cách đơn giản, đó là "tụ cảnh", tức tập hợp ngọn



Ngự uyển kinh đô Biện Lương trong bức "Kim Minh Trì đoạt tiêu đồ" đời Tống.





Sân vườn của một quán rượu trong bức "Thanh minh thượng hà đồ" đời Tống.

núi dòng nước, cung thất, thôn xá, hoa cỏ trong phạm vi giới hạn cho phép, hình thành thành cảnh tổng hợp, có chiều sâu. Nơi đây vừa có Giám Hồ của Thiệu Hưng, Phi Lai Phong của Hàng Châu, Suối Đào trong tranh của nhà thơ Đào Uyên Minh (365 - 427) và Hồ Mai trong tranh của Lâm Bô (967 - 1028, chuyên vẽ cây mai), ngoài ra còn có Bát Tiên Quán trong truyền thuyết và nông xá thôn trang trong nhân gian. Các bộ phận trong vườn liên kết một cách tự nhiên, thể hiện được những nét nghệ thuật đặc sắc của tự nhiên như giản dị, yên tĩnh, hàm súc, đồng thời tạo ra ấn tượng mới cảm nhận mới mỗi khi thưởng thức vườn cảnh. Đây là vườn cảnh non nước được nhân tạo từ những tinh hoa của phong cảnh thiên nhiên là sơn thủy, hoa cỏ cây lá cô đọng lại.

Kiểu vườn cảnh "hố trung" tức "vườn tuy nhỏ nhưng cảnh đủ đầy" của thời trung Đường vẫn được ứng dụng và sau này đã phát triển thành điển hình nghệ thuật và hoàn mỹ trong đời Tống. Không gian vườn cảnh văn nhân thời kỳ này được thu nhỏ lại khá nhiều, nhưng dòng suối, gò đất, ao hồ, tiểu đảo, hoa cỏ, núi đá, đình đài, phòng, sảnh và nhiều cảnh quan vẫn xuất hiện đầy đủ trong khuôn viên nhỏ nhắn ấy. Trong một không gian chật hẹp của mô hình "hố trung", cách thức chống núi đá, tạo dòng chảy, sắp xếp đá, nuôi trồng cây cỏ hoa lá xinh xắn, mang tính thích nghi cao,



và phương thức kiến trúc tạo hình xinh xắn, tinh tế đã tái hiện hình thái thiên biến vạn hóa của phong cảnh thiên nhiên, khó mà diễn tả hết được bằng khả năng sáng tạo và tài năng nghệ thuật độc đáo của mình. Nhưng người đời Tống đã đưa nghệ thuật vườn cảnh đến đỉnh cao của tinh thiện, mỹ. Cũng vào thời kỳ này, tinh thần mỹ học truyền thống Trung Quốc phát triển mạnh mẽ đến cực độ.

Vườn cảnh tư gia đời Tống, bao gồm nhiều vườn cảnh tư gia của quan lại, văn nhân mà nhiều nhất nằm ở vùng Khai Phong, Lạc Dương và Tô Châu, Hàng Châu, đều là những vườn cảnh điển hình nhất. Những tiểu phẩm vườn cảnh thời kỳ này, ví dụ những tiểu phẩm mang tính phụ trợ, trang trí như liên đới, hoành phi, ghế đá, đế bia, đế cột bằng đá hoa văn, bon sai trong và ngoài nhà, chậu cá vàng, nền đất... không chỉ chủng loại phong phú hơn so với trước đây, mà còn xuất hiện nhiều tác phẩm tinh tế tinh xảo, ngay cả đời sau cũng không thể sánh bằng.

300 năm này là thời kỳ đỉnh cao trong sự phát triển của vườn cảnh Trung Quốc. Cuốn "Doanh tạo pháp thức" (phương thức xây dựng) do chính quyền phong kiến tổ chức biên soạn trong thời kỳ này trình bày một cách tường tận "tài phần chế", giúp chúng ta biết được qui tắc cơ bản trong thiết kế xây dựng thời xưa, nó chính là hình thức khác của "mô số chế" (là bộ qui tắc cơ bản được xây dựng nhằm qui chuẩn hóa thiết kế trong xây dựng), nhưng ở mức độ hoàn thiện hơn, điều này cho thấy kiến trúc gỗ của Trung Quốc đã phát triển đến giai đoạn đỉnh cao. Hội họa thời Tống cũng cho thấy tính đa dạng về chủng loại và hình thức kiến trúc của thời kỳ này, phong cách diêm lệ, tinh tế hoàn toàn khác với khí phái tráng lệ của kiến trúc đời Đường.

Mở lòng ôm cả đất trời

Lịch sử xã hội phong kiến Trung Quốc sau khi đi qua đời Nguyên (1206 - 1368) tiếp tục bước sang hai triều đại Minh, Thanh. Tranh sơn thủy với phong cách tả ý đang ở giai đoạn đỉnh cao, giúp thúc đẩy sự phát triển và hoàn thiện của vườn cảnh. Vườn cảnh hoàng gia, vườn cảnh tư gia, vườn cảnh miếu tự và vườn cảnh phong cảnh thiên nhiên phát triển toàn diện. Với sự xuất hiện của Viên Minh Viên, một tác phẩm vườn cảnh tiêu biểu trong cuối thời kỳ xã hội cổ đại Trung Quốc, nghệ thuật xây dựng vườn cảnh tiến thêm một bậc và hình thành lý thuyết xây dựng vườn cảnh rất đặc sắc.

Vườn cảnh hoàng gia đời Minh thường có chủ đề núi Vạn Tuế và hồ Thái Dịch, với hai khu vực tiêu biểu là Tây Uyển trong hoàng thành và Ngự



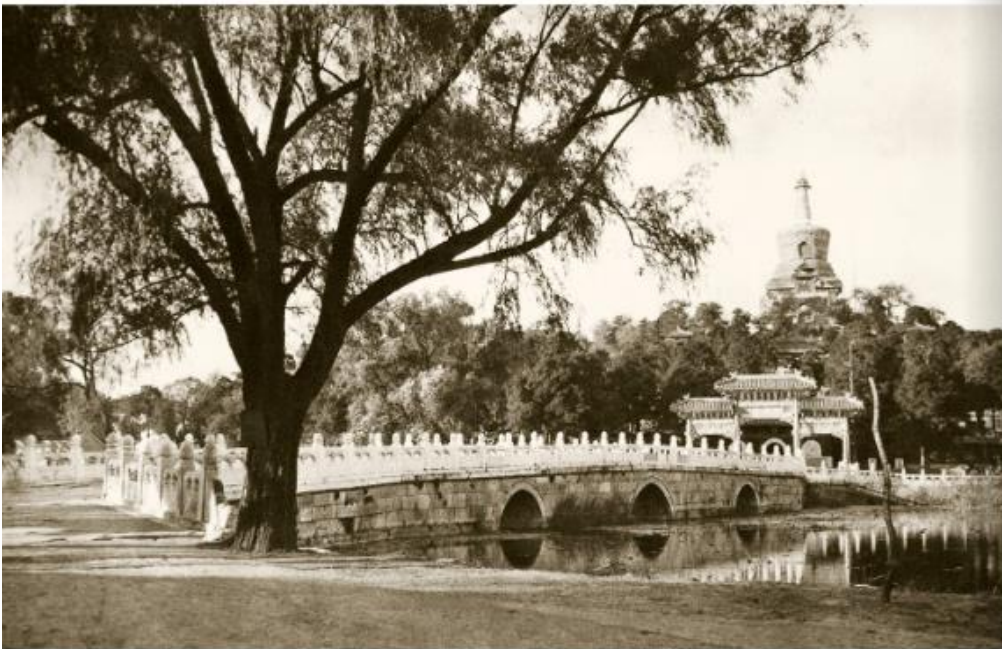
Hoa Viên trong Tử Cấm Thành. Vườn cảnh hoàng gia và tư gia đời Thanh đều trồng cây xanh, đây là chủ thể trong vườn cảnh cổ điển Trung Quốc mà hôm nay chúng ta có thể nhìn thấy. Lấy ví dụ về Sơn Trang nghỉ mát ở thành Thụ Đức nằm phía bắc Trường Thành, tại đây không chỉ hội tụ đặc điểm kiến trúc của dân tộc Hán, Mông, Tạng... tập hợp kiến trúc tôn giáo hiếm thấy trong và ngoài Trung Quốc, mà phong cảnh tại mỗi khu vực đều không trùng lặp ta có thể thưởng ngoạn vẻ thanh tú mỹ miều của sông nước vùng Giang Nam tại khu ao hồ, sự thô cứng hùng vĩ của vùng Tây Bắc tại khu núi đồi, nét hoang sơ thú vị của vùng biên phảng phất bên trong khu đồng bằng, nơi đây không khác gì một “nhà trưng bày nghệ thuật vườn cảnh”. Người phương Tây sau khi tận mắt chứng kiến Viên Minh Viên đã gọi nó là “nữ hoàng vườn cảnh”. Nó không chỉ hấp thu tinh hoa vườn cảnh nhiều thời đại, mà còn mô phỏng kiểu dáng kiến trúc phương Tây, vì



dự như phía bắc của Trường Xuân Viên có xây dựng hồ phun nước và nhà lầu theo phong cách Baroque (Baroque là một phong cách nghệ thuật bắt nguồn từ Phục hưng Ý, sau đó lan ra khắp châu Âu và cả những thuộc địa ở Tân thế giới cho tới cuối thế kỷ XVIII).

Nghệ thuật vườn cảnh Trung Quốc sau một thời gian dài phát triển, hoàn thiện, đã hòa mình vào dòng chảy giao lưu văn hóa Trung Quốc và phương Tây.

Vườn cảnh tư gia đời Thanh đa phần tập trung tại khu vực Nam Kinh, Tô Châu, Dương Châu, mà Dương Châu là một điển hình. Trong Cá Viên ở Dương Châu có núi, trên núi có đình, từ đình có thể phóng tầm mắt bao quát thành Lục Dương, thẳng cảnh Sáu Tây Hồ và Bình Sơn Đường, nó thể hiện một kỹ thuật xây dựng đạt tới đỉnh cao.



Bắc Hải tĩnh lặng (Ảnh chụp đầu thế kỷ 20).



VƯỜN CẢNH TƯ GIA



Vườn cảnh Trung Quốc

Vườn cảnh tư gia đời Minh, Thanh tập trung chủ yếu tại vùng Giang Nam (khu vực đồng bằng hạ du Trường Giang) nơi mang đậm truyền thống nhân văn lâu đời và trung tâm chính trị đương thời là Bắc Kinh, những vườn cảnh tư gia tiêu biểu nhất còn lưu giữ đến nay đều tập trung tại khu vực này. Đến đầu thế kỷ 20, chỉ tại thành cổ Tô Châu ở Giang Nam đã có hơn 170 vườn cảnh, hiện nay có hơn 60 vườn được bảo tồn nguyên vẹn. Trong đó, có Chuyết Chính Viên thoáng đãng yên tĩnh, đình tạ điển nhã, Lưu Viên với hành lang gấp khúc, kỳ thạch tranh hùng, Thương Lăng Đình với tiểu sơn thanh u, dòng nước uốn lượn, Vồng Sư đình tao nhã tinh xảo, đình viên san sát... mỗi một vườn cảnh là một tác phẩm nghệ thuật tổng hợp được kiến tạo bởi kiến trúc, sơn thủy và hoa cỏ, chúng tập hợp vẻ đẹp của tự nhiên, kiến trúc, hội họa thành nhất thể, chúng không chỉ là tiêu bản của vườn cảnh các vùng của Trung Quốc, mà còn là di sản quý báu trong kho tàng văn hóa thế giới. Dạo bước trong "thế giới vườn cảnh" ở Tô Châu, bạn sẽ bất chợt thoáng thấy dung nhan của lịch sử trong khu vườn cảnh xưa, không khí đô thị mang nét cổ kính, trầm lặng, nhu mì, nho nhã độc đáo của nó làm ta phải say mê.

Tao nhã Giang Nam

Vườn cảnh tư gia tiêu biểu vùng Giang Nam là vườn cảnh ở Tô Châu, Dương Châu, Vô Tích, Trấn Giang, Hàng Châu... Vào thời Minh, Thanh, kinh tế văn hóa phong kiến ở Tô Châu phát triển đến giai đoạn cực thịnh, nghệ



Là đầu mối phân phối muối, gạo và trà, Dương Châu đời xưa từng là đô thị giàu có nhất Trung Quốc. Và đây là cảnh Sầu Tây Hồ ở Dương Châu.



(Trái) Cửa đi trong vườn cảnh xinh xắn của văn nhân vùng Giang Nam
(Phải trên) Thủy các trong vườn cảnh
(Phải dưới) Quang cảnh đình, nơi kết nối các hành lang.



thuật vườn cảnh dần trở nên thuần thực, đã xuất hiện một loạt nghệ nhân vườn cảnh, và xây dựng vườn cảnh đã đạt đến đỉnh cao nhất của nghệ thuật. Thiết kế chạm trổ tinh xảo của vườn cảnh Tô Châu phản ánh sự học hỏi từ tự nhiên nhưng hơn hẳn tự nhiên một cách sâu sắc, trong đó, Sư Tử Lâm, Chuyết Chính Viên, Lưu Viên, Vồng Sư Viên, Thương Lăng Đình được tổ chức UNESCO liệt vào "Danh mục di sản thế giới". Vườn cảnh Dương Châu đa phần là trạch viên, vào thời hưng thịnh thì xuất hiện khắp đô thị, vùng ngoại ô, biệt thự vườn cảnh trải dài ven sông Bảo Chương; đến thời Càn Long thì có Thập Nhị Tứ cảnh, khu vườn cảnh "Sầu Tây Hồ" nổi tiếng khắp Trung Quốc. Số lượng vườn cảnh ở Dương Châu lúc bấy giờ nhiều hơn cả Tô Châu, thường được ví là "Dương Châu vườn cảnh nhất thiên hạ". Tiếc rằng vườn cảnh Dương Châu đa phần bị hủy hoại bởi chiến tranh. Hàng Châu có

khu vườn cảnh thiên nhiên Tây Hồ nổi tiếng, vườn cảnh trong thành phố đều lấy Tây Hồ làm trung tâm, nhưng chủ đề mỗi nơi mỗi khác, trong đó tiêu biểu cho việc thể hiện nét đẹp nghệ thuật vườn cảnh Trung Quốc là "Tây Hồ đệ nhất danh viên" Quách Trang, vốn bắt đầu được xây vào giữa những năm Hàm Phong (1852 - 1861) đời Thanh. Lúc bấy giờ mọi người thích xây vườn cảnh, họ xem việc xây vườn cảnh liên quan đến bản thân mình: nếu đối với bạn phải ngay thẳng, thì vườn cảnh khi xây phải uốn lượn. Xây vườn cảnh là để tu thân dưỡng tánh, vườn cảnh có thể tụ đức, con cháu đời sau có thể đọc sách, ngâm vịnh, vẽ tranh, đánh đàn, tiếp thu đạo lý cuộc đời, nuôi dưỡng nhân cách chính trực, cao sang trong môi trường vườn cảnh. Vườn cảnh chan chứa cái tình, nhưng vẫn đầy đủ lý lẽ, nên có thể nói ý nghĩa sâu sắc của nó chính là đây.

Điều kiện để xây vườn cảnh tư gia vùng Giang Nam

Vườn cảnh tư gia từ đời Minh, Thanh trở đi tập trung ở vùng Giang Nam. Đây không phải hiện tượng ngẫu nhiên, mà là do nơi đây có đủ điều kiện để xây vườn cảnh như yếu tố tự nhiên, kinh tế, nhân văn...

Sự phát triển của vườn cảnh tư gia vùng Giang Nam không thể tách rời với điều kiện thiên nhiên ưu việt tại đây. Đầu tiên, Giang Nam là vùng đất có nhiều sông ngòi, ao hồ, với mạng lưới sông ngòi chằng chịt, nguồn nước dồi dào, thuận lợi cho việc đưa nước vào vườn. Do nằm ở khu vực khí hậu ôn đới, mùa đông không khắc nghiệt, độ ẩm lại cao, nên thích hợp cho cây xanh sinh trưởng, hoa cỏ cũng đa dạng, do đó đa phần thực vật vườn cảnh tư gia Giang Nam đều tươi tốt, phong phú về chủng loại. Nơi đây còn cung cấp nhiều loại đá, trong khi Nam Kinh, Nghi Hưng, Côn Sơn, Hàng Châu, Hồ Châu... thì cung cấp nhiều loại đá hoành thạch; từ xưa Tô Châu đã có nhiều loại đá hồ thạch - lấy từ sông ngòi ao hồ. Dưới sự bào mòn của dòng nước, màu đá trở nên đậm nhạt khác nhau, mặt đá đầy những hoa văn, hình dáng trong trẻo lung linh, được xem là nguyên liệu thượng hạng trong kiến trúc núi đá vườn cảnh. Như vậy, việc tạo dòng chảy, đắp núi, kiến trúc, hoa cỏ... đều có thể tận dụng vật liệu tại chỗ.

Bất kể ở nông thôn hoặc đô thị, khu dân cư vùng Giang Nam luôn đông đúc hơn so với Bắc Kinh. Môi trường tự nhiên ưu việt như khí hậu, thổ nhưỡng, tài nguyên khoáng sản... và cả yếu tố mang tính đặc thù như vị trí địa lý... đã kết hợp với nhau làm cho vùng đất này từ xưa được mệnh danh là "nơi làm cá nhiều gạo" dần dần hình thành vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế Trung Quốc, đặc biệt là sau khi khi thông Đại Vận Hà đã nối liền nam bắc vào đời Tùy. Khu vực này nằm tại nút giao nhau giữa hai trục đường thủy





là Trường Giang và Đại Vận Hà, nối liền vùng đất bao la phía tây và phía bắc Trung Quốc. Tơ lụa được sản xuất tại Tô Châu và Hàng Châu nổi tiếng khắp nơi từ thời Lương Hán; thành cổ Dương Châu có hơn 2400 năm lịch sử với vai trò là trạm trung chuyển hàng hóa tại điểm cuối phía nam Đại Vận Hà đã phát triển thành thương cảng quan trọng, dễ thông thương với nước ngoài từ đời Đường. Vào thời Minh, Thanh, sau khi trở thành trung tâm thương mại và cảng vận tải đường sông vùng Giang Nam, Dương Châu càng thu hút nhiều thương gia giàu có đến đây. Cũng từ lúc này, Giang Nam đã trở thành khu vực nông nghiệp, thủ công nghiệp, và thương nghiệp phồn vinh nhất của Trung Quốc.

Sự phồn vinh về kinh tế cả ở nông thôn và thành thị của Giang Nam kéo theo sự phát triển không ngừng của ngành xây dựng, đồng thời thúc đẩy sự phát triển về vật liệu và kỹ thuật trong xây dựng. Ngành xây dựng phát triển trong thời gian dài trước đó đã hình thành đội ngũ thợ dòng đào. Thợ mộc, thợ lợp ngói, thợ hồ vùng Giang Nam từ xưa đã nổi tiếng với tay nghề sắc sảo, nhiều thợ giỏi được triệu tập xây dựng hoàng cung. Vào đời Minh, Thanh, nhiều bậc thầy và thợ về xây dựng tại miền bắc đều đến từ miền nam, nhưng kỹ thuật cũng như phong cách kiến trúc hai miền nam bắc vẫn khác nhau rất xa.

Xây dựng vườn cảnh là một kiểu kiến trúc văn hóa, không chỉ đòi hỏi những điều kiện về vật chất, mà còn cần bề dày về nhân văn. Vùng Giang Nam có truyền thống văn hóa Hán lâu đời, lắng đọng, từ xưa chất nhân văn đã tề tựu, hiển sĩ đời nào cũng có; đồng thời sự phát triển về kinh tế, văn hóa và cuộc sống đô thị phồn vinh đã thu hút văn nhân đến từ khắp nơi, ví dụ các nhà thơ như Bạch Cư Dị, Tô Thức nổi tiếng Trung Quốc đều nhận chức quan lớn tại Hàng Châu, họ không những đứng đầu trong cuộc cải tạo công trình Tây Hồ, giúp khơi thông dòng chảy, xây đắp bờ đê, xanh hóa khu hồ, xây dựng quang cảnh, làm cho Tây Hồ trở thành khu vườn cảnh thiên nhiên, mà còn để lại rất nhiều bài thơ hay ca ngợi Tây Hồ, từ đó làm phong phú thêm môi trường nhân văn tại nơi này. Đời Nam Tống (1127 - 1279), kinh đô được dời sang Lâm An (nay là Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang), hàng loạt quan lại, văn nhân cũng lũ lượt về đây định cư. Họ ngâm thơ vẽ tranh, giúp văn học nơi này tràn đầy sức sống, và tranh, thơ vẽ sơn thủy vốn có ảnh hưởng trực tiếp đến nghệ thuật vườn cảnh lại vô cùng thịnh hành tại Giang Nam.

Ưu thế về tự nhiên, kinh tế, nhân văn đã tạo điều kiện tốt cho quá trình xây vườn. Từ đời Nam Tống trở lại, hàng loạt quan lại, thương gia, văn nhân tề tựu tại Tô Châu, phong trào xây vườn trở nên cực thịnh trong một

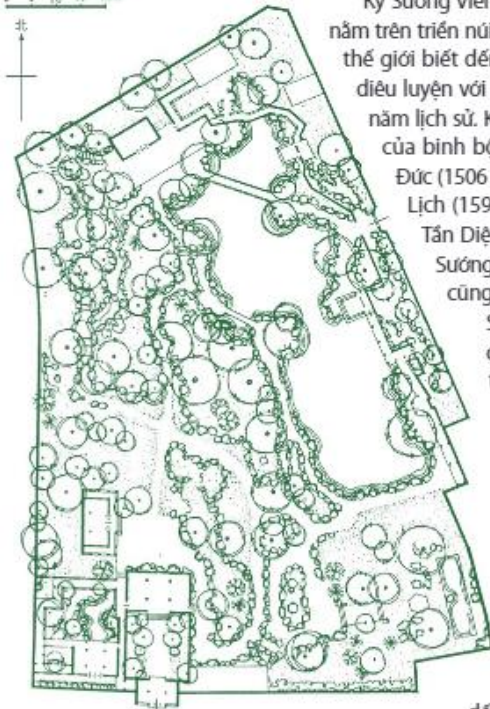
Cảnh sắc thú vị trong khu vườn cảnh thiên nhiên Đông Hồ tại Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang

thời kỳ dài. Hai đời Minh, Thanh chọn hiền sĩ bằng khoa cử, số đậu cử nhân vùng Giang Nam vào kinh làm quan không ít, số quan lại văn nhân này khi cáo lão hồi hương phần nhiều mua ruộng đất, xây vườn cảnh. Cuối đời nhà Thanh, chiến loạn ở miền bắc liên miên, quan lại, thương nhân ần ần đổ về miền nam đến Chiết Giang xây trạch viên, tránh loạn lạc và tìm kiếm sự an toàn. Chủ nhân vườn cảnh thường giỏi về tranh, hoặc học đời làm sang, không những bỏ công sức chăm nom khu nhà ở của mình, mà còn đích thân tham gia thiết kế vườn cảnh. Vì thế, vườn cảnh tư gia Giang Nam thời Minh, Thanh đạt đến đỉnh cao cả về chất lượng và số lượng.

Thường ngoạn và khám phá danh viên Giang Nam

Ký Sướng Viên ở Vô Tích

0 5 10 15 20m



Bản vẽ mặt cắt Kỳ Sướng Viên ở Vô Tích.

Kỳ Sướng Viên ở Vô Tích là vườn cảnh đích thực nằm trên triển núi nổi tiếng vùng Giang Nam, được thế giới biết đến với nghệ thuật xây dựng vườn điêu luyện với phong cách độc đáo, có hơn 400 năm lịch sử. Kỳ Sướng Viên lúc đầu là dinh thự của binh bộ thượng thư những năm Chính Đức (1506 - 1521) đời Minh, đến năm 19 Vạn Lịch (1591) đời Minh, hậu nhân Tấn gia là Tấn Diệu đứng ra trùng tu, trở thành Kỳ Sướng Viên, sau đó các hậu duệ họ Tấn cũng tiến hành trùng tu nhiều lần. Kỳ Sướng Viên vừa mang đặc điểm cong vòng uốn lượn, mô phỏng tự nhiên của vườn cảnh Giang Nam, vừa khéo chọn thế núi để xây vườn, tạo được sự hài hòa tự nhiên và mang nét đặc trưng của tính giản dị thanh cao.

Bước vào khu phía tây Kỳ Sướng Viên, hình ảnh cây già, hẻm vắng, tiếng suối như đưa ta vào khu rừng u lặng. Tại đây, bạn sẽ thấy núi nhân tạo hiện diện khắp nơi, gần như chiếm đến hai phần ba tổng diện tích khu vườn. Trên núi nhân tạo có

33



trồng cây thân to và cây bụi thấp, theo những triển núi là các thung lũng, hẻm vắng. Nước suối dẫn từ Huệ Sơn theo thế núi chảy thành dòng, róc rách vang giữa làn khe núi, tạo nên cảnh quan với tên gọi "suối bát âm".

Phía đông khu vườn có một hồ nước hẹp dài, hẹp hướng đông tây, dài hướng tây bắc, chiếm 17% tổng diện tích, có tên là Cẩm Hối Y. Nước hồ chia thành hai khu nam bắc, với mục đích xóa nhòa cảm giác hẹp dài của hồ. Phía bắc của hồ có Bình Kiều và Lang Kiều bắc trên mặt nước, để tăng thêm chiều sâu cho không gian nước có diện tích giới hạn. Sau cùng là chọn đầu phía bắc là phần cuối của hồ nước, mượn không gian của Lang Kiều nhằm tạo cảm giác hồ nước không có phần đầu nhưng lại có nguồn nước. Diện tích Cẩm Hối Y không lớn, nhưng do bờ hồ uốn lượn, nước hồ lại được chia thành nhiều khu, nên không gian khá thông thoáng và sinh động.

So với phong cảnh thiên nhiên, vật thể kiến trúc trong vườn không nhiều, ngoài vài từ đường, sảnh đường, thư phòng tập trung tại lối vào, đình dài lâu các và cầu đều nằm tản mát quanh hồ. Trong đó có Trì Ngư Giám (là đình thủy tạ) nằm ở bờ đông đoạn giữa hồ, là phần trung tâm trong tổng thể hồ nước, nơi đây

Trì Ngư Giám là phần trung tâm trong tổng thể hồ nước.



Thương Lăng Đình

Thương Lăng Đình nằm trên đường Thương Lăng Đình phía nam thành Tô Châu, hiện là khu vườn cảnh cổ nhất Tô Châu, diện tích khoảng 1,1 hecta, là một trong những vườn cảnh lớn ở Tô Châu, mang phong cách vườn cảnh đời Tống, là điển hình của vườn cảnh mang phong cách tả ý, trước đây nơi này thuộc Quảng Lăng vương Tiền Nguyên nước Ngô Việt thời Ngũ Đại, cận thích Trung Ngô Quân tiết độ sứ Tôn Thừa. Năm thứ 5 Khánh Lịch (1045) đời Bắc Tống, nhà thơ Tô Thuần Khâm (Tứ Mỹ) lưu ngụ tại Ngô Trung, mua Viên Chỉ với 4 vạn tiền, xây đình bên hồ gọi là "Thương Lăng". Từ đó về sau, nhiều đời chủ tiến hành tu sửa và mở rộng. Thương Lăng Đình hiện nay là di tích được phục dựng vào năm Đồng Trị thứ 12 (1873) đời Thanh.

34



Ký Sướng Viên ở Vô Tích - Ở cửa đón lấy màu xanh từ thiên nhiên.

Có thể bao quát cảnh núi non nằm dọc bờ tây của hồ. Gia Thụ Đường nằm phía bắc khu vườn, thế đất cao ráo, là cảnh quan chính của toàn vườn cảnh, ngược nhìn phía trước là ngọn Huệ Sơn thẳng đứng, nhìn lại phía sau là bóng tháp Tích Sơn dao động, dưới ngọn gió xuân là làn nước lăn tăn gợn sóng, du khách như thế bước vào trong tranh. Tích Sơn, Huệ Sơn không nằm trong vườn, nhưng cảnh thì ở lại. Một khoảng hẹp dài chỉ với hai mẫu rưỡi (1 mẫu Trung Quốc tương đương 625 m², 1 hecta bằng 16 mẫu), nhưng thể hiện được chiều sâu vô tận bằng nhiều tầng lớp cảnh vật. Hàm Bích Đình nằm bờ tây bắc của hồ nước cùng với hành lang nhà, hành lang cầu vồng nối liền Tri Ngư Giám, Hàm Bích Đình, vừa là nơi ngắm cảnh, nghỉ ngơi, vừa có tác dụng tô điểm cho khu vườn bằng mái đình, tường sơn, cửa sổ rộng khung.

Diện tích Ký Sướng Viên không lớn, do được qui hoạch rõ ràng, hình dáng, kiến trúc và sự tinh tế của núi nhân tạo, đá chống, hồ nước đều được xử lý tỉ mỉ, vì thế mới hình thành nhiều cảnh quan đặc sắc. Đặc biệt là nó tạo dựng khung cảnh rừng núi bằng dấu ấn ngọn núi, dòng nước đậm nét và sự lỏng lẻo đến tinh tế của cụm kiến trúc, kế thừa hoàn toàn phong cách vườn cảnh nhân văn từ đời Tống, trở thành báu vật vườn cảnh đời Minh, Thanh còn sót lại.

Chuyết Chính Viên

Chuyết Chính Viên là một vườn cảnh tư gia xinh đẹp khác ở Giang Nam, mang tính chất độc đáo của vùng sông nước Giang Nam. Chuyết Chính Viên nằm phía đông bắc thành Tô Châu, được xây vào những năm Chính Đức (1506 - 1521) đời Minh, là trạch viên của Vương Hiến Thân, vị chủ nhân đầu tiên, sau đó nó hoán chủ nhiều lần. Vườn chia thành 3 khu đông, trung, tây, tổng diện tích là 4,1 hecta, thuộc loại vườn cảnh lớn trong số vườn cảnh tư gia. Ngày nay, 2 khu trung và tây vẫn giữ nguyên diện mạo, khu đông được cải tạo thành vườn cảnh mới. Tuy diện mạo của Chuyết Chính Viên ngày nay không hoàn toàn giống với những năm Chính



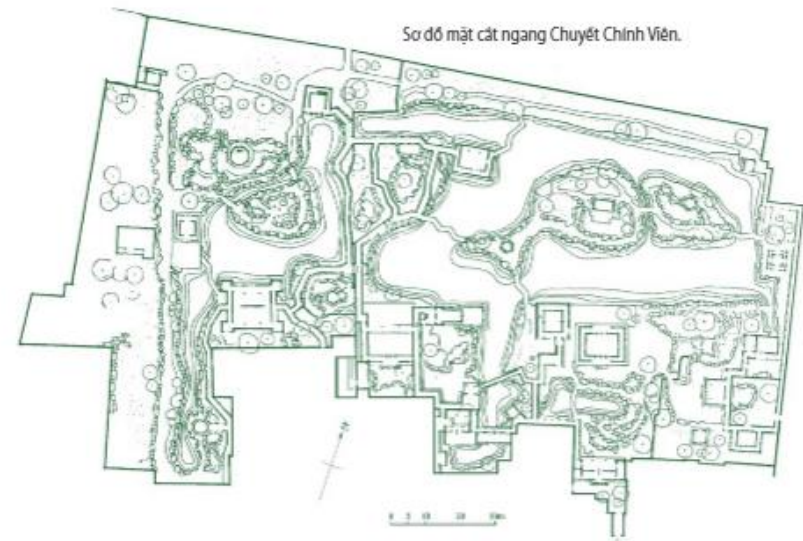
Đức đời Minh, nhưng vẫn là khu vườn quan trọng trong những vườn cảnh tư gia.

Khu giữa của Chuyết Chính Viên là phần trung tâm của vườn, nhìn từ qui hoạch tổng thể, có thể chia thành khu hồ nước phía bắc và khu đất phía nam, mỗi khu chiếm nửa diện tích, trong đó kiến trúc của vườn tập trung phía nam, đỉnh dài lâu các chủ yếu đều xây tại đây. Trong tổ hợp toàn khu vực, từ đông sang tây có thể chia làm 3 phần, trong đó quan trọng nhất là phần nằm ở giữa. Viên Hương Đường nằm ở trung tâm vườn là kiến trúc sảnh đường lớn nhất tại đây, hướng mặt về phía hồ nước, góc phía bắc sảnh đường rộng rãi, nước hồ trong xanh, mùa hè lá sen chen chúc trong hồ, gió thoảng hương sen, ngan ngát khắp vùng, là nơi ngắm sen tuyệt vời. Từ khung cửa sổ sát đất bằng kính trong suốt của Viên Hương Đường có thể nhìn thấy phong cảnh bốn bề, như thể đang thưởng thức bức tranh sơn thủy rộng lớn. Phía đông là quần thể kiến trúc gồm Hải Đường Xuân Ố, Linh Lung Quán, Gia Bảo Đình, Thỉnh Vũ Hiên... được vây kín thành khu riêng biệt với tường rào và núi nhân tạo vây quanh, bên trong trồng cây tỉ bà, nên gọi là "Ti Bà Viên". Phía tây có Ngọc Lan Đình, Đắc Chân Đình, Hương Châu... cũng được vây bọc bởi hành lang và núi nhân tạo, hình thành không gian nhà vườn khép kín.

Sảnh

Sảnh trong vườn cảnh là kiến trúc phục vụ cho việc tiếp khách, yến tiệc, thường làm hoa lá cỏ cây, thường thức các tiết mục biểu diễn qui mô nhỏ, nó phát huy chức năng công cộng trong kiến trúc vườn cảnh đời xưa. Không chỉ đáp ứng nhu cầu không gian lớn để phục vụ cho nhiều tân khách, mà sảnh còn cầu kỳ trong trang trí khung cửa, đạt được tính trang nhã, xinh xắn trong tổng thể kiến trúc, hoa cỏ và non bộ được trồng và bố trí nhiều trước sảnh. Đa số sảnh đều có cửa và cửa sổ ở mặt trước và sau, nhưng cũng có sảnh với bốn mặt đều trở cửa.

Sơ đồ mặt cắt ngang Chuyết Chính Viên.





Nhìn chung, chủ thể khu trung tâm Chuyết Chính Viên là không gian nước mở rộng, cảnh quan kiến trúc chỉ đóng vai trò phụ, sự kết hợp của cả hai tạo nên tính sinh động cho cảnh quan khu vườn. Phần phía bắc khu chính giữa là không gian nước giữa hồ là hai đảo lớn và nhỏ, trên đảo là ngọn núi đắp bằng đất đá. Trên đỉnh núi đảo phía tây có đình "Tuyết hương vân úy", nằm đối diện với Viên Hương Đường. Phía tây đảo có đình được lấy tên từ hoa sen (hà) là "Hà phong tứ diện", ven bờ ba mặt còn lại của đảo liễu mọc tươi tốt um tùm, còn phù dung thì chen chúc tứ bề, tạo thành bức tường màu xanh. Nhìn Hà phong tứ diện từ trên cao, chỉ thấy mái đình cong vút ngói khỏi mặt nước, tựa như hoa sen trong hồ vậy kín viên minh châu. Trên núi ở đảo nhỏ phía đông có một mái đình Bắc Sơn. Giữa hai đảo cũng như từ đảo vào bờ đều có cầu nối, một mặt giúp du khách tiện đi lại, có thể ngắm cảnh mà không bị gián đoạn, mặt khác nó giúp tăng tính chiều sâu của không gian nước. Khu tây bắc hồ nước có "Kiến Sơn lâu", là cảnh quan chính của khu bắc vườn cảnh, từ Kiến Sơn lâu có thể quan sát đình Tuyết hương vân úy nằm giữa làn nước ở cự ly gần, xa hơn có thể thưởng thức nhiều quang cảnh như Hương Châu, Tiểu Phi Hồng. Phía tây hồ nước là hai hành lang "Tiểu Phi Hồng" và "Tiểu Thương Lăng" bắc trên mặt nước, tạo cảm giác nước hồ có nguồn nhưng không có điểm cuối. Nửa phần phía nam khu trung tâm tuy tập trung nhiều kiến trúc, nhưng vì kiến trúc đa dạng gồm sảnh, đường, đình, phòng (kiến trúc có hình dạng như chiếc thuyền), vừa có hành lang, cầu, non bộ xen kẽ giữa chúng, cộng thêm sự điểm xuyết của những loại thực vật đặc sắc như tỷ bà, hải đường, nên cảnh quan khu vườn có phần lạc lõng đến thú vị, nhưng không hề tạo cảm giác đơn điệu.

Diện tích phía tây Chuyết Chính Viên chỉ bằng một nửa khu chính giữa, cũng lấy không gian nước làm chủ đạo. Nước hồ trải dài từ hướng bắc đến hướng nam, nơi khá rộng giữa hồ có đảo nhỏ, không gian nước nơi đây hẹp và dài. Cảnh quan chính nơi này tập trung chủ yếu ở nửa phần phía bắc. Phía bắc hồ nước là "Đảo Ảnh Lâu", giữa những cột nhà ở mặt hướng về hồ là hàng cửa sổ

Núi nhân tạo Sư Tử Lâm

Núi nhân tạo Sư Tử Lâm là một trong những ví dụ khúc chiết nhất, phức tạp nhất về xây núi trong vườn cảnh cổ điển Trung Quốc. Cuối đời Nguyên, đầu đời Thanh, quá trình xây vườn đã tập hợp một lượng lớn "hoa thạch cương" đời Bắc Tống, bằng ý tưởng tuyệt vời của chuyên gia xếp đá, núi nhân tạo có khí thế hào hùng, núi nhân tạo với cách thức sắp xếp đá Thái Hồ là "thấu, lậu, sâu, trầu" (tức xuyên thấu, hở khe, ồm gầy, gồ ghề) tạo nên hiệu ứng thanh thoát, hang hốc như quyện vào nhau, như một mê cung không lối thoát. Trên non bộ có đỉnh đá và măng đá. Giữa những đỉnh đá là cây cổ thụ lớn và cây tùng bách, rễ cây thì rủ xuống măng đá, quang cảnh đậm chất hoang sơ. Núi nhân tạo chia thành 3 tầng: trên, giữa, dưới; gồm 9 đường mòn; 21 cửa động. Du khách men theo đường mòn lên lối giữa các đỉnh núi, thung lũng, đôi khi đi xuyên qua động, có lúc bước qua cầu, lên cao rồi xuống thấp, rẽ trái rồi vòng phải, đi rồi lại về, thật là kỳ diệu.



Không gian nước khu trung tâm Chuyết Chính Viên chiếm 3/5 có tổng diện tích.

thông thoáng xinh xắn, cảnh vật soi bóng xuống mặt hồ đẹp tựa tranh, quan cảnh như gom về một mối. Nước lồng lẩy trắng, sóng, ánh trắng thấp thoáng trên mặt hồ gợn sóng, chẳng khác gì bóng lai tiên cảnh. Phía nam là “Tam thập lục uyển ương quán”, mùa hạ và thu, nhìn qua cửa sổ có thể thấy hoa sen bông bênh trên hồ, uyển ương vui vầy trên nước. Đoạn hành lang đang thả mình trên nước làm cho bức tường giữa khu trung tâm và phía tây hiện ra rõ ràng. Nhìn từ xa, tổng thể Lưu Thính Đình bên hồ trông như gian nhà thuyền nằm giữa hồ mọc đầy hoa sen. Trong thời gian lá, nụ, hoa, hạt của hoa sen sinh trưởng, đều có thể quan sát được, từ cuối xuân đầu hạ, mặt hồ xuất hiện li ti những chồi xanh, đến giữa hè thì sen chen chúc khắp mặt hồ, và thân lá sen khô héo khi sắc thu về, mỗi giai đoạn đều mang vẻ đẹp đặc sắc của nó.

Diện tích mặt nước Chuyết Chính Viên chiếm 3/5 tổng diện tích khu vườn, vật thể kiến trúc gần như tập trung hết về bờ hồ. Hương Châu Thạch Phảng (phảng có nghĩa là thuyền) có dáng vẻ miếu hình chiếc thuyền khi đứng ở mũi thuyền sẽ thấy nước hồ lăn tăn gợn sóng, bốn bề thoáng đãng, chiếc thuyền làm ta liên tưởng đến cảnh tuồng cổ cá diếc sang sông. Trong vườn còn trồng

Tạ

Tạ (thủy tạ) trong vườn cảnh thường là kiến trúc nằm bên bờ hồ, xung quanh có lan can thấp, mái nhà thường là mái xiên, góc mái thấp và bằng, thể hiện sự tinh tế quý phái. Chức năng chính của thủy tạ là ngắm cảnh, cũng là nơi nghỉ ngơi lúc tham quan vườn cảnh.



Vườn cảnh Trung Quốc

nhiều loại hoa lá cỏ cây, hình thành nhiều cảnh quan với chủ đề chính là hoa lá cỏ cây, phục vụ cho mục đích thưởng thức. Vào đầu xuân, hoa mai Tuyết hương vẫn úy đình nở rộ trong cái lạnh, hoa hải đường ở Hải Đường Xuân Ồ tranh nhau khoe sắc; vào hè, cây tì bà trong Gia Thực Đình kết đầy trái hoàng kim; vào thu, hương lúa bên ngoài Thuật Hương Quán thoảng thoảng bay sang; vào đông, từng trúc trong Tùng Phong Thủy Các vẫn mỉm cười trong cái lạnh. Kiến Sơn Lầu giúp ta mẩn tâm mắt, Viễn Hương Đường khơi dậy khứu giác trong ta, Thính Vũ Hiên đưa ta đến cảnh giới hoàn mỹ của thị giác khi nghe rõ tiếng mưa rơi trên lá ba tiêu (một loại chuối), sự thiết kế đến tỉ mỉ của Chuyết Chính Viên giúp chủ vườn đắm chìm trong cảnh sắc xinh đẹp suốt bốn mùa trong năm, nó thể hiện cái đẹp cảm tính trong nghệ thuật phương Đông.

So với diện mạo vào những năm Chính Đức đời Minh, kiến trúc Chuyết Chính Viên tăng rõ rệt về lượng, đã xuất hiện thêm tiểu đảo trong hồ, cảnh quan tuy không còn tinh tự nhiên, thoáng đãng, sâu lắng như trước, nhưng vẫn là tác phẩm vô cùng tinh tế.

Võng Sư Viên

Năm 1981, Viện bảo tàng nghệ thuật New York tổ chức triển lãm một vật phẩm có giá trị vịnh cửu - kiến trúc vườn cảnh cổ điển Trung Quốc “Minh hiên”, bản gốc của nó chính là tiểu viên Điện Xuân Di trong Võng Sư Viên. Võng Sư Viên nằm ở Nam Khoát Gia Đầu Hang thành Tô Châu, có diện tích 0,4 hecta, chưa bằng 1/6 diện tích Chuyết Chính Viên, nhưng vẫn cho thấy sự to lớn của nó. Võng Sư Viên có bố cục chặt chẽ, kiến trúc tuy nhiều nhưng không ồm ồm; núi, hồ tuy nhỏ nhưng không hề



gò bó, là điển hình của phong cách quý hồ tinh bất quý hồ đa trong vườn cảnh cổ điển Tô Châu. Yếu tố chính phụ rõ ràng, thay đổi linh hoạt, viên trung hữu viên, ngoại cảnh hữu cảnh của Vồng Sư Viên có thể nói cực kỳ tinh tế, thể hiện nghệ thuật xây vườn siêu việt.

Vồng Sư Viên được xây lần đầu tiên là vào những năm Thiệu Hưng (1131-1162) đời Nam Tống, sau nhiều lần đổi chủ, mãi đến những năm Quang Tự (1875-1908) đời Thanh, nó thuộc về viên quan họ Lý, qua tu chỉnh, diện mạo được giữ nguyên cho đến hôm nay.

Trong Vồng Sư Viên, khu nhà ở nằm phía đông và khu vườn nằm phía tây, số lượng kiến trúc trong vườn rất nhiều, cảnh chính trong khu phía tây là hồ nước chỉ với 400m². Có thể nói, việc xây dựng một khuôn viên với kỹ thuật tinh xảo trong một diện tích như vậy là điều rất khó. Nhìn từ cấu trúc toàn khu vườn, phía đông có khu nhà ở, được chia thành nội trạch và ngoại trạch. Từ cổng bước vào, thứ tự kiến trúc theo trục chính là cửa sảnh, kiệu sảnh (nơi dành cho người đi kiệu lên xuống), đại sảnh, lầu sảnh (sảnh trên lầu), cấu trúc thoáng rộng, trang trí tao nhã. Các kiến trúc tận dụng núi nhân tạo, hành lang, tường trở cửa sổ để hình thành khuôn viên riêng biệt, do đó kiến trúc không những không bị gò bó, mà ngược lại còn tạo cảm giác tinh lặng. Phía bắc hồ nước là nhà đọc sách, ngầm tàng, một ngọn núi nhân tạo, hai cây tùng già, tất cả tạo nên một khuôn viên nhỏ khép kín. Mặt bắc của Điện Xuân Di thuộc hướng đông bắc hồ nước có vài hòn hồ thạch, kết hợp với mai, trúc, ba tiêu tạo thành tiểu cảnh trúc thạch. Phóng tầm mắt từ khung cửa sổ hình chữ nhật, có thể bao quát cả mảng trúc xanh tươi tốt vút thẳng lên cao, mai thẳng chập và núi nhân tạo quanh đó như những tiểu phẩm quốc họa thanh nhã, đậm chất thi họa. Những cụm kiến trúc này có nét đặc trưng riêng, vừa mang tính độc lập, lại vừa liên kết với các hành lang, đường mòn lát đá, tránh được việc tập trung nhiều kiến trúc có thể gây nên sự ùn ứ cũng như cảm giác chen chúc.

Hồ nước nằm ở trung tâm phía tây khu vườn, bốn mặt dài khoảng 20m, diện tích không lớn, lại lọt thỏm giữa những kiến trúc bao quanh, người thiết kế đều có



"Trúc ngoại nhất chi hiên" là một hành lang, bên ngoài cửa đi và cửa sổ trên bức tường phía bắc là hàng trúc xanh trước Táp Hư Trại.



Với vai trò là một nội trạch, cách bài trí sảnh đường Hiệt Tử Lâu thể hiện rõ yếu tố thực tế đời thường của nó.

những giải pháp tinh tế dành cho kiến trúc gần hồ nước. Nguyệt đảo phong lai đình với hình bát giác nằm phía đông hồ nước đứng sừng bên bờ, là cảnh chính trong hồ; còn Xạ áp lang thì nối liền với bức tường khu nhà. Từ khu nhà ở bước vào trong đình, nước hồ bên dưới và Nguyệt đảo phong lai đình nằm đối diện là sự kết hợp độc đáo; từ Nguyệt đảo phong lai đình nhìn lại, cảnh quan đã khác hẳn. Dưới Xạ áp lang có đắp núi nhân tạo bằng hồ thạch, chỉ cao bằng một nửa bức tường, bên dưới là nước hồ, phần giữa trên của bức tường là những ô cửa sổ giả. Đình tựa với mái ngói vút nhọn, những hòn đá núi cao lớn, những cửa sổ giả trên tường, bụi cây giữa khối đá và cây tùng già trước đình đều lấy bức tường làm phông nền, vẽ nên bức tranh sơn thủy tại bờ đông của hồ, thoát khỏi sự đơn điệu và kích thước bất cân xứng của bức tường bên hồ nước. Hai đầu nam bắc hồ nước là Sơn Tùng Quế Hiên và Khán Tùng Độc Sách Hiên với kiến trúc khá lớn, vì thế trước hiên có núi nhân tạo, hình thành thế đá núi vây lấy nước, kiến trúc ẩn hiện sau nó. Hai góc tây bắc, đông nam hồ nước là hai vịnh nước nhỏ, có cầu đá băng ngang, cũng là nơi vào và ra của dòng nước, tránh được tình trạng nước tù



động trong hồ. Chạy dọc bên hồ là những hòn núi đá, xa xa là một vài đình tạ, và sự kết hợp của cây cỏ hoa lá giúp tạo nên một cảnh quan rất đối tự nhiên, thú vị. Với cách xử lý tinh tế độc đáo như vậy, hồ nước vốn không lớn lại có thể cách ly với cụm kiến trúc xung quanh.

Chủ vườn cuối đời Thanh phần nhiều là quan lại, phú thương, họ mong muốn hưởng thụ cuộc sống tại nơi mình ở, nên yêu cầu phải đa dạng về kiến trúc; và nếu tỉ lệ kiến trúc quá lớn, sẽ làm cho vườn cảnh mất đi tính giản mộc và thoáng đãng mà vườn cảnh văn nhân truyền thống tồn sùng. Vậy mà Võng Sư Viên trong điều kiện kiến trúc quá nhiều, quá tập trung lại vẫn có thể giữ được nét tạo nhâ thú vị của phong cảnh tự nhiên, âu cũng là tác phẩm thành công so với vườn cảnh khác cùng thời.

Cá Viên

Thời kỳ Minh, Thanh, vườn cảnh Dương Châu rất thịnh hành, vườn cảnh tư gia có mặt khắp nội ngoại thành, sau nhiều cuộc chiến loạn, số vườn cảnh được bảo tồn tương đối hoàn chỉnh cho đến nay là không nhiều, Cá Viên là một trong số đó. Cá Viên là trạch viên tư gia của đại thương gia muối Dương Châu là Hoàng Ứng Thái, được xây vào năm thứ 23 Gia Khánh (1818) đời Thanh. Hoàng Ứng Thái có biệt hiệu là "Cá Viên", nguyên nhân là do khu vườn trồng nhiều loại trúc, trong tiếng Hán, một nửa của chữ "trúc" (竹) là chữ "cá" (个), nên vườn cảnh này còn có tên là "Cá Viên".

Cá Viên nằm trong thành Dương Châu, được xây sau khu nhà họ Hoàng, diện tích khoảng 0,55 hecta. Kiến trúc trong vườn không nhiều, nhưng



Sơ đồ mặt cắt Cá Viên ở Dương Châu

Lâu

Lâu trong vườn cảnh đa phần gồm 2 tầng hoặc 3 tầng, thường nằm sau sảnh đường của vườn cảnh đời Minh, thường dùng làm phòng ngủ, phòng đọc sách hoặc nơi thưởng lãm phong cảnh. Vì là kiến trúc cao nên thường trở thành một cảnh quan trong vườn cảnh, đặc biệt khi nó nằm ở vị trí tựa sơn hướng thủy.



quan trọng nhất là "Thất gian lâu phòng" (nhà 7 phòng), nhà cao 2 tầng, có tầm nhìn bao quát cả khu vườn, là nơi gặp gỡ tiếp khách của chủ vườn. Phía đông nam có "Thấu phong lâu nguyệt" với 3 phòng, mùa đông có thể ngắm cảnh tuyết rơi.

Đặc điểm đáng chú ý nhất của vườn cảnh này là đá chống. Phía tây "Thất gian lâu phòng" là núi nhân tạo lớn xây bằng hồ thạch, đỉnh cao nhất ở giữa núi là 6m, hai bên cao thấp không đều, chân núi nối liền với phần bờ hồ. Giữa núi có hang động, trong hang âm u, lối đi ngoằn ngoèo, hè sang nơi đây càng thêm mát; cả khối núi làm bằng hồ thạch, là loại đá xanh xăn có lớp hoa văn nhân dày đặc, đá màu xám trắng, nên gọi là "hạ sơn". Mặt đông ngôi nhà là núi nhân tạo xây bằng hoàng thạch với hình dáng to dày cao lớn, đỉnh núi chính cao gần 7m, trên núi còn xây thêm phong, linh, loan, tụ. Đường lên núi vòng xoắn ốc, có khe suối, thung lũng và hang động. Núi nhân tạo hướng tây, sắc vàng mặt đá dưới ánh hoàng hôn ứng lên mảng màu vàng thu, nên được gọi là "thu sơn". Thấu Phong Lậu Nguyệt sảnh vốn là nơi ngắm cảnh tuyết rơi, nên tại nơi thiếu sáng ở bức tường trước sảnh được sắp thêm sơn thạch màu trắng nhạt, tạo cảm giác tuyết trên đá vẫn còn đó, nên có tên là "đông sơn". Ba ngọn núi nhân

Sơn Ưc

Nghệ thuật truyền thống Trung Quốc chú trọng tính hàm súc, nên khi phối cảnh, bao giờ cũng đặt ngọn núi nhân tạo ở ngay cổng vào khuôn viên, nên nó được gọi là "Sơn Ưc", có tác dụng dẫn dắt, và thông qua những đường mòn, hồ nước, dòng thác... khu vườn dần dần hé lộ những khung cảnh đẹp hơn, giúp khách tham quan như đang bước từng bước một vào tiên cảnh.



Lối vào Cá Viên là vòm cửa tròn, bên ngoài trồng trúc, giữa những cây trúc là các phiến đá.



tạo này cùng với khối đá măng “xuân sơn” trước vườn hợp thành quán thể núi, tượng trưng bốn mùa xuân hạ thu đông, đây được xem là tinh hoa của Cá Viên. Hồ trong vườn không lớn, nhưng mặt hồ uốn lượn một cách tinh tế, 4 góc hồ đều có vịnh nhỏ, nước ăn sâu vào góc nhà và trong động của hạ sơn, thu sơn, nên một hồ nước nhỏ cũng có thể biến thành vùng nước sống động. Bờ hồ luôn có những hòn hồ thạch, có hòn ăn sát mép nước, có hòn nằm trên cao để tạo thành hang động, tất cả có cùng mục đích tăng tính sinh động cho hồ nước.

Cá Viên xây vào những năm Gia Khánh (1796-1820) đời Thanh. Vườn cảnh tư gia cuối đời Thanh, đặc biệt là vườn cảnh của quan lại, thương gia đều mang đặc điểm giàu sang xa hoa. Tinh phò trương tầm thường đã thay thế phong cách thoáng đãng tao nhã của vườn cảnh văn nhân, và Cá Viên là ví dụ điển hình. Trong vườn tuy có vẻ đẹp 4 mùa của cảnh núi đá, nhưng dấu tích con người để lại quá rõ nét, thiếu nhiều yếu tố tự nhiên.

Danh viên phương Bắc

Điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa và những mặt khác của miền bắc khác nhiều so với miền nam. Nhiệt độ mùa đông miền bắc thấp, thực vật khi sinh trưởng chịu ảnh hưởng nhiều bởi khí hậu, loại cây bốn mùa xanh tốt rất ít. Vào mùa đông, ngoài tùng, bách và rất ít loại cây ra, cây thân to, cây lùm bụi đa số đều héo úa, cho dù là vào mùa xuân, chủng loại cây cối, hoa cỏ vùng này cũng không thể phong phú đa dạng bằng Giang Nam. Về kinh tế, bất kể là sản xuất nông nghiệp hay thương nghiệp tại thành thị, miền bắc đều không phát triển bằng miền nam, đến cả thời Minh, Thanh, lương thực và vật dụng hàng ngày vẫn phải vận chuyển từ Giang Nam bằng đường thủy. Đáng chú ý là trung tâm chính trị các triều đại phần nhiều đặt ở phương bắc, đặc biệt là Bắc Kinh, nơi là kinh đô của 3 triều đại Nguyên, Minh, Thanh, nơi tập trung số lượng lớn hoàng thân quốc thích, quan lại quý tộc, những người này có thể lực chính trị, đặc quyền về kinh tế, cuộc sống thiên về hưởng thụ, và vì thế hàng loạt vườn cảnh tư gia được ra đời. Hoàng thân quốc thích, quan lại quý tộc thường là nhóm người có trình độ văn hóa khá cao, trong số đó không ít người có khuynh hướng tìm kiếm phong cách vườn cảnh văn nhân truyền thống, nhưng đa số vẫn thích sự giàu sang và xa hoa, còn nét đẹp nội hàm của vườn cảnh chẳng qua là thói học đòi cho có mà thôi. Kỹ thuật, phong cách trong kiến trúc giữa miền nam và miền bắc cũng tồn tại những khác biệt. Cho dù vào những giai đoạn này không ít bậc thầy vườn cảnh Giang Nam được triệu đến miền bắc xây dựng vườn cảnh, nhưng điều kiện tự nhiên, bối cảnh



Tứ Cấm Thành nhìn từ Cảnh Sơn phủ.

chính trị, văn hóa và hình thái kiến trúc dị biệt cũng làm cho vườn cảnh tư gia miền bắc mang đặc điểm riêng.

Ngoài vườn cảnh của quan lại, thương gia và văn nhân, Bắc Kinh còn có một loại vườn cảnh tư gia khác, đó là vườn cảnh trong vương phủ. Triều Minh, Thanh xóa hẳn chế độ phân phong, hoàng thân không còn được chia đất và đều sống tập trung tại kinh đô, họ có được chức cao, bổng lộc nhiều nhưng không có thực quyền. Trong bối cảnh chính trị như thế, vương phủ được phân chia cho hoàng tộc cư ngụ, sử dụng. Số lượng người trong hoàng tộc ngày một nhiều, gia sản lại dư thừa, nên một tứ hợp viện (kiểu kiến trúc 4 bề là nhà, khoảng giữa là sân chung) nhỏ nhỏ không thể đáp ứng nhu cầu của họ, thế là một loại hình nhà ở vương phủ được kết hợp bởi nhiều tứ hợp viện, vừa có nhà ở vừa có hoa viên xuất hiện tại kinh thành.

Vườn cảnh tư gia ở Bắc Kinh chủ yếu tập trung ven bờ sông Thập Sát Hải và vùng ngoại ô phía tây bắc là Hải Điện. Vào đời Nguyên, để giải quyết vấn đề thiếu nước khu vực thành Bắc Kinh, triều đình cho dẫn nước từ Tịnh Hà, Ngọc Tuyền Sơn phía tây bắc vào thành, nối liền hệ thống nước khu vực tây bắc kinh thành với Thập Sát Hải, Thông Huệ Hà, Vạn Hà, giải quyết được tình trạng thiếu nước ở khu vực này, việc vận chuyển hàng hóa từ Giang Nam cũng đến thẳng khu vực phía bắc thành phố, vì thế khu Thập Sát Hải trở thành trung tâm thương nghiệp nhộn nhịp trong thành Bắc Kinh. Đến đời Minh, Thanh, lưu vực sông Thông Huệ Hà giảm, thuyền vận chuyển lên miền bắc chỉ có thể dừng tại bến ngoại thành phía nam Bắc Kinh, Thập Sát Hải mất đi sự phồn vinh vốn có, chỉ còn lại một không gian nước đáng giá.



Nước nơi này trong xanh, sạch sẽ, sen, ấu, khiếm phát triển dày đặc, chim nước tung tăng trong đó, thế là trong bán kính ba bốn dặm, vườn cảnh tư gia xuất hiện đầy.

Ngoài ra ngoại ô phía tây bắc Bắc Kinh là dãy núi Thọ An với Hương Sơn là ngọn núi chính, gần hơn có Ngọc Tuyền Sơn và Ung Sơn. Vùng này có đặc điểm là nguồn nước phong phú. Từ xưa Ngọc Tuyền Sơn có nhiều suối nước, tại vùng đồng bằng lân cận chỉ cần đào xuống ba thước là thấy nước, trước đình Ung Sơn nước tích thành hồ, xưa gọi là Ung Sơn Bạc, hoặc Tây Hồ. Khu ngoại ô tây bắc có tên "Hải Điện" chính vì nơi đây có nhiều nước, và là khu vực sản xuất lúa quan trọng của Bắc Kinh, trở thành thắng cảnh thiên nhiên mang yếu tố sông nước Giang Nam. Vì vậy mà quan lại, quý tộc, văn nhân thường chọn nơi đây xây vườn, trong đó quý mô nhất, nổi tiếng nhất phải kể đến Thanh Hoa Viên và Thuộc Viên.

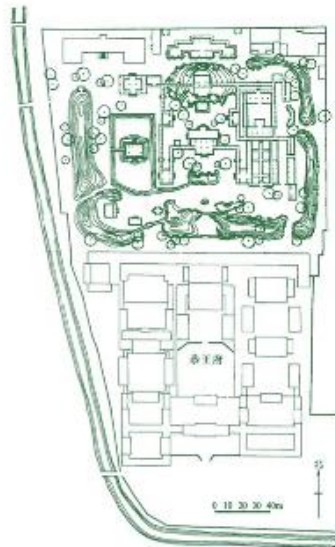
Thanh Hoa Viên là vườn cảnh tư gia của một hoàng thân quốc thích triều Minh, diện tích 80 hecta, nằm phía đông Di Hòa Viên, phía nam Viên Minh Viên. Thuộc Viên là vườn cảnh tư gia của Mễ Vạn Chung, thi nhân nổi tiếng đời Minh, xây vào những năm Vạn Lịch (1573 - 1619) đời Minh, nằm phía đông nam Thanh Hoa Viên, là vườn cảnh với chủ thể là không gian

nước, kiến trúc khá thoáng đãng, mộc mạc, mô phỏng vườn cảnh văn nhân truyền thống.

Không ít vườn cảnh tư gia còn lại sau đời Minh đều quy về quyền sở hữu của triều Thanh, chúng được ban chia cho hoàng thân, quý tộc, quan lại. Những vườn cảnh được ban chia này nằm quanh vườn cảnh hoàng gia, hình thành khu vườn cảnh bao la vùng ngoại ô tây bắc.

Hoa viên Cung Vương Phủ

Hoa viên Cung Vương Phủ còn gọi là "Tuyệt Cẩm Viên", tọa lạc trên con đường rợp bóng liễu phía tây Thập Sát Hải, là vương phủ có qui mô lớn nhất, bảo tồn tốt nhất trong hàng chục hoa viên vương phủ, cũng là nơi duy nhất mở cửa đón người tham quan duy nhất với danh nghĩa là hoa viên. Bố cục hoa viên Cung Vương Phủ rất tinh tế, khung cảnh lại tuyệt đẹp, có người nói đây là bản mẫu của Đại Quan Viên trong tác phẩm văn học cổ điển Trung Quốc "Hồng lâu mộng".



Sơ đồ mặt cắt Cung Vương Phủ - Tuyệt Cẩm Viên.



Vườn rau mang nét dân dã trong Tuyệt Cẩm Viên.

Cung Vương Phủ là tư gia của trọng thần Hòa Khôn vào những năm Càn Long (1736-1795) đời Thanh, sau đó bị triều đình tịch thu làm vương phủ. Kiến trúc chia làm hai phần phủ đệ và hoa viên, phủ phía trước, hoa viên phía sau. Diện tích hoa viên là 28 000m², gồm 31 kiến trúc, chủ nhân sau này của nó là Cung Thân Vương Dịch Hân từng điều động cả trăm thợ giỏi để trùng tu hoa viên, dung hòa phong cách vườn cảnh Giang Nam và kiểu kiến trúc miền bắc thành nhất thể, đồng thời yếu tố Trung - Tây cũng được kết hợp trong vườn cảnh. Cấu trúc toàn khu chia làm ba trục: trung, đông, tây với nét thanh tú tao nhã, tinh tế diệu kỳ.

Từ cửa giữa bước vào khuôn viên, vật đầu tiên nhìn thấy là cổng vòm bằng Hán bạch ngọc thạch mang phong cách kiến trúc phương Tây, đối diện với cổng khuôn viên là Độc Lạc Phong cao hơn 5m, với hình dáng mây đang bay. Sau Độc Lạc Phong là An Thiện Đường nằm trên nền cao bằng đá, hai bên là dãy hành lang uốn khúc nối thẳng đến chái nhà phía đông và phía tây, kết nối thành tam hợp viện với mặt hướng về phía nam.

Vào đời Thanh, tư gia trong thành Bắc Kinh muốn dẫn nguồn nước đang chảy vào nhà phải được hoàng đế cho phép, Cung Vương Phủ là một trong số ít vương phủ có được đặc quyền này. Hồ nước trong hoa viên hình con dơi xây bằng đá xanh, tên cũ là "Bức Hà", sau là "Bức Trì" ("bức" có nghĩa là con dơi). Xung quanh hồ có trồng cây du, mỗi khi vào mùa quả rụng, trái du có hình dáng như đồng tiền vương vãi khắp hồ, với ngụ ý là phú quý song toàn. Đi xuyên qua sảnh đường bước vào khu giữa sân vườn, có một núi đá tên là "Tích Thúy Nam", là cảnh chính toàn khuôn viên. Trước núi có hồ nhỏ, sau hồ là hang núi, gọi là "Mặt Vân Động", trong động có bia



chữ phúc do dịch thân Càn Long ngự bút, trên bệ bia đá còn có một bàn cờ tướng vuông vức tạo bởi đá vụn, đường nét rõ ràng. Phía bắc Tích Thúy Nham là Bức Sảnh có hình dáng loài dơi. Những kiến trúc chính như cửa vườn, An Thiện Đường, Tích Thúy Nham, Bức Sảnh đều nằm trên trục chính trong quần thể kiến trúc nhà ở Cung Vương Phủ, hình thành một quần thể có hình thức qui chỉnh.

Con đường phía đông của Tuy Cẩm Viên dày đặc quần thể kiến trúc. Một nửa khu phía nam là hai khu tứ hợp viện hẹp dài nằm song song, và trong Trường Viện ở phía tây trồng đầy trúc. Một nửa khu phía bắc là khu Đại Hỷ Đài, gồm tiền sảnh, khán phòng, sân khấu và hậu đài, tất cả hợp thành một khối kiến trúc khổng lồ. Phía đông nam đường có Viện Lạc Trung với Thủy Hoa Môn, tao nhã nhất là Sám Thu Đình, còn gọi là "Lưu Bội Đình", trong lòng đình có một đường dẫn nước uốn lượn rộng khoảng 10cm, sơ đồ dòng chảy trông giống chữ "đình", là địa điểm lý tưởng để văn nhân gặp gỡ, uống rượu "chén trời" (chén rượu được thả và trôi theo dòng nước, chén dừng tại nơi nào, người ngồi đó phải uống).

Kiến trúc ở phía tây đường rất ít, chủ yếu là cảnh núi và nước, thể hiện rõ nét thiên nhiên của cảnh quan. Trong vườn bố trí vài cảnh điểm như Hồ Tâm Đình, Hoán Nguyên Cư, Tiểu Hương Kính... Giữa Hồ Tâm Đình có 3 gian thủy tạ tên là "Thư Họa Phảng". Khi ngồi trên thuyền nhỏ bên hồ, thật khó làm ta quên được hình ảnh một hồ nước sắc xanh lăn tăn gợn sóng, và cảnh núi non hòa quyện với cỏ cây.

Cổng khuôn viên trên đường
phía đông Tuy Cẩm Viên.



Là một hoa viên vương phủ, Tuy Cẩm Viên có số lượng kiến trúc nhiều hơn, to hơn, bố cục khuôn viên cũng quy chỉnh hơn so với vườn cảnh của quan lại và vườn cảnh tư gia. Nó không chỉ có những kiến trúc ít gặp trong vườn cảnh tư gia như đại sảnh, đại đường, mà còn có những nơi mà vườn cảnh tư gia của quan lại cũng hiếm có như đại hỷ lâu (nơi diễn tuồng). Nói cho cùng, vì là vườn cảnh của vương phủ, nên người thiết kế sử dụng nhiều thủ pháp làm cho nó khác với nơi ở của vương phủ: một là tạo dấu ấn trong môi trường tổng thể, ví dụ tại nơi từ ngoài bước vào khuôn viên, đá xanh được sử dụng để dựng núi nhân tạo ở hai bên, trên núi trồng cây cỏ, có cả đường mòn, hai ngọn núi trải dài từ đông sang tây, đỉnh núi nối liền đỉnh núi, tạo nên khung cảnh mang đậm chất núi rừng; ngoài ra, những ngọn núi nhân tạo bằng đất tại mặt ngoài hai con đường ở phía đông và phía tây có tác dụng ngăn tiếng ồn từ ngoài, hình thành không gian vườn cảnh khép kín; hai là chú trọng đến việc mang yếu tố núi rừng đến một số khu vực. Trong một vài khuôn viên, đối với việc qui hoạch khá chần chừ tại con đường chính giữa và đường phía đông, thì tính bất qui tắc của ao hồ, đá chồng, đá tảng được áp dụng, phối hợp với việc trồng trúc khắp khuôn viên, trồng những cây thân cứng như tùng, hồ già cỗi, những cây bụi lùm và hoa cỏ nhằm phá vỡ tính khô cứng và nghiêm túc do sự chần chừ trong bố cục kiến trúc gây nên; ba là thiết kế cảnh quan khu vườn tại đường phía tây với chủ đề chính là núi, nước, và bố cục thoáng đãng sẽ mang đến luồng sinh khí mới mẻ cho nơi này. Như vậy, hoa viên Cung Vương Phủ vừa có khí phái của hoàng gia, lại không mất đi nét đặc trưng thiên nhiên trong cảnh quan.

Hy Xuân Viên

Hy Xuân Viên nằm phía đông Viên Minh Viên khu Hải Điện, trong khuôn viên đại học Thanh Hoa hiện nay, được bắt đầu xây dựng từ những năm



Khung cảnh thanh tịnh tạo nhả của Thanh Hoa Viên.



Cảnh không gian nước trong Cạn Xuân viên với bờ hồ xây bằng hoàng thạch.

Hoàng thạch

Hoàng thạch là loại đá thạch anh, đá sỏi hoặc sỏi nhỏ được hình thành qua quá trình bị bào mòn do tác động của nước lũ, nước sông, mặt đá trơn bóng như được phủ lớp dầu hoặc sáp, có màu vàng nâu bất mắt, mang vẻ đẹp dịu dàng, mềm mại. Do hoàng thạch được tạo bởi SiO₂ nên đá rất cứng, ít nứt hiểm lộ, đây là điểm khác nhau giữa hoàng thạch và thái hồ thạch.

Khang Hy (1662-1722), từ những năm Đạo Quang (1821-1850) được làm tư phủ của hai vị hoàng tử với tên gọi là Tứ viên. Hy Xuân Viên chia thành hai phần đông và tây, phía đông là "Thanh Hoa Viên", phía tây là "Cạn Xuân viên".

Cạn Xuân Viên và Thanh Hoa Viên đều là khuôn viên đất bằng, tận dụng nguồn nước ngầm phong phú để đào ao, đắp đất dựng núi, nhưng giữa chúng có sự khác biệt hoàn toàn trong qui hoạch và phối cảnh. Hồ trong Cạn Xuân Viên có hình tròn, giữa có tiểu đảo, kiến trúc tập trung trên khu vực này, đất đào từ lòng hồ dùng để đắp những ngọn núi, hồ nước hình tròn và dãy núi vây tròn xung quanh như ôm lấy nhóm kiến trúc giữa đảo. Tuy hồ hình tròn nhưng mặt hồ chỗ hẹp, chỗ rộng đan xen nhau, bờ hồ quanh co, chân bờ hồ xây bằng hoàng thạch, mặt nước là nơi hoa sen sinh trưởng, bên bờ trồng nhiều cây hòe, liễu, tạo nên một cảnh quan thiên nhiên rộng mở. Bố cục của Thanh Hoa Viên là nhà ở phía trước, vườn cảnh phía sau. Khu nhà ở là một cụm kiến trúc qui chỉnh, từ cổng chính bước vào sẽ là khối kiến trúc bắt đầu từ sảnh kéo dài đến sảnh đường phía sau có hình chữ công (工), từ nam đến bắc được chia thành hai khuôn viên, bốn mặt xung quanh là đường hành lang liên thông với nhau. Phía



Đình hành lang trên mặt hồ Cạn Xuân Viên là nơi dừng chân nghỉ mát của du khách.

đông và phía tây trên trục chính này là hai nhóm khuôn viên nằm song song nhau, giữa chúng là những hành lang, cổng vòm hình tròn hình hay chiếc bình. Trong khuôn viên trồng những cây xanh tốt quanh năm như tùng, bách và những loài hoa như hải dương, lê, ngọc lan, trong khuôn viên ở cuối con đường có núi nhân tạo, nên cảnh quan không tù túng mà có nét rất riêng của vườn cảnh. Sát khu vực phía bắc của cụm kiến trúc này là một hồ nước lớn, mặt hồ uốn lượn, bờ hồ xây bằng hoàng thạch, bốn bề là rừng cây trên núi đất vây quanh, phía đông hồ nước có một đình nhỏ, bờ nam là nền phẳng hình chữ công, mặt nền tiến sâu vào lòng hồ, có thể thường thức cảnh quan trên đó. Khu vườn cảnh tuy không lớn, nhưng cảnh vật xung quanh tạo thành không gian khép kín, núi và nước mang đậm nét thiên nhiên, nên được ca ngợi là "Thủy Mộc Thanh Hoa".

Năm 1860, liên quân Anh, Pháp tấn công Bắc Kinh, thiêu rụi Viên Minh Viên. Những năm Đồng Trị (1862 -1874) đời Thanh, triều Thanh quyết định tháo dỡ vật liệu kiến trúc trong các danh viên lân cận để phục vụ cho việc trùng tu Viên Minh Viên, Hy Xuân Viên, vì vậy kiến trúc của Hy Xuân Viên bị tháo dỡ toàn bộ. Kiến trúc Cạn Xuân Viên ở phía tây Viên Minh Viên thì bị hủy hoại toàn bộ, may mắn cho Thanh Hoa Viên ở phía đông được bảo toàn, nhưng sau đó do không người ở nên bị bỏ hoang theo thời gian. Năm 1909, để chuẩn bị cho việc thành lập trường dự bị du học Mỹ, chính quyền nhà Thanh quay lại vùng đất cũ Hy Xuân Viên, phát hiện kiến trúc Thanh Hoa Viên vẫn còn đó và một khuôn viên rộng lớn, nên quyết định



xây trường tại đây, đồng thời đặt tên là "Thanh Hoa học đường", đây chính là tiền thân của đại học Thanh Hoa.

Gần trăm năm nay, phòng ốc Thanh Hoa Viên được tu sửa nhiều lần, nhưng nền cũ các khu nhà và bố cục các khuôn viên chưa từng bị thay đổi, hai cây bách già và khối đá chống trong khuôn viên vẫn còn đó. Ngày nay, khi dạo bước trong trường đại học Thanh Hoa, bạn sẽ phát hiện kiến trúc trong Thanh Hoa Viên được phục chế toàn bộ theo kiến trúc đời Thanh, diện mạo vườn cảnh cổ điển trước đây xuất hiện trở lại. Phòng ốc Cận Xuân Viên tuy bị hủy hoại, nhưng hồ nước ngọn núi vẫn còn. Năm 1927, tác phẩm văn xuôi nổi tiếng "Ánh trăng hồ sen" của nhà văn Chu Tự Thanh (giảng dạy tại Thanh Hoa) được viết sau khi ông tản bộ quanh hồ sau giờ đọc sách vào đêm hè oi bức. Có thể thấy người xưa tạo dựng môi trường vườn cảnh với một hàm ý sâu xa, vượt thời đại.

Kéo tay tô điểm vườn cảnh

Vườn cảnh Trung Quốc là một tác phẩm nghệ thuật tổng hợp, được liên kết bởi phong cảnh, kiến trúc, hoa cỏ... và mang đậm chất thơ ý họa.



"Đại Quan Viên đồ" (một phần) do người đời Thanh vẽ lại theo tác phẩm văn học cổ điển Trung Quốc "Hồng lâu mộng", thể hiện quang cảnh giàu sang của gia đình quan lại quý tộc đương thời.



Cho dù là của miền nam hay miền bắc, bất kể là của văn nhân, quan lại, quý tộc hay thương gia, vườn cảnh tư gia đều có đặc điểm chung là tạo một môi trường phong cảnh mang đậm tính thiên nhiên trong không gian không lớn. Nhìn từ thực tế vườn cảnh tư gia thời xưa, có thể thấy những kinh nghiệm và cách thức dưới đây đã trở thành qui tắc kinh điển trong xây dựng vườn cảnh được lưu truyền qua nhiều thế hệ.

Bố cục linh hoạt

Kiến trúc vườn cảnh Trung Quốc nếu xét về từng đối tượng thì hình dáng của chúng khá đơn giản, kích thước cũng không lớn, thường xuất hiện bằng một tổ hợp kiến trúc, đây chính là một trong những đặc trưng khác biệt giữa kiến trúc cổ Trung Quốc và phương Tây. Từ những ví dụ thực tiễn được ghi chép và bảo tồn trong sử sách cổ đại, có thể thấy tổ hợp kiến trúc này đã sớm áp dụng hình thức của khuôn viên, tức khuôn viên được hình thành bởi những kiến trúc đơn vây quanh 4 mặt và kiến trúc chính nằm giữa, phòng ốc nằm hai bên, hình thành bố cục đối xứng quanh trục chính. Hình thức tổ hợp kiến trúc này ứng dụng rộng rãi tại khuôn viên nhà ở, từ hợp viện của miền bắc, khuôn viên có giếng trời tại miền nam nơi nào cũng có. Ngoài nơi ở, miếu tự Phật giáo của dân tộc Hán, quan phủ nha môn cho đến lăng mộ và cung thất thành quách của đế vương hầu



Cách bài trí trong nhà hài hòa với cảnh sắc trong khuôn viên.





Đông Hồ ở Thiệu Hưng - sự hài hòa giữa kiến trúc, chiếc cầu và phong cảnh tự nhiên.

hết thuộc loại quần thể kiến trúc qui chỉnh đối xứng này. Nhưng, kiến trúc vườn cảnh đã phá vỡ định thế này, mục đích là hình thành không gian mô phỏng thiên nhiên trong một phạm vi có hạn, áp dụng một cách sáng tạo bố cục tổng thể có tính linh động.

Cũng như những kiến trúc khác, kiến trúc vườn cảnh có những chức năng riêng của nó. Trong vườn cảnh tư gia, chủ nhân có yêu cầu về nơi ở, đọc sách, tiếp khách, giải trí... Trong thực tế, kiến trúc trước hết phải có những chức năng cơ bản này - nhà ở cần kín đáo, thư phòng cần yên tĩnh, phòng khách cần tiện lợi, khu giải trí thì cần thể hiện yếu tố cảnh quan tự nhiên - những yếu tố này không thể không được tính đến khi xây vườn. Ngoài ra, vườn cảnh còn phải đẹp, có thể sánh với bất kỳ phong cảnh thiên nhiên nào.

Bố cục của một kiến trúc vừa phải "thành cảnh" vừa phải "đắc cảnh", tức vị trí, hình ảnh của kiến trúc phải tạo nên một cảnh quan để có thể thưởng lãm, đồng thời phải thỏa mãn yêu cầu từ kiến trúc này có thể thưởng thức một hay vài cảnh quan khác trong vườn. Trong Kỳ Sướng Viên



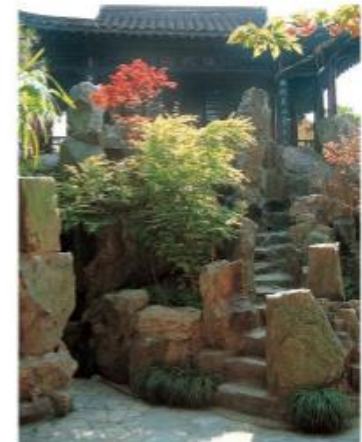
ở Vô Tích, Tri Ngự Giám nằm ở bờ đông đoạn giữa hồ nước vừa là cảnh quan chính của không gian nước, vừa là nơi có thể quan sát Cảnh Sơn ở phía tây khu vườn; Gia Thụ đường nằm góc tây bắc khu vườn vừa là cảnh quan hàng đầu toàn khu vườn, vừa là nơi có thể phóng tầm mắt nhìn đến Cảnh Sơn và tháp Phật ở bên ngoài. Viên Hương Đường và Tuyết Hương Vân Uy Đình trong Chuyết Chính Viên ở Tô Châu đều là cảnh quan chủ yếu trên bờ và trên đảo, đồng thời là nơi lý tưởng nhất có thể ngắm toàn cảnh không gian nước và đất liền, cả hai như đối xứng nhau qua mặt nước hồ.

Kiến trúc trong vườn cảnh không đứng riêng lẻ, mà bao giờ cũng phối hợp với núi, nước, cây cối để hình thành một cảnh quan chung. Tuyết Hương Vân Uy Đình trong Chuyết Chính Viên không phải là mái đình hóng mát đơn lẻ, mà nó tọa lạc trên tiểu đảo giữa hồ, với phòng nền là cây cỏ hoa lá xung quanh, bên cạnh là núi nhân tạo. Vào mùa hè, giữa hồ mọc đầy những sen, hình thành một cảnh quan trong vườn. Tại bờ đông hồ nước trong Vồng Sư Viên có Xạ Ấp Đình xây trên mặt nước và núi nhân tạo nằm phía nam của Xạ Ấp Đình, cộng với cây, hoa mỗi mùa mỗi vẻ, chen lẫn giữa những hòn đá bên hành lang, và bức tường làm phông nền, tất cả cùng vẽ nên một bức tranh rực rỡ đầy màu sắc. Sơn thủy cùng kiến trúc tạo thành cảnh quan, và nhiều cảnh quan hợp thành khu phong cảnh, sự phối hợp giữa tiểu cảnh và khu phong cảnh làm cho vườn cảnh xinh đẹp lung lay hơn.

Vườn cảnh Trung Quốc luôn chú trọng yếu tố thưởng lãm, giải trí, cư ngụ, nên lối đi giữa các cảnh quan hoặc khu phong cảnh bao giờ cũng thông suốt, tiện cho việc dạo chơi. Để tạo sự thay đổi cho cảnh quan, những lối đi này thường là đường mòn, tránh việc xây



Hành lang gấp khúc vốn là cảnh quan thể hiện sự biến hóa của đường nét trong hội họa, như thế tạo nên tiết tấu hình ảnh cho không gian vốn không lớn của khu vườn.



Lối mòn lát đá trong cảnh quan núi nhân tạo.



đường đi lớn. Lối đi trong vườn cảnh có thể là đường mòn ngoài trời, được lát đá, hoặc là hành lang có mái che nắng che mưa. Những hành lang này đôi khi men theo vách tường, khi thì quanh co uốn khúc, lúc thì uốn lượn lên xuống theo thể núi, và có cả hành lang và cầu hành lang bắc trên mặt hồ. Người thiết kế khéo léo tạo những cảnh quan khác nhau men theo hành lang và đường mòn uốn khúc, nơi đó có một sảnh, đường, đình, tạ hoặc một cây cổ thụ, một bụi ba tiêu, lùm trúc, thậm chí chỉ là một nhóm đá chống. Hành lang và đường mòn có thể nằm trên núi, bên bờ hồ hoặc điểm cuối của con đường, chỉ cần bố cục thích hợp, sắp xếp hợp lý, tất cả đều tạo thành cảnh. Phía trước những bước chân của du khách luôn là sự thay đổi không ngừng trong từng cảnh sắc, không hề tạo cảm giác nhàm chán.

Để mở rộng tối đa không gian dạo bước trong một phạm vi không quá lớn, vườn cảnh tư gia sử dụng hành lang, bức tường nhằm chia không gian thành nhiều khu phong cảnh với những nét đặc sắc riêng. Loại tường này không cao, ngoài việc trở vòm cửa, trên tường còn tạo nhiều ô cửa thông gió, nên tường tuy có chức năng ngăn chia nhưng không tù túng, bản thân bức tường cũng là yếu tố tạo nên cảnh quan. Hành lang trống trải, bức tường trở cửa giúp cho những cảnh quan trong vườn vừa được ngăn chia vừa được thông suốt. Trong một vườn cảnh tương đối lớn, người xây phải thiết kế tuyến đường dạo bước lý tưởng nhất, bắt đầu từ cổng vườn, theo tuyến đường này dạo bước trên lối đi bằng đá, đường bên bờ hồ, rồi vào hang động, bước lên núi, hoặc vô sảnh đường, hoặc dừng bước nơi đình, tạ. Từ khu cảnh này đến khu cảnh kia, nơi nào cũng thấy cảnh quan có sự thay đổi, giúp cho việc kéo dài và mở rộng thời gian, không gian thưởng lãm.

Lưu Viên ở Tô Châu là vườn cảnh tư gia có diện tích lớn, cổng chính nằm giữa khoảng hẹp của hai kiến trúc, rộng chỉ 8m, nhưng từ cửa chính đến khu vườn lại dài đến 40m, người thiết kế sắp đặt 3 không gian liên kết nhau bởi hành lang uốn khúc trên đoạn đường nhỏ hẹp này. Bước vào cửa chính là thấy ngay giếng trời, qua giếng trời, men theo hành lang, đặt chân vào không gian thứ hai với nhiều loại cây, hoa; bước tiếp một đoạn hành lang ngắn thì đến không gian thứ ba, đó là một cây cổ thụ gần guốc sát bên tường, trên mặt trước căn sảnh nhỏ liền kề đoạn hành lang ngắn là dãy ô cửa thông gió, bên ngoài ô cửa chính là chủ thể của Lưu Viên. Tại nơi này, sảnh, hành lang, bức tường hình thành những không gian khác nhau, sự thay đổi về đóng mở, sáng tối và lớn nhỏ của không gian, cộng với khu vực xung quanh cây cổ thụ và sự xếp đặt của hoa cỏ giúp cho du khách thêm phần thích thú.



Mô phỏng phong cảnh thiên nhiên

Uyển, hữu thời cổ đại Trung Quốc là những vườn cảnh có phong cảnh sơn, thủy thật. Từ sau thời Ngụy, Tấn, Nam Bắc Triều, bắt đầu có sự mô phỏng phong cảnh thiên nhiên. Nhà Tống xây dựng vườn cảnh hoàng gia Ngấn Nhạc tại kinh đô phía đông là Biện Lương. Tống Huy Tông (tại vị từ 1101-1125) yêu cầu tái hiện sự hùng vĩ của ngũ nhạc, tính hiểm trở của Thục đạo trong khu vườn, đưa kỹ thuật mô phỏng phong cảnh tự nhiên lên tầm cao mới. Khi vườn cảnh tư gia phát triển đến đời Minh, Thanh, thì việc mô phỏng phong cảnh tự nhiên đã trở thành loại hình nghệ thuật rất quan trọng trong xây vườn. Việc đắp núi, dẫn nước hướng đến mục tiêu cao nhất là "Tuy do người tạo nhưng không khác tự nhiên".

Đầu tiên ta hãy bàn về việc đắp núi. Nếu là núi trong tự nhiên thì thế núi bao giờ cũng cao thấp, liền nhau một dãy, đỉnh núi có chính thì phải có phụ, thực vật um tùm, xanh ngắt một màu. Điều tối kỵ khi xây núi trong vườn cảnh là không cho hai đỉnh ngang hàng hoặc các đỉnh núi thẳng duột, ngoài ra còn phải xây theo phối cảnh chung của khu vườn. Cảnh quan thoáng rộng hoặc thâm u đều liên quan đến số lượng, kích cỡ, hình dáng của núi. Đất, đá để xây núi dùng riêng hoặc trộn chung, sử dụng hồ thạch thì dáng núi thanh thoát, sử dụng hoàng thạch thì trở nên hùng vĩ. Nếu là núi đất thì trồng nhiều cây, hoa trên đó, chúng giúp dáng núi thanh xinh xắn, cũng cần sắp đặt vài hòn núi đá, như thế đá mọc từ đất vậy; nếu là núi toàn đá thì phải thêm đất, trồng ít cây, hoa, giúp mang lại hơi thở



Núi bên hồ được xây bằng hoàng thạch và đất.



Hang núi được tạo bởi khối đá rỗng.



Hồ nước liên kết kiến trúc nhà ở và phong cảnh bên ngoài một cách khéo léo.

của thiên nhiên. Núi trong tự nhiên không thể thiếu khe suối, đường mòn và hang động, núi nhân tạo cũng mô phỏng đặc điểm này. Qua quan sát núi đá trong Kỳ Sướng Viên ở Vô Tích và Cá Viên ở Dương Châu có thể thấy, tuy núi không lớn nhưng vẫn có thung lũng, khe suối, sơn động, đặt chân lên đây như thấy mình đang ở trên ngọn núi ngoài tự nhiên vậy. Có những vườn cảnh tư gia tạo dáng núi đá giống hình sư tử và dã thú, như “Cửu Sư Đài” tại cổng vào trong Kỳ Sướng Viên. “Cửu Sư Đài” dùng hồ thạch xây ngọn núi mang hình dáng một bầy sư tử đang phóng, nhảy, ngồi, nằm và nhiều tư thế khác. Hiện tượng này vốn tồn tại trong đời sống thường ngày, đặc biệt là tại nông thôn, những ngọn núi quanh thôn làng được gọi là “sư sơn”, “hồ sơn”, “tượng sơn”, bởi chúng giống với hình dáng các loài vật, và đa số đều xuất phát từ sự tưởng tượng của con người. Họ cho rằng sư tử hoặc voi giữ cổng, cạp bảo vệ nguồn nước, nên gán tên những mảnh thú linh thiêng cho ngọn núi đầu làng mà bất kể ngọn núi đó có giống chúng hay không. Vườn cảnh Sư Tử Lâm ở Tô Châu được lấy tên từ núi sư tử trong vườn. Núi xây bằng hồ thạch, địa thế gập ghềnh, trông như đàn sư tử đang ngó phục, trên núi có thạch động, lối đi bằng đá uốn tròn từ thấp đến cao, tùy nghỉ du khách đi lại, nhìn từ xa và người thú lẫn lộn, trông rất khôi hài, nhưng được xem là tác phẩm thành công.



Bờ hồ không vuông thẳng giúp cho mặt nước vốn không lớn trở nên sinh động.

Thứ đến là cách xử lý dòng nước. Đa số vườn cảnh đều xây trong thành thị, cho dù tại vùng sông nước Giang Nam, hồ nước vườn cảnh cũng đa phần là nhân tạo. Trong thiên nhiên có dòng sông uốn lượn, ao hồ mềm mòng bát ngát, nên ao hồ nhân tạo tối kỵ sự qui chỉnh vuông vức, mà càng tự nhiên càng uốn lượn càng tốt.

Mặt nước rộng thì cần chia thành các không gian nước lớn nhỏ khác nhau bằng chiếc cầu nhằm tăng chiều sâu cho cảnh quan mặt nước. Phần cuối của hồ nước thường là vịnh nhỏ, hoặc tại góc nhà, hoặc chen dưới đình, tạ, tạo cảm giác nước có nguồn nhưng không có điểm cuối, vì thế một hồ nước tù có thể trở nên sống động; mặt nước thích hợp trồng sen và những thực vật thủy sinh khác, hồ nước nhờ vậy mà tràn đầy sức sống, nhưng không vì thế mà trồng tràn lan, bởi như thế sẽ ảnh hưởng đến việc ngắm nhìn bóng kiến trúc trên mặt hồ; bờ hồ xung quanh uốn lượn nên thường dùng hoàng thạch hoặc hồ thạch làm bờ, những khối đá chồng cao có, thấp có, đứng tại chỗ cao có thể quan sát phong cảnh xung quanh, ở tại nơi thấp có thể vui đùa với nước.

Sự kết hợp giữa núi và nước trong tự nhiên là điều bình thường, nhưng nếu núi có hang động, mà lại có nước chảy không ngừng thì được xem là nơi đặc biệt. Nhũ thạch trong Cửu Long Động tại huyện Đồng Nhân tỉnh Quý Châu rất tráng lệ, nổi tiếng từ lâu, và vườn cảnh tư gia thường mô phỏng cảnh quan này. Hạng Sơn trong Cá Viên ở Dương Châu được xây bên hồ nước, chân núi có hang động, âm u lại quanh co, nước hồ trườn vào động, tạo cảm giác mát mẻ, tăng phần hồn cho Hạ Sơn.

Núi và nước có thể nói là linh hồn của vườn cảnh. Vườn có núi mới thiêng, có nước mới sống động; núi có suối mới quý, nước có nguồn mới tốt, mạch nguồn liên thông, cảnh vườn sinh động. Chỉ



Ở cửa thông gió tại cửa vào Lưu Viên.





Vườn cảnh tư gia

Mái hiên Quyển Vũ Lâu trong Dự Viên ở Thượng Hải cong vút, và tên của ngôi nhà này được đặt từ bài thơ "Đằng Vương Các Tự" của Vương Bột.

khí hiếu thấu phong cảnh thiên nhiên, mới có thể bao quát và ứng dụng chính xác trong việc lột tả cái thần cũng như tái hiện cảnh quan điển hình của thiên nhiên trong vườn cảnh.

Chi tiết tinh xảo

Vườn cảnh tư gia không rộng lớn như vườn cảnh hoàng gia, cũng không có quần thể kiến trúc hùng vĩ, chỉ có không gian cô đọng và linh hoạt. Do vườn cảnh tư gia chứa đựng nhiều loại hình kiến trúc và phong cảnh, thực vật, nên thích hợp cho mục đích thưởng ngoạn, dạo chơi, cư ngụ. Khi xây dựng, ngoài việc đầu tư công sức cho bố cục tổng thể, cần chú trọng đến cách xử lý từng chi tiết của kiến trúc, phong cảnh và thực vật của vườn cảnh.

Đầu tiên hãy bàn về phần kiến trúc. Loại hình kiến trúc trong vườn cảnh tư gia không nhiều; có sảnh, đường dành cho tiếp khách; có thư phòng dành cho đọc sách, vẽ tranh; có thủy tạ, thuyền đá trên hồ, và một số lượng lớn đình, hành lang, cầu. Chỉ với đình đã có đình hình vuông, hình chữ nhật, hình tròn, hình ngũ giác, hình lục giác, hình bát giác, hình



Vườn cảnh Trung Quốc



Thủy tạ xây trên mặt nước được kết nối bởi những hành lang lộ thiên.

hoa mai, hình chữ thập, hình cánh quạt và nhiều hình thức khác nhau. Đình được đặt tại vị trí thích hợp trong vườn, có những loại đình mà bản thân nó chính là một cảnh quan riêng biệt, có loại là cảnh chính đẹp nhất trong một khu vực cảnh. Trên Xúy Đài trong Sầu Tây Hồ ở Dương Châu có một đình vuông là cảnh chính trên mặt hồ, nghe nói hoàng đế Càn Long dời Thanh từng câu cá tại đây khi thị sát Giang Nam. Bốn mặt đình đều là tường, trên tường trổ cửa hình tròn, từ ô cửa nhìn ra sẽ thấy ngay cảnh cầu Ngũ Đình trên mặt hồ; ô cửa còn lại nhìn thẳng tháp Lạt Ma đằng xa, tạo nên hai bức tranh mặt hồ tuyệt mỹ với viền khung là ô cửa. Ngoài vương phủ Tứ Viên, trạch viên của quan lại ở miền bắc, tại vùng Giang Nam và tuyệt đại đa số vườn cảnh văn nhân thì tuy đình, đường, quán, lầu có đặc trưng riêng về hình dáng, nhưng cách trang trí của chúng luôn có cùng một phong cách - không có mái gói lưu ly ngũ sắc, kèo nhà không có tranh màu sắc sặc sỡ, trên cửa sổ không phủ vàng phết đỏ, mà chỉ sử dụng ngói bản; kèo nhà màu nâu, tường trắng gạch xám, gam màu tao nhã giúp cho kiến trúc hòa quyện hoàn toàn vào thiên nhiên.

Cửa nhà và cửa trên vách tường gồm cửa hình chữ nhật, tròn, bát giác, hoa mai, như ý và nhiều loại cửa có hình chiếc bình. Ngoài những hình dạng bình thường, còn có loại cửa sổ bằng kính và hoa văn, cửa sổ rỗng và cửa sổ thông gió chỉ với khung cửa xung quanh. Hình thức hoa văn của loại cửa lộng và hình dáng của loại cửa sổ rỗng có tới hàng trăm kiểu dáng khác



nhau, chỉ có thể tìm thấy chúng trong vườn cảnh vùng Tô Châu. Những loại cửa sổ có hình thức khác biệt này nhìn từ xa như hoa vẽ trên nền giấy trắng, nhìn gần hơn sẽ thấy chúng được chăm chút tỉ mỉ, có tính thẩm mỹ cao, khung cửa sổ đa phần là những viên gạch xám, được đánh bóng rất cẩn thận, đường viền xung quanh của những viên gạch cũng khác nhau; hoa văn của sổ bất kể là kiểu dáng hình học nào hay là hoa văn của bất kể loại thực vật nào đều sử dụng hình gạch thẻ và màu đất bùn để thể hiện, tất cả đều có đường viền sắc nét, hình dáng rõ ràng. Những tác phẩm này thể hiện tay nghề tinh xảo của người thợ vùng Giang Nam trở thành tinh hoa của vườn cảnh tư gia nơi này.

Phía trên cánh cửa của bức tường khuôn viên đối diện đại sảnh và Hiệt Tử Lâu trong Vồng Sư Viên đều có mái cửa với vật liệu làm từ gạch mô phỏng chất liệu gỗ được gắn vào tường. Hai bên phải và trái của thanh trụ vuông bắc ngang trên mái cửa chạm trổ cảnh tượng cổ với một số nhân vật và kiến trúc, cách chạm trổ nhiều tầng này còn thể hiện cả thần thái của nhân vật. Hai bên phải và trái của thanh trụ vuông bắc ngang ở những mái cửa khác cũng chạm hình cái khánh, con cá... tượng trưng cho "cát khánh hữu dư" (có nghĩa là may mắn dư dả - trong tiếng Trung Quốc, cái khánh đồng âm với chữ "khánh", tức may mắn; còn âm đọc của con cá gần giống với chữ "dư", tức dư dả). Tuy kỹ thuật điêu khắc gỗ ở vùng này rất tinh xảo, nhưng với khả năng chạm trổ trên chất liệu gạch của mái cửa thật sự làm mọi người phải thán phục. Mái cửa bằng đá gạch màu xám che chắn phần trên hai cánh cửa màu đen như hai tác phẩm nghệ thuật điêu khắc nổi bật trên dãy bức tường trắng xung quanh, vô cùng xinh đẹp, không hề thấy sự xa hoa hay tầm thường.



Vòm cửa tròn to rộng giữa bức tường có tác dụng lấy cảnh.

Mặt đất trong vườn cảnh đa số được lát bằng gạch, sỏi, đá vụn và mảnh ngói, thợ làm vườn biết cách tận dụng hình dạng, màu sắc, chất liệu khác nhau của các vật liệu này để tạo nên những hình vẽ trên mặt đất. Hình dạng thường thấy là kiểu dáng hình học, hoa văn thực vật, một số thì ghép thành hình sư tử, hươu... Đường đi mang nhiều kiểu hoa văn khác nhau này sau



vài trận mưa xuân sẽ nhú lên những chồi xanh giữa các khe đá, gạch, từng mảng lá màu xanh làm cho mặt đất trông sạch sẽ hơn và tràn đầy sức sống.

Việc trồng cây và hoa trong vườn cảnh Trung Quốc có tác dụng phủ xanh, nhưng lại chú trọng đến hình thể, tính nên thơ của nó. Tình trạng sinh trưởng của thực vật trong tự nhiên mỗi nơi mỗi khác. Giống loài thực vật vùng Giang Nam không những phong phú hơn miền bắc mà thời kỳ sinh trưởng của chúng cũng dài hơn. Khi trồng cây trong vườn cảnh, ngoài việc tận dụng cây cối hiện hữu, những người thiết kế bao giờ cũng lựa chọn nhiều giống loài khác. Thông qua việc quan sát và nghiên cứu cây cỏ, hoa lá các loài trong tự nhiên, căn cứ tình hình sinh trưởng của thực vật, bao gồm hình thể, thời kỳ sinh trưởng, màu sắc cảnh cây, bông hoa của chúng, họ tiến hành lựa chọn và sắp đặt để phù hợp với yêu cầu của không gian vườn cảnh.



Mái cửa "Táo diệu cao tường" được chạm trổ trong Vồng Sư Viên.

Những trạch viên miền bắc thường chọn các loại cây nở hoa vào mùa xuân, che nắng vào mùa hè, kết trái vào mùa thu, đó là loại cây thường thấy như lê, hải dương, lựu, táo, hồng, nho... Hoa hải dương màu hồng và hoa lê màu trắng tô điểm thêm cho ý xuân trong vườn cảnh sau mùa đông giá lạnh; thời gian nở hoa của cây lựu có phần trễ, nhưng theo dân gian Trung Quốc màu đỏ vô cùng sắc sảo và trái lựu với vô số những hạt nhỏ này mang ý nghĩa "đa tử đa phúc"; cây táo, cây hồng tuy không có hoa, nhưng từng chùm táo đỏ và những trái hồng to rõ khắp cảnh cây vào mùa thu trông rất bắt mắt; trước nhà, trên hành lang, lá nho phủ kín một khoảng trời, giàn nho không chỉ có tác dụng che mát trong những ngày hè oi bức, mà còn là nơi tô điểm tuyệt vời cho khuôn viên với những chùm nho không khác gì chuỗi hạt trân châu.

Vườn cảnh vùng Giang Nam, cây cỏ hoa lá càng được trồng nhiều hơn. Dân gian có câu: đào hồng liễu lục vui xuân đến, nên trong vườn cảnh thường trồng đào và liễu thành hàng. Tháng 3 của mùa xuân, chồi liễu biến





Khu vườn xinh xắn, yên tĩnh trước thư phòng và nền đất mộc mạc trong vườn cảnh vùng Giang Nam.



Hình hạc tiên bằng đá xám vụn trên mặt đất mang tính thẩm mỹ cao.

một góc vườn thành mảng xanh đơn mơn, từ xa trông như màn sương đang giăng sắc xanh. Ngoài ra, cần phải nhắc đến cảnh lá phong nhuộm cả trời thu, tuyết trắng phủ khắp cây bách, cây tùng. Tùng, bách không những xanh cả 4 mùa, mà còn có cành nhánh khỏe mạnh, khi tuyết rơi thì cây khoác thêm lớp áo trắng, trông rắn rỏi hơn. Tại vùng Giang Nam, ba tiêu trúc xanh tươi bốn mùa, là thực vật được thấy nhiều nhất trong vườn. Người thiết

kế thời xưa thường dùng cỏ mạch môn lấp chỗ khuyết của núi nhân tạo, nó thanh tú mạnh mẽ như lá lan, và tính dịu dàng, đôn hậu, giản dị, cởi mở của loài cỏ này được xem là đặc trưng của tính cách dân tộc.

Những loại thực vật này có hình dáng khác nhau trong tự nhiên, nhưng khi đặt trong vườn cảnh thì phải qua công đoạn cắt tỉa của con người. Dáng cây, cành lá, tán cây đều phải cắt tỉa cẩn thận, không những phải đảm bảo



Hoa cúc kiểng trong sảnh đường của vườn cảnh





Thạch phong Thái Hổ, một khối đá tự nhiên có hình dáng trừu tượng trong vườn cảnh Trung Quốc

Thái Hổ thạch

Thái Hổ thạch lấy từ phía tây núi Động Đình ở Thái Hổ tỉnh Giang Tô và trên một số đảo nhỏ, vốn được hình thành từ nham thạch xám do quá trình trầm tích. Nham thạch xám vốn nằm bên sườn núi với số lượng lớn, dưới tác dụng bảo mòn cơ học và xâm thực bởi những con sóng trong một thời gian dài đã trở thành những tảng đá rỗng, hoặc bị ăn sâu vào trong thành hốc, tạo nên những hình thù kỳ dị, tròn tròn cong lượn, hoa văn chằng chịt, hốc đá chống hốc đá, bất kể lớn nhỏ đều rất kỳ thú. Người ta thường dùng 4 chữ "thấu", "lậu", "sấu", "trầu" để nói đến sự kỳ thú của Thái Hổ thạch.

hình dáng xinh xắn tự nhiên của chúng, mà cần đạt đến yêu cầu hài hòa với kiến trúc, núi đá, hồ nước xung quanh, nhằm tạo hiệu quả cảnh quan một cách tối đa. Cho dù chỉ bài trí một ít thực vật thủy sinh trên mặt hồ thì cũng phải chọn cách trồng phù hợp. Hoa sen tuy đẹp, nhưng trước tiên phải trồng trong chậu, sau đó tùy theo yêu cầu cảnh quan mà lựa chọn vị trí đặt thích hợp dưới hồ, nhằm khống chế quá trình sinh trưởng trong phạm vi nhất định. Tại những không gian nước thoáng rộng, sen bao giờ cũng được trồng tại nơi xa bờ, khu vực ven bờ và cạnh cầu thì trồng bông súng, bông súng và lá súng đều nhỏ và tinh tế, thích hợp trồng nơi gần tầm mắt.

Trong vườn cảnh, không ít cảnh quan lấy ý tưởng từ thực vật. Góc đông nam, tây nam khu giữa Chuyết Chính

Viên ở Tô Châu có hai khuôn viên sành đường, tên của chúng được đặt theo loại trồng cây tại nơi đó là "Tỳ Bà Viên" và "Ngọc Lan Đường". Bờ bắc hồ nước trong Vồng Sư Viên có một sảnh đường, trước sảnh đường có hai cây tùng lớn, nhìn về hướng nam cảnh đẹp tựa tranh, do đó nơi đây lấy tên "Khán Tùng Độc Họa Hiên". Lưu Viên ở Tô Châu có một cây cổ thụ, trơ cành rụng lá, nép mình nơi góc tường, dáng vẻ cần cỗi, từng trải phong trần của nó tạo nên cảnh quan "Cổ Thụ Giao Kha".

Ngoài việc trồng hoa cỏ, người ta còn dùng chậu cây cảnh theo mùa để trang trí vườn cảnh. Trước cửa sổ, trên bậc thềm sành đường, bốn bên mặt đình, hay trên tầng đá bên hồ thường đặt chậu cảnh, có tác dụng tô điểm cho không gian tao nhã, thoáng đạt. Tại sảnh đường, trong gam màu nhạt của kèo và cột, vách tường sơn trắng, đồ gỗ màu sậm bài trí khắp nơi, thì việc thêm vài chậu bonsai hoa cúc sẽ giúp không gian trở nên có sức sống.

Xây dựng vườn cảnh thiên nhiên thì không thể thiếu đá, ngoài việc sử dụng đá để xây núi, dựng nhà,



lát đường, bắc cầu, đắp bờ kè, người thời xưa thích dùng từng hòn đá hoặc nhiều tảng đá để tạo cảnh. Trong vườn cảnh tư gia, có thể nói cảnh bằng đá nơi nào cũng có, trước đường sau nhà, dưới hành lang, chốn góc tường, nơi nào cũng có thể thấy một cảnh quan với một hoặc nhiều tảng đá. Tạo hình cho đá cần chú ý yếu tố "lậu", "sấu", "thấu", "dịch", hồ thạch đa số lung linh trong suốt, chót vót sâu thẳm, hoành thạch thì thẳng đứng sừng sững, vững chãi đầy đặn, những cảnh đá này như từng tác phẩm nghệ thuật điêu khắc của thiên nhiên. Đôi khi cũng trồng thêm hoa lá cỏ cây bên cạnh tảng đá, tăng thêm sắc màu cho khu vườn cảnh vốn đã xinh đẹp.

Trong vườn cảnh tư gia thời Minh, Thanh, bất kể miền nam hay miền bắc, bất kể của văn nhân hay quý tộc, vương phủ hoặc là vườn cảnh tư gia, tạo cảnh bằng đá tảng đơn lẻ là thủ pháp thường được sử dụng. Những tảng đá nằm giữa mảng trúc xanh trong Ngũ Phong Tiên Quán ở khu đông Lưu Viên ở Tô Châu như vương mình đứng thẳng, tượng trưng cho thẳng cảnh Ngũ Nhạc của Trung Quốc. Giữa hồ nước trong khuôn viên phía bắc của Lâm Tuyền Lão Thạch nằm góc đông bắc của Lưu Viên có Thái Hổ Thạch hướng thẳng trời xanh với độ cao hơn 5m, khối đá lung linh trong suốt, được mệnh danh là "Quán Vân Phong", cùng kết hợp với hai đình "đóa vân" và "tụ vân" hai bên để tạo nên một cảnh quan đá rộng lớn. Đối diện cổng vườn Tuy Cẩm Viên trong Cung Vương Phủ ở Bắc Kinh có dựng một tảng "phi lai thạch", nó vừa là tấm bình phong ở cửa vào, vừa là cảnh quan đầu tiên của khuôn viên.



Trên trụ cầu Ngũ Đình trong Sầu Tây Hồ ở Dương Châu là Giác Lâu Đình với mái đình cong vút, oai phong bệ vệ.





KHÍ PHÁCH HOÀNG GIA

Năm 1403, nhà Minh quyết định dời đô từ Nam Kinh đến Bắc Kinh, tăng cường xây dựng Nguyên đại đô có từ trước, thu hẹp khu vực phía bắc kinh thành nơi cư dân thưa thớt, dịch chuyển tường thành phía nam của hoàng thành về hướng nam, tạo không gian lớn hơn trước hoàng thành. Khi nhà Minh dời đô, kiến trúc cung điện đời Nguyên bị hủy hoại nghiêm trọng trong khói lửa của chiến tranh được phục dựng. Sau khi vào Trung Quốc, những người thống trị triều Thanh không dễ xảy ra việc thiêu cháy cung thất tiền triều như trước, mà gần như là sử dụng toàn bộ cung thất trong Tử Cấm Thành của nhà Minh, cách xử lý sáng suốt này quả thật hiếm thấy trong lịch sử xã hội phong kiến Trung Quốc. Vì thế, vườn cảnh hoàng gia cổ đại Trung Quốc ngày nay phần nhiều là kiến trúc thời Minh, Thanh, tập trung chủ yếu ở Bắc Kinh.

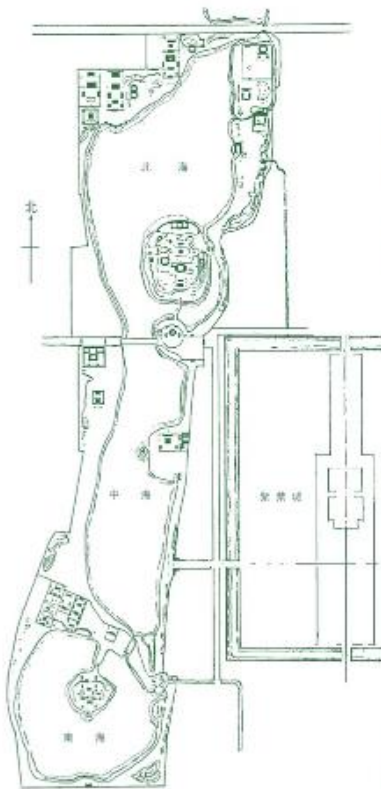
Vườn cảnh hoàng gia thời Minh, Thanh tiếp thu những kinh nghiệm xây dựng từ vườn cảnh tư gia các đời trước, hấp thụ tinh hoa vườn cảnh xưa và nay, với phạm vi cả trong và ngoài nước, đôi khi mô phỏng bố cục vườn cảnh tư gia hoặc tiến hành xây dựng trên nền vườn cảnh tư gia. Đạo bước trong vườn cảnh hoàng gia, bạn sẽ bị cuốn hút bởi vẻ đẹp tại bất cứ vị trí nào: hoa viên trong cung đình và cung điện rực rỡ xung quanh như tôn vinh vẻ đẹp của nhau, mang lại phong thái sang trọng, quý phái; li cung (cung thất nằm ngoài kinh thành) biệt diện mượn phong cảnh tự nhiên, hay phải đào hồ đắp núi đều tái hiện được sự thanh tĩnh thoáng đạt của phong cảnh thiên nhiên trong một không gian giới hạn. Tám ngôi chùa xung quanh Sơn Trang nghỉ dưỡng Thừa Đức đã thể hiện được nét tôn giáo đặc sắc của vườn cảnh miếu tự thời Minh Thanh, hoàng đế Càn Long rất yêu thích cảnh Tây Hồ nên đã mang những cảnh quan vườn cảnh thiên nhiên từ Tây Hồ như Khúc Viện Phong Hà, Bình Hồ Thu Nguyệt vào trong Viên Minh Viên.

Vườn cảnh hoàng gia luôn tượng trưng cho hoàng quyền, có qui mô lớn và khí phách hùng tráng. Từ cổng tam quan Văn Huy Ngọc Vũ bên bờ hồ Côn Minh nhìn lên Vạn Thọ Sơn, những kiến trúc Bài Văn Môn, Bài Văn Điện, Đức Huy Điện, Phật Hương Các... như bước dần lên triển núi, và đều nằm trên một trục chính. Phật Hương Các tượng trưng cho thần quyền cao 41m, sừng sững trên cao, có phong thái của vị chúa tể, là kiến trúc trung tâm mang tính biểu trưng trong bố cục toàn khuôn viên, còn Bài Văn Điện thì nằm ngay giữa của trục chính. Cả quần thể kiến trúc tái hiện khung cảnh thiên quốc với Tiên Sơn Quỳnh Các được miêu tả trong kinh Phật, đồng thời phản ánh sự tồn tại tư tưởng quân quyền do trời ban của tầng lớp thống trị chuyên chế phong kiến.

Ghi nhanh vườn cảnh hoàng gia đời Minh, Thanh

Ngự viên hoàng thành

Vườn cảnh hoàng gia đời Minh tập trung trong hoàng thành (tức nội thành kinh đô) và Tử Cấm Thành. Trong Tử Cấm Thành mới xây đã có Ngự Hoa Viên phía bắc của trục chính và hoa viên Kiến Phúc Cung phía đông bắc. Trong phạm vi hoàng thành còn có Vạn Thọ Sơn nằm phía bắc Tử Cấm Thành, Thố Viên và Tây Uyển phía tây, Đông Uyển phía đông nam... trong đó quan trọng nhất là Tây Uyển.



Sơ đồ mặt cắt ngang của Tử Cấm Thành và Tây Uyển.

Tây Uyển nằm phía tây sát với Tử Cấm Thành, khu vực này được xây dựng khá sớm. Từ năm 1151, dân tộc thiểu số phương bắc là Nữ Chân đoạt chính quyền nhà Kim (1115-1234), xây kinh đô tại Yên Kinh, gọi là Trung Đô, Tây Uyển chính là vùng ngoại ô tây bắc của Trung Đô. Nơi này vốn là vùng ao hồ, nối tiếp với sông Cao Lương. Nhà nước thống trị triều Kim tận dụng môi trường địa lý tự nhiên tuyệt vời tại đây để xây Đại Ninh Cung làm hành cung cho hoàng đế, cải tạo vùng đầm hồ thành một hồ lớn, giữa hồ đắp đảo có núi, gọi là Quỳnh Hoa đảo, trên đảo xây Quảng Hàn điện, xếp đá tạo núi, tượng truyền loại đá này được vận chuyển từ vườn cảnh hoàng gia Ngấn Nhạc nước Tống sau khi Kim diệt Bắc Tống, và nó còn mô phỏng hình dáng Thọ Sơn trong Ngấn Nhạc.

Vào thế kỷ 13, chính quyền tộc người Mông Cổ là Nguyên trở nên cường thịnh và thống nhất Trung Quốc. Năm 1272, triều Nguyên quyết định xây đô thành tại vị trí cũ của Trung Đô (nay là Bắc Kinh) nhà Kim, cho dù lúc đó thành Trung Đô bị hư hại nghiêm trọng, nhưng Đại Ninh Cung lại được giữ gìn nguyên vẹn, thế là triều Nguyên chọn đó là trung



tâm, qui hoạch xây dựng quốc đô mới là "Đại Đô", Đại Ninh Cung lại nằm trong phạm vi của hoàng thành. Thái Hồ trước kia được cải tạo thành "Thái Dịch Trì", theo bố cục của hoàng thành thì nó nằm phía tây hoàng thành, nguồn nước dùng thông qua sông Kim được cung cấp cho hoàng thành đến từ ngoại ô kinh thành phía tây bắc. Ven hồ Thái Dịch có nhiều loại cây rừng, sau khi cải tạo, ngoài Quỳnh Hoa đảo có từ trước, trong hồ còn xây thêm hai tiểu đảo "Viên Trì" và "Binh Sơn", đồng thời đổi tên Quỳnh Hoa đảo thành "Vạn Thọ Sơn". Trên Vạn Thọ Sơn có xây hàng chục ngôi điện, đường, đình, dài với kiến trúc chính là Quảng Hàn điện. Mặt bắc tiểu đảo Viên Trì có Thạch Kiều và Vạn Thọ Sơn gắn kết với nhau, hai mặt đông, tây cũng có cầu gỗ, nối liền hai bờ đông tây, trên đảo còn xây thêm Nghi Thiên Điện. Sau quá trình xây dựng công phu, hồ Thái Dịch trở thành ngự uyển của hoàng thành với nhiều yếu tố thiên nhiên.

Năm 1422, sau khi triều Minh dời đô đến Bắc Kinh, đã cho xây dựng lại hoàng cung của hoàng đế, vị trí của cung điện và hồ Thái Dịch không hề thay đổi, nhưng có sự thay đổi trong việc mở rộng qui mô của hồ Thái Dịch. Nhiều công trình được dựng lên trên đảo Quỳnh Hoa và bờ bắc của hồ Thái Dịch, và yếu tố con người lấn áp khá nhiều nét thiên nhiên trước đây; tại bờ đông của Viên Trì, đất được đắp để lấn mặt hồ, biến tiểu đảo trở thành

Từ Bắc Hải ngắm cảnh quanh thành và Trung Nam Hải.



một bán đảo mới nhô ra từ bờ đông, đồng thời dùng gạch xây quanh dài đất, biến nơi đó thành “Thành Tròn”; khi mở rộng hồ Thái Dịch về phía nam, không gian nước cũng được mở rộng, khu vực mở rộng gọi là “Nam Hải”, không gian nước phía bắc Thành Tròn gọi là “Bắc Hải”, khu vực giữa Bắc Hải và Nam Hải gọi là “Trung Hải”, từ hồ Thái Dịch ban đầu, nơi này hình thành bố cục tam hải là Bắc Hải, Trung Hải, Nam Hải, gọi là “Tây Uyển”. Tây Uyển trở thành ngự viên quan trọng nhất trong hoàng thành triều Minh.

Nhà Thanh tiến vào Bắc Kinh, vẫn ở trong Tử Cấm Thành, vẫn sử dụng những ngự uyển trong cung trước đây, tiếp tục mở rộng cung uyển với khu vực trung tâm là tam hải (Bắc Hải, Trung Hải, Nam Hải), ví dụ Bạch Tháp trong công viên Bắc Hải, vài nhóm kiến trúc Phật giáo tại bờ bắc của Bắc Hải và “Tịnh Thanh Trai” bên cạnh bức tường Bắc Viện, vài nhóm kiến trúc bờ đông Bắc Hải, khu cảnh quan thiên nhiên, “Doanh Đài”, Cẩn Chính Điện tại bờ bắc Nam Hải... đều được xây sửa, xây thêm trong đời Thanh. Qua quá trình xây dựng, chủng loại và số lượng kiến trúc trong Tây Uyển đều tăng đáng kể, yếu tố thiên nhiên trước đây giảm khá nhiều trong khi cảnh quan nhân văn tăng lên, ngày càng thể hiện khí thế hoành tráng và phong cách tráng lệ của ngự uyển hoàng gia, qui mô và diện mạo nơi này hầu như được giữ nguyên từ đó về sau. Trung Nam Hải hiện là địa điểm làm việc của chính phủ trung ương Trung Quốc, còn Bắc Hải được cải tạo thành công viên. Mặt nước vườn cảnh mệnh mông và bố cục kiến trúc chặt chẽ trong Tây Uyển kết hợp một cách khéo léo, có thể nói là kiệt tác. Cho đến hôm nay, nơi này vẫn là vườn cảnh có nhiệm vụ phủ xanh chủ yếu trong khu vực thành phố Bắc Kinh.

Hành cung nghỉ dưỡng

Năm 1994, phong cách kiến trúc độc đáo của khu nghỉ dưỡng Sơn Trang tại Thừa Đức tỉnh Hà Bắc và những chùa chiền xung quanh được tổ chức UNESCO liệt vào “Danh mục di sản thế giới”. Sơn Trang này dung hòa tinh hoa nghệ thuật kiến trúc nam bắc, vừa có phong cách, cấu trúc và phương pháp xây dựng của vườn cảnh miền nam, vừa kế thừa thủ pháp xây vườn cảnh miền bắc, có thể nói đây là điển hình nghệ thuật kiến trúc tổng hợp.

Người Mãn Châu, vốn là những người chuyên đánh bắt cá tại khu vực đông bắc Trung Quốc đã khai sáng vương triều Mãn Thanh, khi tiến vào Trung nguyên, họ vẫn gìn giữ truyền thống cưỡi ngựa săn bắn của tổ tiên. Sau khi thống nhất Trung Quốc, quốc lực hùng mạnh hơn, việc xây



Tranh hoàng gia xem hát trong Sơn Trang vào những năm Càn Long đời Thanh.

dựng vườn cảnh hoàng gia không thể đáp ứng nhu cầu về ngự uyển trong hoàng thành ngày một cao, và nhu cầu này được mở rộng đến những khu vực khác.

Từ năm Khang Hy thứ 16 (năm 1678) trở đi, vương triều Thanh bắt đầu tổ chức hoạt động tuần tra biên giới của hoàng đế (tại phía bắc Trường Thành) định kỳ, huấn luyện quân đội. Những hoạt động tổ chức vào mùa thu hàng năm này hầu như trở thành mặc định vào đời Thanh. Mỗi khi hoạt động diễn ra, dưới sự hộ tống của các vương công Mông Cổ, văn thần võ tướng, hoàng đế đích thân dẫn đầu đoàn quân với khí thế hào hùng tiến về Cổ Bắc Khẩu (nay thuộc huyện Mật Vân, Bắc Kinh), chọn thao trường phía bắc Trường Thành tổ chức săn bắn, thí võ, đồng thời tiến hành khen thưởng, phong tặng cho quân sĩ. Từ đó về sau, những khu vực mát mẻ ở vùng Các Lạt Tầm thuộc Mông Cổ dần trở thành những thao trường cố định, nhiều hành cung được xây dựng trên cung đường từ Bắc Kinh đến thao trường. Hành cung lớn nhất trong số đó được đặt tại Thừa Đức vốn là nơi chẵn ngựa của người Mông Cổ với các ngọn núi rậm rạp những cây rừng, nguồn nước suối dồi dào, cỏ cây xanh tốt, khí hậu mát mẻ, thưa vắng bóng người. Hoàng đế Khang Hy rất thích vùng đất mát mẻ này, nên đích thân chọn nơi đây để xây “Sơn Trang nghỉ dưỡng”. Một vườn cảnh hoàng



gia rộng lớn vào giai đoạn đầu đời nhà Thanh được ra đời trong bối cảnh như thế.

Năm 1735, vị hoàng đế thứ tư của vương triều Thanh sau khi nhập quan là Càn Long đăng cơ, lúc này nguồn lực đất nước tương đối dồi dào. Càn Long có hiểu biết khá sâu sắc đối với văn hóa truyền thống dân tộc Hán, ông ta từng 6 lần tuần du Giang Nam, những thắng cảnh và danh viên nơi này đã để lại ấn tượng sâu sắc cho ông. Dưới sự chỉ đạo của chính Càn Long, vườn cảnh hoàng gia được khởi công, lúc này công trình thi công bước vào giai đoạn cao trào, và hình thành một đặc trưng rõ nét - tính nghệ thuật đạt đến đỉnh cao, trong khi điêu khắc, xây dựng lại quá rối rắm.

Hoàng đế Càn Long dành nhiều tâm huyết cho việc xây dựng vườn cảnh hoàng gia ở ngoại ô phía bắc Bắc Kinh và Sơn Trang nghỉ dưỡng Thừa Đức. Từ năm 1751, quá trình mở rộng xây dựng Sơn Trang mất gần 40 năm, hàng chục cảnh quan được hoàn thành, đồng thời còn xây 8 ngôi chùa Phật giáo bên ngoài Sơn Trang, đó chính là "Ngoại Bát Miếu" mà người đời sau thường nói. Sơn Trang nghỉ dưỡng trở thành vườn cảnh hoàng gia có qui mô lớn nhất, hoành tráng nhất lúc bấy giờ.



Cảnh quan tại khu hồ nước trong Sơn Trang nghỉ dưỡng đều có ngọn núi, dòng nước tự nhiên.

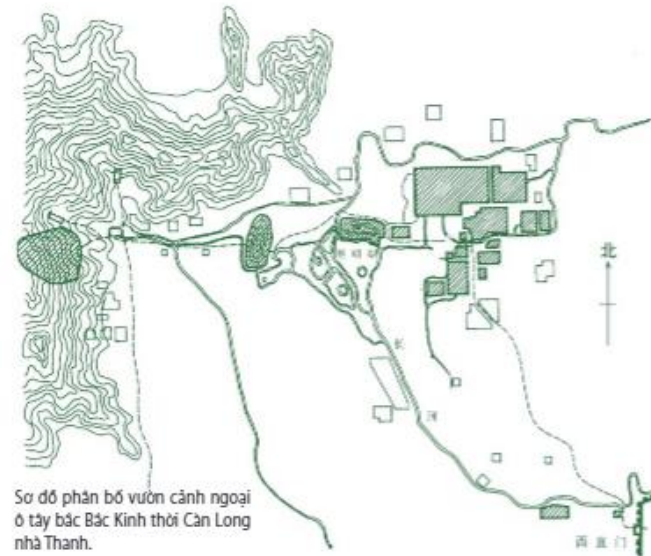


Khu vườn cảnh ngoại ô tây bắc Bắc Kinh

Phần lớn trong rất nhiều vườn cảnh thuộc khu ngoại ô tây bắc Bắc Kinh trải qua các cuộc chiến loạn vào cuối thời kỳ nhà Thanh đã trở nên hoang tàn. Sau khi triều Thanh bắt đầu xây dựng vườn cảnh với một qui mô lớn, Hương Sơn, Ngọc Tuyền Sơn và nhiều khu vườn cảnh thiên nhiên được xây sửa và hoàn thiện, cộng với số vườn cảnh tư gia đời Minh qui thuộc hoàng gia nhà Thanh thì khu ngoại ô tây bắc Bắc Kinh trở thành một nơi qui tụ nhiều vườn cảnh.

Hương Sơn là ngọn núi nhỏ trong dãy núi Sơn Tây, cây cối rậm rạp, khí hậu mát mẻ, từ thời Liêu (907-1125), Kim, Nguyên đã có chùa cổ trên núi, hoàng đế thỉnh thoảng đến đây du ngoạn. Năm 1677, Khang Hy cải tạo Hương Sơn Tự thành hành cung, dời vua Ung Chính, Càn Long, hành cung được mở rộng hai lần, năm 1747, Hương Sơn được đổi tên là "Tĩnh Nghi Viên".

Ngọc Tuyền Sơn là ngọn núi nhỏ nằm trơ trọi giữa vùng đất bằng khu tây bắc, nổi tiếng với nguồn nước suối dồi dào, rừng cây rậm rạp trên núi, từ đời Kim, Nguyên đã có nhiều ngôi chùa được xây trên đó. Thời Khang Hy, hành cung ngự viên "Trùng Tâm Viên" được xây dựng, sau đó đổi tên thành



Sơ đồ phân bố vườn cảnh ngoại ô tây bắc Bắc Kinh thời Càn Long nhà Thanh.



“Tĩnh Minh Viên”. Thời Càn Long, đất đai, ao hồ xung quanh được đưa vào khuôn viên, từ đó phạm vi Tĩnh Minh Viên được mở rộng.

Từ năm 1684, nhà Thanh cho xây vườn cảnh hoàng gia tại khu tây bắc. Lúc bấy giờ, để tiết kiệm chi phí, vườn cảnh tư gia nổi tiếng đời Minh là Thanh Hoa Viên được lựa chọn để xây khu vườn mới. Kiến trúc trong Thanh Hoa Viên tuy bị hủy hoại, nhưng cây cối, gò đất, suối, đá vẫn còn, nên sau 3 năm sửa chữa, nơi này trở thành vườn cảnh hoàng gia với cảnh quan nhân tạo đầu tiên có tên là “Sương Xuân Viên”. Sau khi hoàn thành, nơi đây là địa điểm quan trọng dành cho hoàng đế Khang Hy xử lý chính sự, đây cũng là ngự viên mang tính chất li cung đầu tiên mà triều đình nhà Thanh xây dựng bên ngoài kinh thành. Sau đó, Khang Hy tiếp tục tặng cho người con trai thứ tư một vườn cảnh tư gia đời Minh nằm tại mặt bắc Sương Xuân Viên với danh nghĩa là tứ viên. Ngoài ra, ông ta còn cho xây vườn cảnh mới hoặc sửa sang vườn cảnh tư gia đời Minh, trong đó khá nổi tiếng là Tự Di Viên, Hy Xuân Viên, Trùng Hoà Viên... Việc vườn cảnh thuộc loại nhỏ và vừa này nằm gần Sương Xuân Viên đã biến li cung Sương Xuân Viên thành trung tâm chính trị nằm ngoài kinh thành.

Dưới sự quản lý của vương triều Ung Chính, Viên Minh Viên tại khu vực ngoại thành tây bắc Bắc Kinh được mở rộng về diện tích, tăng cường kiến trúc. Ung Chính lưu ngụ tại đây quanh năm, biến nó trở thành một ngự uyển li cung quan trọng tại khu vực ngoại thành Bắc Kinh. Sau khi lên ngôi, hoàng đế Càn Long vẫn xem nơi đây là li cung của mình, đồng thời tiến hành xây dựng và hoàn thiện trên cơ sở 28 cảnh quan có sẵn, đến năm 1744 hoàn thành 40 cảnh quan. Năm 1751, Càn Long xây thêm Trường Xuân Viên tại phía đông Viên Minh Viên, xây Ý Xuân Viên phía đông nam, ba khu vườn cảnh liền thành một khối, được quản lý chung. Từ một vườn cảnh ban đầu, Viên Minh Viên phát triển thành vườn cảnh lớn nhất ngoại ô kinh thành với tổ hợp tam viên chiếm hơn 350ha.



Trong Tĩnh Minh Viên của Ngọc Tuyền Sơn, cây cối um tùm, miếu tự cũng không ít.



Tĩnh Nghi Viên ở Hương Sơn hòa quyện với thiên nhiên thành nhất thể.

Sau khi mở rộng Viên Minh Viên, Càn Long ghi lại như sau, Viên Minh Viên đã trở thành vườn cảnh hoàng gia, với phương châm cần kiệm của con cháu đời sau, nên không cần thiết phải xây thêm vườn cảnh mới. Nhưng không lâu sau đó, chính ông tự nuốt lời mình, bắt tay xây dựng Thanh Y Viên. Thanh Y Viên nằm giữa Ngọc Tuyền Sơn và Viên Minh Viên, nơi đây vốn có Ung Sơn và Tây Hồ nằm trước núi, hồ nước này trước đây là hồ chứa nước của vùng ngoại ô tây bắc cung cấp nước cho kinh thành. Lý do Càn Long đưa ra để xây dựng khu vườn là: thứ nhất, chúc thọ hoàng thái hậu; thứ hai, mở rộng Tây Hồ, khơi thông dòng chảy. Trên thực tế, tuy vị hoàng đế vô cùng yêu thích vườn cảnh và hiểu biết này lưu tâm đến Hương Sơn, Viên Minh Viên... tại khu ngoại thành tây bắc, nhưng nhận thấy rằng Hương Sơn có núi lại thiếu nước, Viên Minh Viên xây trên vùng đất phẳng, có nước lại thiếu núi, đối với vườn cảnh thiên nhiên thì đây quả là điều đáng tiếc; trong khi Ung Sơn hội đủ yếu tố núi và nước, thật sự là vùng đất tốt để xây vườn cảnh. Năm 1750, Thanh Y Viên được khởi công xây dựng dưới sự giám sát của Càn Long, hoàn thành năm 1764 sau 14 năm xây dựng. Đến lúc này, tại khu ngoại ô tây bắc Bắc Kinh có đến 5 vườn cảnh hoàng gia, đó là Tĩnh Nghi Viên ở Hương Sơn, Tĩnh Minh Viên ở Ngọc Tuyền



Sơn, Thanh Y Viên ở Vạn Thọ Sơn, cùng với Sướng Xuân Viên và Viên Minh Viên, có tên chung là “tam sơn ngũ viên”. Xung quanh ngũ viên còn có hàng chục vườn cảnh do vua ban và vườn cảnh tư gia. Cùng lúc Thanh Y Viên tiến hành xây dựng, nạo vét dòng chảy khiến mức nước được nâng cao và lưu lượng nước được tăng cường, hình thành tuyến đường du ngoạn trên mặt nước từ Ngọc Tuyền Sơn đến hồ Côn Minh, ngang qua Trường Hà, di thăng đến Tây Trúc Môn của Bắc Kinh. Từ đó, vùng ngoại ô phía tây bắc là Hải Điện trở thành một khu vườn cảnh hoàng gia bao la rộng lớn. Nơi này tập trung núi non, dòng nước tự nhiên, kể cả nhân tạo và nhiều loại hình vườn cảnh hoàng gia, tư gia, là nơi tập hợp của sự kế thừa truyền thống xây dựng vườn cảnh cổ điển, trở thành tiêu bản và cơ sở để người đời sau tìm hiểu về nghệ thuật vườn cảnh cổ điển Trung Quốc.

Tập đại thành các danh viên

Ngự Hoa Viên trong Tử Cấm Thành

Ngự Hoa Viên được xây vào năm Vĩnh Lạc thứ 18 (1420), hoàn thành cùng lúc với quần thể kiến trúc cung điện Tử Cấm Thành, sau khi hoàn thành, một số kiến trúc trong khuôn viên được tu sửa ở qui mô nhỏ, nhưng bố cục tổng thể vẫn được giữ nguyên.



Đình Ngự Cảnh là nơi ngắm cảnh cao nhất trong vườn

Ngự Hoa Viên là quần thể kiến trúc nằm ở điểm đầu phía bắc trên trục chính của Tử Cấm Thành. Là một ngự viên quan trọng nhất trong hoàng thành, lại ở vị trí quan trọng, nên nhìn chung Ngự Hoa Viên trong Tử Cấm Thành không có bố cục linh hoạt tự do như vườn cảnh tư gia Giang Nam, mà là kết quả của ứng dụng hình thức đối xứng qua trục chính trong kiến trúc cung đình.

Ngự Hoa Viên có diện tích 1,2ha, kiến trúc được bố trí chính tế theo ba trục chính là đông, trung và tây. Khâm An Điện nằm trung tâm Ngự Hoa Viên, là kiến trúc đạo giáo thờ Nguyên Thiên Thượng Đế. Từ phía nam đến phía bắc của trục đông có Giảng Tuyết Hiên, Vạn Xuân Đình, Phù Bích Đình,



Xi Tảo Đường và nhiều kiến trúc khác, Ngự Cảnh Đình nằm trên đỉnh núi nhân tạo, có thể bao quát toàn khuôn viên và phóng tầm mắt xem cảnh quan bên ngoài hoàng thành, là nơi để vương lên ngắm trăng vào tiết trung thu, trùng dương. Trong núi nhân tạo có thạch động, nước được dẫn từ nơi cao hơn, tuôn chảy không ngừng từ những vòi nước có hình chạm đầu rồng, tạo thành một cảnh trong vườn. Trục tây từ phía nam đến phía bắc có Dương Tinh Trai, Thiên Thu Đình, Trùng Thụy Đình, Lập Dục Trai và Diên Huy Các. Những kiến trúc này nằm ở vị trí đối xứng với Giảng Tuyết Hiên, Vạn Xuân Đình, Phù Bích Đình, Xi Tảo Đường, Ngự Cảnh Đình tại trục đông, bố cục kiến trúc cả khu vườn vô cùng qui chỉnh. Nhưng xét cho cùng Ngự Hoa Viên vẫn là một vườn cảnh, chức năng khác hoàn toàn với bố cục tiến triều hậu tẩm trong hoàng thành, người thiết kế áp dụng thủ pháp linh hoạt nhằm tránh cho Ngự Hoa Viên trở nên cứng nhắc, đơn điệu trên cơ sở đảm bảo bố cục tổng thể.

Đặc điểm đầu tiên của Ngự Hoa Viên là loại hình và hình dáng của kiến trúc phong phú. Trong Ngự Hoa Viên có nhiều lầu các nhiều tầng, cũng có những gian nhà một tầng, hình dáng các đình cũng đa dạng. Vì như có loại đình nằm trên nền bạch thạch, có loại là cầu đình bắc trên mặt nước. Tầng trệt của Vạn Xuân Đình và Thiên Thu Đình có hình chữ thập, còn tầng trên là hình tròn có chóp nhọn, hình dáng của chúng vừa mang vẻ qui phái sang trọng của kiến trúc hoàng gia, vừa mang phong cách linh hoạt trong kiến trúc vườn cảnh.



Mái nhà kiểu bảo đình của Vạn Xuân Đình.



Mái nhà kiểu bảo đình của Thiên Thu Đình.





Chậu cây hóa thạch trong vườn cảnh.



Thứ đến là trong một bố cục qui chỉnh đối xứng trái phải, ta vẫn có thể cảm nhận cái đẹp của sự thay đổi tinh tế ở khắp nơi. Giáng Tuyết Hiền và Dương Tính Trai nằm hai bên bờ tường phía đông và phía tây, nằm ở vị trí đối xứng trái phải. Giáng Tuyết Hiền là phòng đọc sách, trước hiên phòng là hành lang đá lưu ly, trên đó trồng hoa, đặt chậu cảnh; trong khi đó Dương Tính Trai lại là một tiểu lầu hai tầng, trước tiểu lầu này là khu đình viện bán khép kín được vây bọc bởi núi nhân tạo xây bằng đá. Hình dáng những kiến trúc này và cảnh quan xung quanh chúng cũng khác nhau. Từ cổng phụ hai bên Thửa Quan Môn bước vào Ngự Hoa Viên, ta sẽ phát hiện Ngự Cảnh Đình và Diên Huy Các sát bờ tường phía bắc nằm ở vị trí đối xứng nhau, nhưng một bên là đình nhỏ trên núi nhân tạo, còn bên kia là ngôi nhà hai tầng với mái ngói lưu ly; hai đình Vạn Xuân, Thiên Thu hình dạng tương đồng, nhưng đỉnh của đình thì khác nhau, kiểu dáng vòm tròn trong đình cũng khác nhau.

Thứ ba, việc sử dụng chủ đề và hình dáng nhằm mục đích trang trí kiến trúc cho khác với kiến trúc cung điện, hoa văn mà chúng ta thấy trên mái vòm hình chữ tinh (卍) (hình cái giếng nước) trong Phù Bích Đình và Trùng Thụy Đình không giống kiểu hoa văn hình long phụng trong cung điện thường sử dụng, đó là hình vẽ bông mai, hoa lan, mẫu đơn, thược dược... ngoài ra còn có hình những trái đào, lựu... hình dáng đa dạng, sinh động, những hoa văn này mang ý nghĩa tốt lành, trường thọ. Trên những hàng kèo trong Giáng Tuyết Hiền không còn tranh màu truyền thống, thay vào đó là những hoa văn cây trúc xanh tươi, cửa trong hiên vẫn giữ màu gỗ nguyên thủy, vì vậy phong cách mộc mạc tao nhã được thể hiện rõ trong kiến trúc này. Cái hồn của vườn cảnh thậm chí còn thể hiện trên mặt đường đi ở giữa vườn. Ngoài mặt đường đi ở đoạn giữa của trục giữa lót bằng phiến đá, những lối đi khác đều được xây bởi đá vụn và gạch ngói. Hình dáng, màu sắc và chất liệu khác nhau của những loại đá và gạch này được sử dụng cho việc ghép hình động vật, bông hoa, vật dụng và nhân vật. Từng bức tranh một nối tiếp nhau tạo thành chuỗi tranh màu trên mặt đất, mang lại cho du khách sự cảm nhận về cái đẹp và sự thú vị đến bất ngờ.

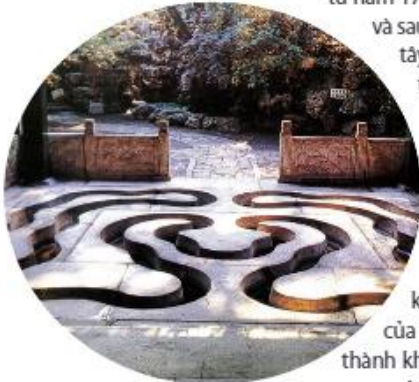
Thứ tư, phần quan trọng nhất chính là việc sắp đặt cây cỏ hoa lá trong quá trình xây dựng vườn cảnh, sử dụng những điểm nhấn như khối đá, bonsai nhằm mục đích mang lại tính sinh động cho vườn cảnh. Chúng loại cây trồng trong vườn khá hạn chế do điều kiện khí hậu, nên tùng, bách xanh tươi bốn mùa là loại cây trồng chủ yếu, được trồng thành hàng ven đường, những loại cây rụng lá như hòe, du, hải đường... là loại cây phụ, trồng tản



mát trong vườn, tạo nên tính lãng động mà chỉ vườn cảnh hoàng gia mới có. Đối với hoa thì thường được chiết và ghép cành, mùa xuân và mùa hè có nghên xuân, thược dược, mẫu đơn, hoàng thịch mai... mùa thu chủ yếu có hoa cúc, trong hồ thì có hoa sen. Mỗi mùa có một loại hoa khác nhau điểm xuyết cho Ngự Hoa Viên bằng những màu sắc sặc sỡ, giúp hoàn chỉnh một tuyệt phẩm. Núi đá nhân tạo trong vườn đôi khi bố trí tập trung, kết hợp với kiến trúc thành một chỉnh thể; có lúc lại lẻ loi một mình, tạo nên cảnh đá độc lập để mọi người thưởng thức. Ngoài số ít bonsai hoa quý hiếm, đa số bonsai trong vườn là chậu đá cảnh được cống nạp từ các nơi. Hình dạng bonsai không trùng lặp, có loại lung linh trong suốt, có loại vững chãi rắn chắc; có loại như gỗ xưa hóa thạch, có loại được làm từ san hô biển; hoa văn màu đỏ trên nền xám của viên đá trông như một quan văn đang chấp tay bái trời, đó là "Gia Cát Lượng bái bắc đầu viên thạch" nổi tiếng. Bố cục kiến trúc và đường đi qui chuẩn, đối xứng, việc sắp đặt các loại cây hoa cỏ lá, vai trò tô điểm của khối đá, bonsai đã làm cho Ngự Hoa Viên vừa giữ được tính trang nghiêm, ngưng đọng của vườn cảnh hoàng gia chốn cung đình, vừa mang tính đặc trưng của vườn cảnh. Nhìn từ góc độ này có thể thấy, Ngự Hoa Viên xứng đáng là một tác phẩm rất thành công.

Hoa viên Ninh Thọ Cung

Hoa viên Ninh Thọ Cung là nơi hoàng đế Càn Long xây dựng chuẩn bị để dưỡng già sau khi thoái vị, nên còn gọi là "Hoa viên Càn Long", nằm trong Ninh Thọ Cung ở phía đông Tử Cấm Thành. Ninh Thọ Cung xây dựng từ năm 1771 đến năm 1776, chia thành hai phần trước và sau, phần sau lại chia thành ba trục: trung, đông, tây. Hoa viên Ninh Thọ Cung nằm trong khu vực trục tây thuộc phần sau của Ninh Thọ Cung.



Dòng nước lưu bồi trong Hệ Thượng Đình.

Hoa viên Ninh Thọ Cung có diện tích chỉ bằng một nửa Ngự Hoa Viên, gói gọn trong khu vực có chiều dài 160m từ nam đến bắc, chiều dài đông tây chỉ rộng 37m. Do diện tích, hình dạng khu đất khác nhau, nên vẽ hình thức, bố cục tổng thể được thiết kế khác với Ngự Hoa Viên. Đặc điểm lớn nhất của Ninh Thọ Cung là từ nam đến bắc được chia thành khuôn viên ngũ tiến hình vuông, tức chia nhỏ kiến trúc, loại bỏ cảm giác bất lợi về không gian là hẹp và dài.



Trần cửa gian nhà điều khắc gỗ trong Cố Hoa Hiên.

Từ cửa nam của khu vườn là Diên Kỳ Môn bước vào, trước mặt là một ngọn núi nhân tạo, đi xuyên qua núi trên con đường uốn khúc vào khuôn viên nhất tiến. Cố Hoa Hiên, một sảnh chính, rộng lớn trong khuôn viên có mặt chính hướng nam, vì có cây hoa mộc già trước sảnh nên mới có tên như vậy. Ba mặt đông, nam, tây của Cố Hoa Hiên đều được bao bọc bởi núi đá nhân tạo, có cổ thụ trong khuôn viên xòe tán che mát, càng tôn nét thú vị của núi đá nhân tạo.

Đi qua Thùy Hoa Môn ở phía bắc Cố Hoa Hiên là có thể bước vào khuôn viên nhị tiến. Đây là một tòa tử hợp viện chuẩn mực, phía đối diện là Toại Sơ Đường với 5 gian, bên trái và phải có chái nhà 3 gian ở phía đông và phía tây, hành lang xung quanh liên thông nhau, được tô điểm bởi hoa lá cỏ cây, hình thành một khuôn viên thanh tịnh với không gian cảnh quan khác hoàn toàn với khuôn viên nhất tiến.

Cảnh quan khuôn viên tam tiến thay đổi hẳn, trong khuôn viên có ngọn núi đá khổng lồ, đỉnh núi vươn cao, hang động liên thông, trên đỉnh núi là Tùng Tú Đình. Chủ thể trong khuôn viên này là sơn cảnh, không gian tĩnh lặng, cảnh quan khác biệt với hai khuôn viên trước đó.

Bố cục khuôn viên tứ tiến lại có sự thay đổi. Vừa bước vào là thấy Phù Vọng Các nguy nga tráng lệ, mặt bằng kiến trúc hình vuông, những tường ngăn ngang dọc trong các biến nơi này thành một mê cung. Trên các vách ngăn là những tác phẩm thủ công điêu khắc bằng gỗ, dát vàng, khảm



ngọc và cảnh thái lam... vô cùng xinh xắn, được xem là tuyệt tác trong nội của Tử Cấm Thành.

Khuôn viên nhất tiến cuối cùng lại trở về với kiến trúc của một khuôn viên qui chuẩn, phía tây là khuôn viên phụ, trong đó có Trúc Hương Quán với không gian riêng của thúy tùng tu trúc, phía bắc là Quyển Cẩn Trai với 9 gian, trong đó 4 gian phía tây là nơi Càn Long xem hát, bên trong có sân khấu nhỏ, vách tường, bình phong, trần nhà được trang trí màu sắc sặc sỡ.

Hoa viên Ninh Thọ Cung với vai trò là một vườn cảnh hoàng gia thu nhỏ, ứng dụng thủ pháp xây vườn cảnh truyền thống Trung Quốc. Về bố cục, nơi đây hình thành những không gian khác biệt bởi những khuôn viên có hình dạng khác nhau, với kiến trúc đối xứng, bất đối xứng; về tạo cảnh, Ninh Thọ Cung sáng tạo nên những cảnh quan thoảng dăng, với không gian rộng hẹp khác nhau bằng tứ hợp viện có kiến trúc khép kín và đình viện với chủ thể cảnh là khối đá núi; về hình dạng kiến trúc có kiểu dáng đa dạng phong phú của sảnh, đường, lầu, các, hiên, đình; về xây dựng và trang trí, ngoài lan can bằng lưu ly, tranh màu, đá khắc, nơi này còn có trần nhà bằng gỗ lộng quý hiếm trong Tử Cấm Thành cùng với tấm bình phong và vách tường bình phong được làm tinh xảo tuyệt đẹp. Thông qua những biện pháp này, mặc dù trong một khu vực hẹp dài nhưng vẫn có thể hình thành không gian vườn cảnh đa dạng, khung cảnh thay đổi trong từng góc nhìn, giúp hoa viên Ninh Thọ Cung trở thành ngự viên đặc sắc trong hoàng thành.

Viên Minh Viên

Trước khi bị thiêu rụi, vườn tược trong Viên Minh Viên nhiều vô kể, đẹp không tả xiết, khu vực cảnh chính tập hợp hơn 120 kiến trúc khác nhau. Nhà văn người Pháp Victor Hugo từng đánh giá như sau: "Tập trung tất cả báu vật trong tất cả nhà thờ của chúng ta cũng không thể sánh bằng kiến trúc sang trọng xinh đẹp này". Kiến trúc sư hoàng gia Anh William Chambers cho rằng, Viên Minh Viên là "nơi thu thập những gì xinh đẹp nhất trong tự nhiên, nó hình thành một chỉnh thể làm xao xuyến lòng người", và ông là người thiết kế cho công tước Kent một khu "vườn cảnh kiểu Trung Quốc" đầu tiên tại châu Âu có tên là Royal Botanic Gardens, Kew. Có thể nói, Viên Minh Viên tạo sự ảnh hưởng sâu sắc trong quá trình phát triển của nghệ thuật vườn cảnh thế giới.

Viên Minh Viên vốn là tứ viên do hoàng đế Khang Hy tặng cho người con thứ tư là Ung Chính. Ung Chính tại vị 13 năm, thường lưu ngụ tại đây, biến Viên Minh Viên thành vườn cảnh có tính chất của một li cung với 28



cảnh quan. Trên cơ sở đó Càn Long sau này mở rộng thành 40 cảnh quan, đồng thời xây thêm hai khu vườn khác là Trường Xuân và Viên Minh, hợp thành Viên Minh tam viên. Vào những năm Gia Khánh, phạm vi của tam viên được tiếp tục mở rộng, kiến trúc được xây thêm, cuối cùng trở thành vườn cảnh hoàng gia lớn nhất trong khu vực vườn cảnh ngoại ô tây bắc Bắc Kinh. Viên Minh Viên rộng 350 ha, diện tích mặt đất tương đương cố cung, diện tích mặt nước tương đương Di Hòa Viên.

So với một số vườn cảnh hoàng gia khác, Viên Minh Viên có đặc trưng gì? Đạt được thành quả nào trong kiến trúc vườn cảnh cổ điển Trung Quốc? Nhìn chung, có thể qui nạp ở vài mặt sau:

Đặc trưng lớn nhất của Viên Minh Viên là vườn cảnh nằm trên khu đất bằng phẳng, trong vườn lớn có vườn nhỏ, cảnh quan chủ yếu là không gian nước.

Thế đất Viên Minh Viên bằng phẳng, lại không có dòng chảy nào di ngang, bù lại nơi đây có nguồn nước ngầm dồi dào, đào sâu 3 thước là có nước. Với điều kiện khách quan như vậy, khu vườn chỉ có thể xây trên mặt đất bằng, tiến hành đào hồ đắp núi để hình thành không gian vườn cảnh thiên nhiên. Thế là trên diện tích đất 350 ha của khu vườn, không gian nước được hình thành có diện tích tương đương 1/2 diện tích khu vườn, trong đó không gian nước lớn nhất là Phước Hải rộng 600m, với diện tích mặt nước 30 ha; hồ nước loại trung bình cũng rộng từ 200m đến 300m; hồ loại nhỏ thì vô số kể. Những dòng suối uốn lượn như một dải lụa đang dập dờn chuyển động, tất cả hình thành một hệ thống dòng chảy hoàn chỉnh. Đất đai từ quá trình đào ao hồ được dùng để đắp núi, vì thế nước nhiều núi cũng nhiều, cả núi lẫn đồi chiếm đến 1/3 diện tích khu vườn. Với số đất này, không thể đắp ngọn núi cao lớn, nhưng cũng không ảnh hưởng đến đặc trưng cảnh quan của khu vườn là lấy nước làm cảnh quan chính.

Viên Minh Viên không có điều kiện môi trường đất đai tự nhiên như Tịnh Nghi Viên ở Hương Sơn, cũng không có những đỉnh núi sừng sững trên mặt đất bằng phẳng như trên đảo Quỳnh Hoa ở Bắc Hải và Vạn Thọ Sơn ở Thanh Y Viên, nên chỉ có thể hình thành từng cụm cảnh quan một, tạo nên một không gian vườn cảnh nhân tạo khổng lồ từ những khu vườn nhỏ nằm trong một vườn cảnh lớn. Nếu như chia theo khu vực chức năng, thì những cảnh quan này vừa có quần thể kiến trúc cung điện "chính đại quang minh" và "cửu châu thanh yến" dành cho việc xử lý triều chính của vua, vừa có Tả Hữu Cung dùng để thờ cúng tổ tiên, Xã Vệ Thành để thờ Phật, Văn Uyển Các phục vụ mục đích cất giữ văn thư, còn có những cửa hiệu bán đồ tạo thành phố buôn bán, và còn rất nhiều cảnh quan, khu





vui chơi chuyên dành cho nhu cầu vui chơi, nghỉ ngơi. Nếu phân chia theo cảnh quan, thì nơi đây có khu Nội Cung trong Đại Quan Môn với quần thể kiến trúc bao gồm Hàm Kinh Đường và Thuần Hóa Hiên trong khu trung tâm Trường Xuân Viên của Viên Minh Viên; có Bồng Đảo Dao dài trong Phước Hải, Hải Nhạc Khai Khâm nằm phía tây Trường Xuân Viên, Phụng Lân Châu và Giám Bích Đình trong Ý Xuân Viên... với không gian nước là chủ thể; có thư phòng Tứ Nghi trong khuôn viên Sơn Trang, có Tử Bích Sơn Phòng, Đa Giá Như Vân trong khung cảnh làng quê sông nước Trường Hà... Những cảnh quan này đôi khi có chủ thể là kiến trúc, kết hợp các loại thực vật trên non dưới nước; đôi khi có chủ thể là núi đồi, mặt nước, dòng chảy, thực vật, trong đó được tô điểm thêm bởi đình, đài, lầu, các; tất cả đều mang sắc thái riêng biệt. Những cảnh quan này lại được chia thành khu, hình thành khu cảnh quan có phạm vi khá rộng, ví dụ quanh Phước Hải có 20 cảnh như Phương Hồ Thăng Cảnh, Tiếp Tú Sơn Phòng, hình thành khu đại cảnh nằm phía đông Viên Minh Viên với cảnh trung tâm là Phước Hải. Những khu cảnh và cảnh quan này tổng cộng 120 nơi, giữa chúng là núi đồi, và cả những con đường và dòng nước thông nhau. Cảnh quan nơi đây mang đậm chất sông nước vùng Giang Nam, đó là mặt nước bao la sương

Tranh miêu tả Viên Minh Viên thời huy hoàng. Tranh vẽ màu "Viên Minh Viên tứ thập cảnh đồ" do các họa sĩ cung đình triều Thanh là Thẩm Nguyên, Đường Đại vẽ vào năm 1744 chỉ có duy nhất một bản chính, hiện lưu giữ tại bảo tàng quốc gia Paris của Pháp. Ba bức tranh trên được người đời sau vẽ lại từ nguyên tác.



khởi lập lò, đường mòn trên núi, dòng nước quanh co uốn lượn. Giữa khu vườn cảnh và cảnh quan nếu không được phân chia bởi dãy tường thấp và hành lang gấp khúc như trong vườn cảnh tư gia, thì là vòng cung của dãy núi đồi; liên thông với chúng nếu không phải là lối đi lát đá hẹp trong vườn và ô cửa lộng trên tường, thì là dòng sông và lối đi liên thông uốn khúc. Những khu vườn cảnh và cảnh quan như những khu vườn nằm trong khu vườn với không gian lớn nhỏ khác nhau, chúng vừa bị ngăn cách vừa liên thông với nhau, tạo nên khu vườn cảnh khổng lồ với chủ thể là không gian nước vùng đồng bằng.

Một đặc điểm nổi bật trong kiến trúc vườn cảnh và cảnh quan của Viên Minh Viên là sự mô phỏng danh lam thắng cảnh của nhiều địa danh. Càn Long từng 6 lần xuống Giang Nam, mỗi lần đều đến Tô Châu, Dương Châu, Hàng Châu du sơn ngoạn thủy, thăm viếng vườn cảnh, và không quên mang theo họa sĩ để vẽ lại cảnh đẹp mà ông ưa thích, rồi mang về Bắc Kinh tái hiện lại. Vì vậy, chỉ riêng cảnh đẹp nổi tiếng của Tây Hồ Hàng Châu như Ngọc Tuyền Quan Ngự, Khúc Viên Phong Hà, Tam Đàm ấn Nguyệt, Nam Bình Văn Chung, Bình Hồ Thu Nguyệt, Liễu Lăng Văn Oanh cùng sáu cảnh khác..., còn có Sư Tử Lâm, phố mua bán, Thiêm Viên ở Tô Châu, và Sáu Tây Hồ ở Dương Châu...

Điều đáng nói là vào những năm Càn Long, trong khuôn viên xuất hiện một quần thể kiến trúc dinh viên có phong cách châu Âu. Theo sau



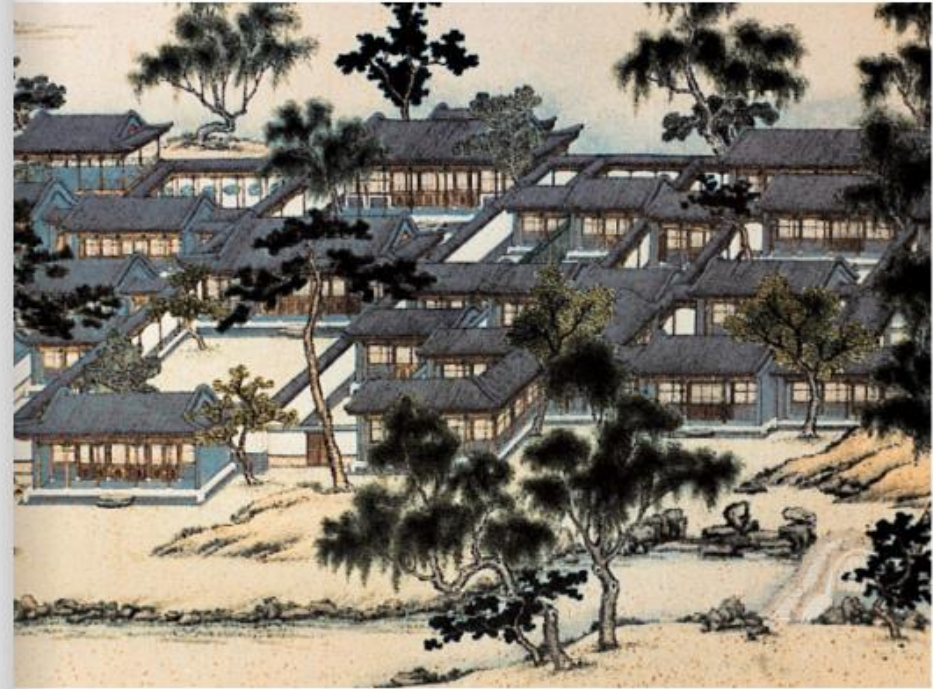
Toàn cảnh Viên Minh Tam Viên nhìn từ trên cao.





Khu cảnh Tây Dương Lâu trong Viên Minh Viên do họa sĩ phương Tây, nhà truyền giáo người Ý Giuseppe Castiglione, cha xứ người Pháp Benoist Michael thiết kế giám sát, thợ người Trung Quốc thi công. Trong ảnh là tàn tích Tây Dương Lâu đổ nát.

công việc truyền bá thiên chúa giáo tại Trung Quốc, nghệ thuật kiến trúc và phương pháp xây vườn cảnh phương Tây từ từ du nhập vào Trung Quốc. Kiến trúc phương Tây và phương pháp xây vườn cảnh vốn khác với phong cách truyền thống Trung Quốc đã tạo nên sức hút đối với vị vua thứ ba của triều Thanh, thế là Càn Long quyết định xây một khu cảnh "Tây Dương Lâu" mang phong cách vườn cảnh châu Âu tại phía bắc Trường Xuân Viên. "Tây Dương Lâu" do những nhà truyền giáo người Pháp, Ý, Bohemia⁰ (là một nước cổ vùng Trung Âu) đang truyền giáo tại Trung Quốc thiết kế, thợ người Trung Quốc thi công. Quần thể kiến trúc mang phong cách châu Âu này hoàn thành vào năm Càn Long thứ 25 (năm 1760), bao gồm sáu kiến trúc cung điện như Hải Kỳ Thú, Phương Ngoại Quan, Hải An Đường, Viễn Doanh Quan... và ba khu dinh viện là Vạn Hoa Chương, Tuyền Pháp Sơn và Tuyền Pháp Tường. Những kiến trúc này thuộc kiến trúc trường phái Baroque thịnh hành ở châu Âu lúc bấy giờ, vật liệu xây dựng là đá, bên ngoài trang trí khắp tác phẩm điêu khắc. Trước cung điện có vài hồ phun nước lớn, cây trồng phối cảnh xung quanh cũng sử dụng phương pháp truyền thống của vườn cảnh chuẩn mực châu Âu: cây to thành hàng thẳng tắp, hàng rào cây xanh cắt tía chín chu, trồng hoa theo các kiểu dáng hình học. Để thể hiện yếu tố Trung Quốc, Tây Dương Lâu sử dụng thủ pháp



Khu cảnh Cửu Châu Thanh An trong Viên Minh Viên từng là nơi hoàng đế chiêu đãi yến tiệc, sau bị thiêu rụi trong làn đạn lửa của liên quân Anh, Pháp.

truyền thống Trung Quốc trong bố cục và hình thể kiến trúc, như tháp phun nước xây theo hình dáng tháp Phật tại Trung Quốc, thay tượng người lỏa thể của phương Tây bằng tượng linh thú, hoa văn truyền thống Trung Quốc được sử dụng trong điêu khắc trang trí đá... nhưng về tổng thể, khu cảnh "Tây Dương Lâu" vẫn trở thành một khu vực đặc biệt của Viên Minh Viên mang đậm tính chất nước ngoài với kiểu dáng khác hoàn toàn vườn cảnh truyền thống. Kiến trúc và văn hóa vườn cảnh Trung Quốc - châu Âu đã có sự kết hợp và "Tây Dương Lâu" là sự kết hợp đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc. Đối với xã hội phong kiến khép mình như Trung Quốc, thì đây là một đột phá đúng cảm về tinh hiện thực.

Đặc trưng thứ hai của Viên Minh Viên là kiểu dáng phong phú, hình thức đa dạng, với nhiều nét biến đổi tinh tế trong kiến trúc.



Là một vườn cảnh hoàng gia lớn có tính chất của một li cung, nên Viên Minh Viên có nhiều chức năng, không những là vườn cảnh để bậc đế vương vui chơi, thư giãn, mà còn là cung uyển dùng cho mục đích chính sự, thờ cúng tổ tiên, thờ Phật, đọc sách... Vì vậy, loại hình kiến trúc của Viên Minh Viên bao gồm cung điện, miếu đường, tự viện, nhà ở, trai phòng, phố chợ, sân khấu và hàng loạt đình, đài, lầu, các cùng với những chiếc cầu, âu thuyền, bến thuyền... phục vụ cho nhu cầu vui chơi giải trí. Phong cách những kiến trúc này được hình thành từ những chức năng của chúng, bên cạnh đó chúng còn phá vỡ qui tắc truyền thống, sáng tạo thêm nhiều hình thức mới lạ. Ví dụ về hình dáng mặt bằng những ngôi nhà, ngoài hình chữ nhật, còn có nhiều hình dạng khác như chữ công, chữ trung, hình gấp khúc, hình quạt... với đình trong khuôn viên có đình hình tứ giác, lục giác, bát giác, tròn, chữ nhật, ngoài ra còn có loại đặc biệt là thủy lưu đình; hành lang cũng chia thành hành lang thẳng, gấp khúc trên triền núi, với nhiều kiểu bậc thang... Và hơn một trăm chiếc cầu cũng có nhiều loại khác nhau như cầu bằng, cầu gấp khúc, cầu vòm...

Những quần thể kiến trúc được cấu tạo bởi những nhóm kiến trúc khác nhau có kiểu dáng rất đa dạng. Những tổ hợp kiến trúc truyền thống cổ đại Trung Quốc phần nhiều đối xứng qua trục chính, có bố cục của một tứ hợp viện qui chỉnh. Về tổng thể, tuy quần thể kiến trúc của Trung Quốc không có loại nào vượt qua loại truyền thống này, nhưng lại áp dụng phương thức xử lý linh hoạt: một là, trên cơ sở giữ lại cấu trúc trục chính, sử dụng phương thức kiến trúc hai bên trục chính không hoàn toàn đối xứng nhau. Lấy ví dụ quần thể kiến trúc Hối Phương Thư Viện, bố cục ngôi

Tàn tích của Đại Thủy Pháp trong Viên Minh Viên.



Cách bài trí mang đậm nét cổ điển của Bái Văn Điện trong Vạn Thọ Sơn.

nhà như hướng thẳng, hướng ngang đều ít nhiều liên quan đến trục chính, nhưng hai bên trục chính thì một bên là gian nhà trệt, bên kia là gian nhà hai tầng; đối với hai bên trái và phải của trục ngang, một bên là nhóm kiến trúc gồm gian nhà hai tầng, gian nhà trệt, hiên đình, còn bên kia chỉ là một ngôi đình bốn mặt; hai là, tại vị trí đối xứng xây dựng kiến trúc có hình thức khác nhau, ví dụ hai bên kiến trúc chính trong quần thể kiến trúc Thiên Nhiên Đồ Họa là căn lầu nhiều tầng và nhà trệt, vị trí tuy đối xứng nhưng hình dáng khác nhau; ba là, chỉ giữ lại sự đối xứng qua trục chính giữa cổng chính kiến trúc và sảnh chính của kiến trúc, những kiến trúc khác sắp đặt theo tùy địa hình, ví dụ về quần thể kiến trúc Tứ Nghi Thư Ốc, ngoài cửa chính và gian lầu hai tầng có sảnh tuân theo tính đối xứng qua trục chính, những gian nhà khác đều được sắp đặt một cách linh hoạt và tinh tế theo thế núi, dòng nước.

Kiến trúc trong vườn đều xây theo kiểu của giới quan lại miền bắc, bên trong trang hoàng hoa lệ, sắp đặt tinh tế, mang khí phách của hoàng gia. Về hình dáng của kiến trúc, ngoài khu cung đình và một số ít kiến trúc diện đường quan trọng khác, đa số đều trang trí đơn giản, kèo cột

vấn giữ màu sắc nguyên thủy của vật liệu hoặc nếu cần thì trang trí đôi chút. Vì thế toàn khu vườn với gần 120 quần thể kiến trúc, nhưng xét về tổng thể thì không hề sang trọng, xa hoa, mà ngược lại hoàn toàn hài hòa với cây cỏ trên bờ dưới nước xung quanh, hình thành một môi trường vườn cảnh miền bắc với không gian nước mang đậm chất sông nước của vùng Giang Nam.

Thanh Y Viên (Di Hòa Viên)

Thanh Y Viên là tiền thân của Di Hòa Viên, nằm giữa Tịnh Minh Viên và Viên Minh Viên của Ngọc Tuyền Sơn. Trước kia nơi đây vốn có Ung Sơn giữa vùng đất bằng phẳng, hồ nước trước núi có tên là Ung Sơn Bạc, vùng đất vườn cảnh thiên nhiên nơi này được xây dựng vào thời nhà Nguyên.

Thanh Y Viên được xây vào năm 1750 trên vùng đất có Ung Sơn và hồ nước, cùng với bản thiết kế qui hoạch xây dựng mô phỏng Tây Hồ của Hàng Châu. Càn Long rất thích vườn cảnh thiên nhiên, từng sáu lần xuống Giang Nam, lần nào cũng đến Hàng Châu, qua đó có thể thấy tình yêu của ông dành cho Tây Hồ. Trong quá trình cải tạo, hồ nước được nạo vét, mở rộng, đất công trình được đắp lên Ung Sơn, hình thành thế tựa núi trông nước, tức núi tiến sát nước, nước bao quanh núi; tại phía tây không gian nước, một con đê dài từ nam đến bắc được mô phỏng theo Tô Đê của Tây Hồ với nhiều nhánh đê, chia mặt hồ thành ba phần. Cùng lúc đó Khê Hà được đào tại mặt phía bắc núi, liên thông với nước hồ trước núi, hình thành bố cục sơn thủy tương lân. Sau khi được cải tạo, Ung Sơn gọi là Vạn Thọ Sơn, hồ nước trước núi gọi là Côn Minh Hồ. Từ bố cục Thanh Y Viên có thể thấy, Vạn Thọ Sơn và hồ Côn Minh có mối liên hệ mật thiết, từ việc phân chia cho đến hình dáng mặt nước của hồ Côn Minh, vị trí và phương hướng của Tây Đê trong hồ đều giống với Tây Hồ ở Hàng Châu.

Đa số cảnh quan trong vườn đều xây theo Vạn Thọ Sơn và hồ Côn Minh. Sườn phía nam của Vạn Thọ Sơn có Bài Văn Điện với mái ngói lưu ly màu vàng sáng rực cả vùng trời, có Phật Hương Các nguy nga trong thế ngự trị toàn khu vườn. Từ Phật Hương Các phóng tầm mắt ra xa, hồ Côn Minh sóng nước lân tân, Tây Đê như dải lụa xanh uốn lượn dập dờn, cầu Thập Thất Khổng (cầu 17 vòm) soi bóng mặt hồ, Hàm Hư đường, Tào Giám Đường, Trĩ Cảnh Các vũng chãi trên đảo trong thế chân kiềng. Bên bờ hồ còn có thuyền đá nổi tiếng, có Trấn Thủy Đồng Ngưu đẹp đến diệu kỳ, có Tri Xuân Đình là nơi ngắm cảnh vào xuân cùng nhiều cảnh quan khác. Tại



triển bắc Vạn Thọ Sơn, quần thể kiến trúc Tứ Đại Bộ Châu mô phỏng chùa Tây Tạng trông rất hùng vĩ trang nghiêm. Hồ nước nơi chân núi chảy thành dòng chảy hiền hoà theo thế núi, tùy địa hình mà khi đóng lúc mở. Hai bên bờ cây cối sum xuê, cột vẽ kèo khắc lúc ẩn lúc hiện, kiến trúc phổ biến bán tại đoạn giữa của Khê Hà nhộn nhịp thú vị. Men theo dòng nước về đông là đến điểm tận cùng, khi chợt nghe tiếng nước róc rách, là lúc bạn đã đến Hải Thụ Viên tinh tế tao nhã.

Thanh Y Viên chia thành 3 khu cảnh: cung đình, tiền sơn tiền hồ và hậu sơn hậu hồ, tổng diện tích là 290ha, trong đó mặt nước chiếm 3/4 diện tích.

Khu Cung đình

Thanh Y Viên và Sương Xuân Viên, Viên Minh Viên đều là vườn cảnh hoàng gia dưới hình thức li cung, nhằm đáp ứng nhu cầu của hoàng đế nên có một khu cung đình riêng, nằm ở vị trí cửa chính của vườn cảnh. Khu cung đình Thanh Y Viên nằm phía đông bắc vườn cảnh, tọa lạc ở góc đông nam của Vạn Thọ Sơn, mặt hướng hồ Côn Minh, Đông Cung Môn là cửa chính. Sở dĩ khu cung đình đặt tại vị trí này là vì phía bắc nơi này giáp Vạn Thọ Sơn, mặt hướng về hồ Côn Minh, gần khu du cảnh thiên nhiên, phù hợp bố cục tiền triều hậu uyển truyền thống.

Đông Cung Môn nằm chính giữa, trước khu cung đình, nối liền với quảng trường, tường cảnh (có tác dụng như bình phong), cổng chào phía trước cửa, thể hiện phong thái hoàng gia. Bước vào Đông Cung Môn là thấy ngay nhóm kiến trúc chính Nhân Thọ Điện, bao gồm Nhân Thọ Môn, đại diện và phối diện nằm hai bên. Nhân Thọ Điện là nơi hoàng đế thiết triều bàn

chính sự, trong điện có ghế vua, trước điện có kỳ lân, lưu hương và chậu nước

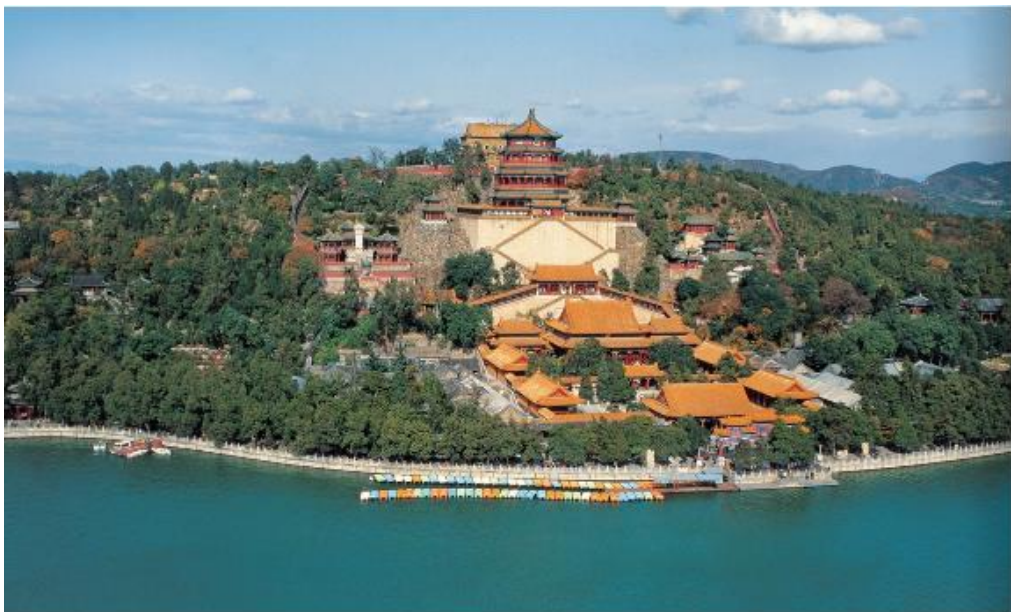


Thanh Yển Phảng trong Di Hòa Viên là chiếc thuyền với hình bánh xe hơi nước được mô phỏng theo phương Tây.

Phảng

Khái niệm phảng trong kiến trúc vườn cảnh xuất phát từ loại thuyền hoa. Phảng làm từ đá không thể di chuyển, chỉ để thưởng thức, tổ chức yến tiệc, ngắm cảnh, làm cảnh. Cấu tạo của phảng như thuyền, chia thành 3 phần là đầu, giữa, đuôi thuyền. Đầu phảng có diều dài, là nơi để ngắm cảnh; phần giữa thuyền thấp xuống, hai bên có ô cửa dài, là nơi nghỉ ngơi, đãi tiệc; giữa thuyền có cầu thang, chia thuyền làm hai tầng, tầng trên không sử dụng được, chỉ có tác dụng tạo dáng.





Quần thể kiến trúc Bài Vân Điện, Phật Hương Các trên Vạn Thọ Sơn

bằng đồng, tôn thêm vẻ uy nghiêm của cung điện; vì đây là cung đình nằm trong vườn cảnh li cung, nên khoảng sân trước điện vẫn phải trồng tùng, bách, hải đường và nhiều loại cây ăn quả, xây cả quốc hoa dài để trồng hoa mẫu đơn, bố trí thêm hồ thạch để thường thức, hình thành một khu đình viện trong vườn cảnh.

Xung quanh Nhân Thọ Điện có Di Văn Điện, Ngọc Lan Đường, Lạc Thọ đường... hợp thành kiến trúc tứ hợp viện, đây là nơi hoàng đế lưu ngụ, trong khu cung đình có một phần thuộc về hậu tẩm.

Khu Tiến Sơn và Tiến Hồ

Khu cảnh quan này bao gồm phía nam triền núi Vạn Thọ và toàn bộ khu vực hồ Côn Minh, là khu cảnh quan quan trọng nhất trong Thanh Y Viên, chiếm 88% diện tích toàn vườn cảnh, có thể chia làm hai phần Tiến Sơn và Hậu Sơn.

Vạn Thọ Sơn từ đông sang tây dài 1000m, núi cao 60m, thế núi phía trước có độ dốc khá cao, mặt chính hướng về nam, trước mặt là hồ Côn Minh, không gian thoáng đãng,



Vườn cảnh Trung Quốc

là nơi tập trung phong cảnh và kiến trúc chủ yếu của khu vườn. Kiến trúc chính trong khu vườn là Đại Bảo An Diên Thọ Tự nằm trong khu vực trung tâm trước núi Vạn Thọ, là quà mừng thọ dành cho hoàng thái hậu. Quần thể kiến trúc này gồm Thiên Vương Điện, Đại Hùng Bảo Điện, Đa Bảo Điện, Phật Hương Các, Chúng Hương Giới Bài Lâu, Trí Tuệ Hải Điện, từ chân núi bên hồ, các kiến trúc trải dọc triền núi theo một trục thẳng đứng hướng bắc nam. Sau khi bị liên quân Anh, Pháp thiêu rụi, Thanh Y Viên được trùng tu, một nửa khu vực phía nam cải tạo thành quần thể kiến trúc Bài Vân Điện phục vụ mục đích thiết triều, trong khi vị trí trung tâm của nó không hề bị thay đổi. Phía đông và phía tây bên trục chính có hai trục phụ. Như vậy, quần thể kiến trúc khổng lồ với một trục chính, hai trục phụ nằm sừng sững ngay khu trung tâm phía trước Vạn Thọ Sơn. Phật Hương Điện trên nền đất bằng và Trí Tuệ Hải Điện trên triền núi nổi bật với nét uy nghiêm, trở thành chủ thể của quần thể kiến trúc này. Bài Vân Điện, Phật Hương Các đều có mái ngói lưu ly vàng, xanh, trên hàng kèo tô điểm những tranh màu, trụ sơn cửa đỏ, màu sắc tươi tắn, hình dáng hoa lệ. Cổng chào và Trí Tuệ Hải điện được trang trí toàn bộ bằng ngói lưu ly màu, chúng lấp lánh rực rỡ dưới ánh mặt trời.

Có hơn chục kiến trúc nằm rải rác hai bên đông, tây của quần thể kiến trúc này. Hồ Sơn trên triền phía đông là một cảnh quan tuyệt đẹp nhìn về Ngọc Tuyền Sơn ở hướng tây, với phong cảnh mô phỏng Tây Sơn;



Vạn Thọ Sơn, Côn Minh Hồ nhìn từ xa.

Các

Trong vườn cảnh, "các" cũng như lầu, nhưng nhỏ hơn. Mặt bằng có hình vuông hoặc hình đa giác, là kiến trúc có nhiều tầng, bốn mặt có cửa sổ, thường làm nơi để sách, ngắm cảnh, cũng làm nơi thờ tượng Phật lớn.



Họa Trung Du trên lưng núi phía tây không những bao quát những lầu các của Hồ Sơn xinh đẹp, mà còn trở thành cảnh quan chính khu phía tây bằng dáng vẻ hoa lệ của mình; tại Lạc Thọ Đường dưới chân núi phía đông, màu xanh cây cỏ bên hồ nước và bức tường hoa màu trắng cùng với bóng của chúng dưới hồ hình thành một cảnh quan đặc thù rất là Giang Nam. Những cảnh quan nằm rải rác này lúc ẩn lúc hiện dưới một mảng màu xanh của rừng, bạch tuyết xanh như tô điểm cho Tiến Sơn thêm điểm lệ đến nao lòng.

Nét đặc sắc nhất ở nơi này chính là hành lang chạy từ đông sang tây dưới chân Vạn Thọ Sơn có chiều dài 728m. Trên hàng kèo đều là tranh màu trang trí, chủ đề được thể hiện là các câu chuyện tiểu thuyết cổ điển như Hồng lâu mộng, Tây du ký, Thủy hử... và hình ảnh của động vật, cây cỏ, cả ngàn bức tranh này hầu như không hề trùng lặp. Khi tản bộ dưới hành lang, phóng tầm nhìn bên ngoài sẽ thấy khung cảnh núi non ao hồ, đó là Ngọc Tuyền Sơn, Tây Sơn mờ ảo trong làn sương khói nước; gần hơn có thể thấy Ngọc Long Miếu, Thập Thất Khổng Kiều như bập bềnh trên nước, ngoài ra còn có thể quan sát mái cửa tường hoa của tử hợp viện cùng với Phật Hương Các, Trí Tuệ Hải Điện trên lưng chừng núi; tại hành lang còn có thể thưởng thức hình ảnh lịch sử được vẽ trên khắp hàng kèo. Hành lang có tác dụng liên kết cảnh quan xa gần thành một bức tranh sơn thủy, lại có thể che nắng che mưa, hơn thế nữa đây còn là một hành lang tuyệt vời với một phòng tranh xinh đẹp.

Nơi rộng nhất hướng đông tây của hồ Côn Minh là 1600m, chiều dài hướng nam bắc gần 2000m, hình thành không gian cảnh quan có chiều sâu từ đông sang tây, từ nam đến bắc, đảm bảo hiệu quả cảnh quan cao nhất cho hai khu quan trọng nhất là khu cung đình và Vạn Thọ Sơn.

Hồ Côn Minh có bố cục nhất hồ tam đảo. Trong đó đáng chú ý nhất là đảo Nam Hồ, trên đảo có Long Vương Miếu còn có tên là Quảng Nhuận Tử, phía đông của đảo có Thập Thất Khổng Kiều nổi lên bờ đông, là chiếc cầu đá lớn nhất trong vườn. Đầu phía đông chiếc cầu có đình Quách Như rất lớn với mái đôi hình bát giác. Phối cảnh một đảo,



một cầu, một đình như một bức tranh trải dài, trở thành cảnh quan chính trên hồ Côn Minh. Gian nhà 2 tầng Hàm Hư Đường nổi bật tại mặt bắc của đảo, như đang vượt trên mặt nước mênh mông, hướng về Phật Hương Các trên Vạn Thọ Sơn, phối thành hai cảnh quan đối xứng. Đứng trên lầu các, có thể quan sát toàn cảnh Vạn Thọ Sơn, nhìn xa về hướng tây là Tây Sơn và hình dáng của Ngọc Phong Tháp trên Ngọc Tuyền Sơn. Trên hai hòn đảo còn lại đều có lầu các và diện đường, chúng vừa là cảnh quan chính của không gian nước phía tây, vừa là nơi ngắm nhìn khung cảnh trời nước từ xa đến gần.

Bờ tây của hồ Côn Minh là sự mô phỏng hoàn toàn Tô Đề Tây Hồ của Hàng Châu, vị trí và hướng di của nó đều giống với Tô Đề, trên bờ có sáu cây cầu, ngoài một cây cầu đá vòm tròn, những cây cầu còn lại đều xây thêm những mái đình khác nhau với tên gọi là cầu đình, chúng như từng hạt trân châu dính trên đoạn bờ đề dài.

Khu Hậu Sơn, Hậu Hồ

Phần mở rộng khi cải tạo Thanh Y Viên chủ yếu là khu hồ trước núi, trong khi kiến trúc phía sau núi gần như chỉ là dãy tường quanh chân núi, hạn chế sự mở rộng về phía bắc của khu vườn. Nhưng trong không gian



Hành lang được chạm trổ điêu khắc.

Tả cảnh (mô phỏng cảnh quan)

Trong tác phẩm Viên Đá, Kế Thành chỉ ra rằng, "đặc sắc của vườn cảnh là tả cảnh". Từ loại lớn như vườn cảnh hoàng gia, đến loại nhỏ là vườn cảnh tư gia, không gian đều có giới hạn, khi xây vườn đều dựa trên cơ sở trục tung và trục hoành, với mục đích làm cho người trong vườn được phóng tầm mắt và liên tưởng, phương cách nhìn nhỏ thấy lớn chính là tả cảnh. Ví dụ như mô phỏng ngọn núi nơi phương xa, dòng nước từ ao hồ vùng phụ cận vườn cảnh, cảnh sắc tự nhiên quanh vườn...





Phố thương mại sau khi tu sửa.



Chùa Lạt Ma Tu Di Linh Cảnh.

hẹp và dài tại khu vực sau núi, người thiết kế đã bỏ nhiều công sức, sáng tạo một khu vực cảnh quan mang nét đặc sắc cho mình.

Đại diện quan trọng nhất cho khu cảnh quan ao hồ sau núi là Khê Hà. Dòng Khê Hà ở sườn bắc Vạn Thọ Sơn được đào theo hướng từ tây sang đông, đất đào được dùng để đắp núi. Khê Hà cùng với Vạn Thọ Sơn hình thành bố cục một sông giữa hai núi. Do sự hạn chế về địa thế, lòng sông Khê Hà đương nhiên không thể quá rộng, trên con sông hẹp có chiều dài từ đông sang tây là 1000m, người thiết kế có ý tạo cho dòng sông chỗ rộng, chỗ hẹp đan xen nhau, chỗ hẹp chỉ hơn 10m, chỗ rộng hơn 70m, có thể hình thành một mặt hồ nhỏ, đồng thời mượn thế núi phía bắc kết hợp với dòng sông, nên khi khúc sông rộng thì thế núi thấp, khúc sông hẹp thì độ cao núi tăng. Thuyền di chuyển trên sông, từ tây sang đông, hai bờ đều là núi, trên núi cây cối sum xuê tươi tốt, mặt nước lúc mở lúc hẹp, dòng sông uốn lượn lững lờ, lúc thì hiền, tựa, đình, dài như đi vào dòng nước, lúc thì cung điện lầu các thoát ẩn thoát hiện giữa lưng chừng núi, từng, bách xanh biếc, loan phong (một loại cây) đỏ rực, cảnh sắc tinh mịch, vô cùng xinh đẹp.

Điểm đặc sắc ở đoạn giữa dòng Khê Hà là quang cảnh con đường mua bán được xây dựng theo mô hình phố mua bán bên sông vùng Tô Châu, Nam Kinh. Đi vào đoạn sông dài 270m này, cửa tiệm hai bờ san sát, cờ phướn nhà buôn phần phật bay trong gió, mỗi khi hoàng đế xuất du, thái giám trong cung được lệnh cải trang người bán và khách hàng, nơi đây bỗng trở nên ồn ào náo nhiệt, không khác cảnh chợ vùng sông nước Giang Nam.



Toàn cảnh Hải Thú Viên với nét tinh tế và bố cục chặt chẽ.

Thế núi Hậu Sơn khá dài, cũng có hơn chục kiến trúc giống như Tiên Sơn. Trong đó quan trọng nhất là Tu Di Linh Cảnh Tự nằm ở vị trí trung tâm Hậu Sơn, đây là kiến trúc chùa Phật lớn nhất trong vườn cảnh hoàng gia kiểu li cung, vừa thỏa mãn nhu cầu lễ Phật của hoàng đế, vừa có tác dụng tăng cường tình đoàn kết giữa dân tộc thiểu số Tạng và Mông. Một nửa khu vực trước miếu tự bao gồm cổng chào, quảng trường, Đại Hùng Bảo Điện, Phối Điện... và nửa khu vực phía sau là quần thể kiến trúc tôn giáo to lớn mô phỏng hình dáng chùa Tang Da (Samye Gompa) nổi tiếng Tây Tạng với Đài Hồng Đài sừng sững, điện thờ mặt trời, mặt trăng rất đặc trưng và tháp Lạt Ma có hình tượng rõ nét, nằm trên trục chính của Hậu Sơn.

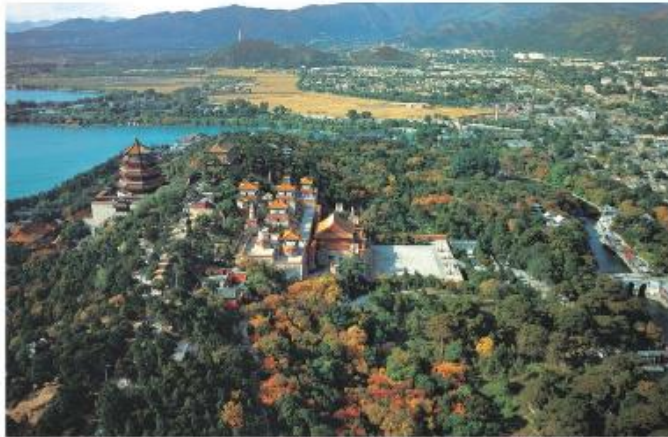
Hai bên quần thể kiến trúc Tu Di Linh Cảnh có hơn mười quần thể kiến trúc lớn nhỏ khác nhau. Giữa những kiến trúc này là một lối đi nằm ở lưng chừng triển núi xuyên suốt đông tây, đường mòn trên núi quanh co uốn khúc, hai bên đầy những cây tùng, cây bách. Có kiến trúc nằm gần lối đi, có kiến trúc nằm sâu trong rừng, nối liền đường lớn bằng những đường mòn.

Nếu so sánh cảnh quan giữa khu Tiên Hồ của Tiên Sơn và Hậu Hồ của Hậu Sơn thì có thể thấy cảnh quan Tiên Hồ rộng lớn, có không gian mở, trong khi Hậu Hồ thì tĩnh lặng, khép mình. Đứng trên mặt sân của Phật Hương Các nhìn thẳng về trước là cảnh quan khu hồ nước nối liền với cảnh



đồng mệnh mộng bát ngát; hai bên trái và phải là khu vườn cảnh với cây cối um tùm, xa xa là Tây Sơn trong làn sương mờ ảo với ngọn tháp Ngọc Tuyền; tất cả nằm trong tầm nhìn rộng mở, không gian thoáng đạt. Trên Tiến Sơn, bất luận là Bài Văn Điện, quần thể kiến trúc Phật Sơn Các, hay là Họa Trung Du và Lạc Thọ Đường, Tịch Giai Lâu nằm hai bên trục chính, tất cả đều được xây trước núi, hoặc bên bờ hồ. Phía trước những kiến trúc này đều có không gian thoáng rộng, thích hợp ngắm cảnh. Trong khi Hậu Sơn Hậu Hồ lại khác hoàn toàn, dòng suối uốn mình giữa hai triền núi, đường trên núi như len lỏi giữa rừng rậm, đa số quần thể kiến trúc đều ẩn mình giữa vùng trũng của ngọn núi um tùm cỏ cây, bất kể là môi trường núi non, sông suối, hay là không gian giới hạn như quần thể kiến trúc, chúng đều tinh mịch, sâu lắng. Nếu xét về yếu tố ngoại quan nội hàm, thì nơi này đối lập hoàn toàn với khu Tiến Sơn Tiến Hồ.

Dưới chân núi phía đông bắc Vạn Thọ Sơn có một vườn cảnh nhỏ, và là vườn cảnh của những vườn cảnh, có tính độc lập khá cao, mô phỏng từ Kỳ Sướng Viên ở Vô Tích. Khi đi thị sát Giang Nam lần đầu, Càn Long không ngớt lời khen ngợi nghệ thuật vườn cảnh Kỳ Sướng Viên, và lệnh cho họa sĩ vẽ lại thành tranh để mang về Bắc Kinh, thế là khi xây dựng Thanh Y Viên, một góc vắng được dành cho Huệ Sơn Viên, sau đó đổi tên thành Hải Thú Viên.



Quần thể kiến trúc hai mặt nam và bắc của Vạn Thọ Sơn.



Hải Thú Viên như Kỳ Sướng Viên, vẫn chọn hồ nước là không gian trung tâm, cạnh hồ là nơi tập trung cảnh quan núi đá nhân tạo, và phía còn lại chủ yếu là các kiến trúc, tất cả cùng tạo nên kiểu không gian vườn cảnh khép kín. Hồ nước giữa vườn và diện tích mặt nước trong Kỳ Sướng Viên tương đương, một góc của hồ là Tri Ngư Kiều vốn mô phỏng Tri Ngư Giám trong Kỳ Sướng Viên được bắc trên mặt nước, tạo thành vịnh nước nhỏ, cách thức và vị trí xây dựng tương tự Thất Tinh Kiều trên mặt hồ của Kỳ Sướng Viên. Tại bờ bắc Hải Thú Viên, nước từ Hậu Khê hà được đưa lên núi nhân tạo, mượn sự chênh lệch độ cao để tạo dòng suối Ngọc Cẩm Hiệp với nhiều tầng bậc, đặt hiệu quả về âm thanh và hình dáng như suối Bát Âm trong Kỳ Sướng Viên. Hàm Viên Đường ngày nay được xây dựng sau đó, Hàm Thư Kinh quanh núi nhân tạo nằm phía đông bắc Hàm Viên Đường, vẫn giữ nguyên dáng vẻ của đường mòn trên núi đá trước đây.

Kiểu dáng kiến trúc của đình, tạ, hành lang trong Hải Thú Viên khác nhau hoàn toàn. Đình gồm đình vuông, đình tròn, đình hai mái, và Trường Đình vắt vẻo trên mặt nước... Hành lang thì có hành lang rồng, hành lang ven tường, hành lang gấp khúc, hành lang bầu, hành lang trên mặt nước. Dù sử dụng kiến trúc cung uyển miền bắc, nhưng loại bỏ được cảm giác nặng nề của kiến trúc hoàng gia, mang lại sự thanh thoát, cùng với cách bố trí thực vật thủy sinh, nơi này hình thành một môi trường đầy đặc tính vườn cảnh Giang Nam. Những kiến trúc này liên kết nhau bằng hành lang, hình thành tuyến đường để dạo bước ngắm cảnh quanh hồ. Bước trong hành lang, nhìn trái hoặc phải, đều có thể thưởng thức những bức tranh phong cảnh khác nhau chen giữa đình, tạ, hành lang, với khuôn tranh là hàng kèo, hàng cột. Tháng tư đầu xuân, chồi non dương liễu ven bờ khẽ chạm mặt hồ, tháng bảy giữa hè, hoa sen rộ nở khắp hồ, cảnh hồ lúc này càng quyến rũ hơn.

Di Hòa Viên là vườn cảnh hoàng gia được xây cuối cùng trong lịch sử Trung Quốc. Nơi đây phong cảnh thiên nhiên và cảnh quan nhân tạo hòa quyện vào nhau, mang cả tính hoành tráng của vườn cảnh hoàng gia và nét tinh tế của vườn cảnh Giang Nam, nó đạt đến đỉnh cao trong qui hoạch chính thể, ý tưởng, sáng tạo và cả sự phong phú về cảnh quan... của vườn cảnh, thể hiện thành tựu đỉnh cao trong kiến trúc vườn cảnh đời Thanh.

Sơn Trang nghỉ dưỡng Thừa Đức

Sơn Trang nghỉ dưỡng, còn gọi Li cung Thừa Đức, có tên ban đầu là Hành Cung Nhiệt Hà, thuộc một nửa khu vực thành phố Thừa Đức về phía



bắc, có diện tích 5.640.000m², là vườn cảnh hoàng gia lớn nhất còn lại của Trung Quốc và là khu phong cảnh văn vật nổi tiếng. Sơn Trang bắt đầu xây dựng vào năm Khang Hy thứ 42 (1704), đến năm Càn Long thứ 55 (1790) thì hoàn thành. Trải qua 87 năm xây dựng, nơi đây có lầu, đài, điện, các, hiên, trai, đình, tạ, miếu, tháp, hành lang, cầu, tổng cộng hơn 120 kiến trúc. Tên của 36 cảnh quan nổi tiếng trong khuôn viên được Khang Hy đích thân viết, đây là vườn cảnh hoàng gia có tính chất của một li cung lớn nhất đời Thanh. Năm Càn Long thứ 16 (1751), kiến trúc Sơn Trang được tăng cường, hình thành Càn Long Tam Thập Lục Cảnh, và 8 ngôi chùa nằm bên ngoài Sơn Trang được liên tiếp xây sau đó, tạo nên quần thể kiến trúc cổ đại khổng lồ với sự kết hợp thành nhất thể của cung đình, miếu mạo, vườn cảnh.

Sơn Trang nghỉ dưỡng được qui hoạch tổng thể theo bố cục truyền thống tiến cung hậu uyển, gồm khu cung đình nằm phía trước, khu vườn cảnh phía sau. Do địa hình và cảnh quan khác nhau nên khu hậu uyển chia thành khu ao hồ, khu đồng bằng và khu đồi núi.

Khu Cung đình

Khu Cung đình nằm phía nam Sơn Trang, bao gồm quần thể kiến trúc ba cung điện nằm song song, chính cung là kiến trúc chủ đạo trong khu



Dàm Bạc Kính Thành Điện trong khu Cung đình.



cung điện, bao gồm khuôn viên cửa tiền, chia thành hai khu là tiền triều, hậu tẩm. Chính diện gồm Tứ Trí Thư Ốc, Yên Ba Trí Sảng, Văn Sơn Thăng Địa... là nơi hoàng đế xử lý việc triều chính, đọc sách và lưu ngụ. Trong đó, nơi nổi tiếng nhất trong diện Yên Ba Trí Sảng là chính diện của khu chính cung và hậu tẩm, đây cũng là tẩm cung của hoàng đế nhà Thanh. Địa hình nơi đây cao thoáng, bốn bề núi đồi bao quanh, mỗi năm đến hè, mặt hồ tĩnh lặng, gió thổi hiu hiu, được Khang Hy đặt tên Yên ba Trí Sảng, đứng đầu Khang Hy Tam Thập Lục Cảnh trong Sơn Trang nghỉ dưỡng.

Xét về quy mô và số lượng quần thể kiến trúc trong khu cung đình, Sơn Trang nghỉ dưỡng là kiến trúc lớn nhất trong số những vườn cảnh hoàng gia, và tất cả kiến trúc đều hài hòa với phong cảnh xung quanh. Về hình dáng, những kiến trúc cung đình này tuy rộng và lớn, nhưng không hề cao, các gian phòng còn được liên kết với nhau bằng những hành lang, giúp các gian nhà duy trì thể bằng phẳng và thoáng rộng. Về mặt kiến trúc, mái nhà không dùng ngói lưu ly mà dùng toàn ngói xám, xà ngang, cửa sổ đều không phối thêm màu, giữ lại màu nguyên thủy của vật liệu, nếu cần thì thêm màu nhá nhạt, ngay cả Dàm Bạc Kính Thành Điện cũng vậy, toàn bộ cột trụ đại diện, cửa sổ đều sử dụng màu sắc tự nhiên từ Nam mộc, cửa sổ được trang trí bằng các tác phẩm gỗ điêu khắc tinh tế, không xa hoa. Cách bài trí trong vườn rất được chú trọng, cây tùng được trồng tản mát trong khuôn viên, tùng già kết hợp những tảng đá xếp chồng tạo thành, cổ kính nhưng vẫn mang hơi thở của vườn cảnh. Tại Tùng Hạc Trai và đại diện sau cùng của đông cung đều dùng đá tự nhiên để lát nền hoặc tôn tạo sườn núi, giúp khu cung đình và vườn cảnh kết nối với nhau một cách tự nhiên.

Thời kỳ Khang Hy, Càn Long, mỗi lần hoàng đế xuất tuần, tổ chức hoạt động tại thao trường đều điều động binh mã, dẫn theo nhiều quan văn, tướng vó, về sau những hoàng đế đến đây nghỉ mát vào mùa hạ đều mang theo phi tần, nên Sơn Trang trên thực tế dần trở thành một trung tâm chính trị khác ngoài kinh thành.

Khu Bạc Hồ

Sơn Trang nghỉ dưỡng có một đặc điểm rất nổi bật là núi thật nước thật được lấy làm cơ sở cho bố



Cảnh quan Thủy Tâm Tạ.



cực trong vườn cảnh. Khu Bạc Hồ nằm ở phía đông nam Sơn Trang có diện tích 43 ha. Nơi đây giống Viên Minh Viên, đều được xây trên khu đất bằng, nước là chủ thể, tổng cộng có tám đảo nhân tạo lớn nhỏ, với tám hồ nước, chúng đan xen, nối liền với nhau bởi những con đê, dòng sông, chiếc cầu, tạo nên khu cảnh nước Bạc Hồ với nước, đảo, đê, cầu. Nơi này chỉ chiếm 1/10 tổng diện tích nhưng lại tập trung hơn một nửa kiến trúc của toàn khu vườn, những kiến trúc đó được xây trên các đảo, trong đó quy mô nhất là Như Ý Châu, Nguyệt Sắc Giang Thanh, Văn Viên Sư Tử Lâm... Trước khi xây dựng chánh cung, Như Ý Châu là nơi hoàng đế làm việc và lưu ngụ; Nguyệt Sắc Giang Thanh là nơi hoàng đế đọc sách, nghỉ ngơi; Văn Viên Sư Tử Lâm nằm phía đông nam Sơn Trang, là khu vườn do các non bộ tạo thành, mô phỏng theo vườn cảnh tư gia Sư Tử Lâm ở Giang Tô, cảnh sắc rất đẹp.

Nhưng kiến trúc quan trọng nhất ở khu Bạc Hồ cần phải kể đến Kim Sơn Đình và Yên Vũ Lâu. Kim Sơn Đình nằm ở trên một đảo nhỏ phía bờ đông Đặng Hồ khu hồ nước, vì địa hình và hình thái quần thể kiến trúc ở đây rất giống Giang Thiên Tự trên Kim Sơn thuộc Trấn Giang tỉnh Giang Tô, nên có tên là Kim Sơn Đình. Kim Sơn Đình như được xây từ ngọn núi Đặng Hồ, trông rất hùng vĩ, từ trên kiến trúc này có thể nhìn ngắm cảnh sắc khu Bạc Hồ, vùng đồng bằng và khu cảnh Sơn Nhạc ở phía tây, phía bắc, phong cảnh nơi đây nên thơ hữu tình. Yên Vũ Lâu nằm trên đảo nhỏ nhất ở phía

Cận cảnh Yên Vũ Lâu.



bắc của đảo lớn nhất là Như Ý Châu trong khu Bạc Hồ, vì phong cảnh, địa hình nơi đây giống danh lam thắng cảnh ở hồ Gia Hưng Nam, Chiết Giang nên được đặt tên như vậy. Bốn bể xung quanh Yên Vũ Lâu là nước, không gian thoáng đãng, trên đảo có một tổ hợp kiến trúc vườn cảnh, trong khuôn viên có trồng những cây tùng cao chót vót, dọc bờ hồ là những cảnh liễu; liễu, các, đình, đài nơi cao chỗ thấp, đều đang soi mình bên hồ, xa xa phớt thêm cảnh núi, bất kể từ góc độ nào, cảnh sắc đều đẹp tựa tranh vẽ. Yên Vũ Lâu và Kim Sơn Đình hướng về nhau qua mặt hồ, một đông một bắc hình thành đối cảnh.

Tại khu Bạc Hồ, nước, đảo quyện lẫn vào nhau, đê, cầu liên thông, mang đậm phong thái cảnh sắc vùng Giang Nam, so với cảnh núi non, sông nước của Viên Minh Viên, Di Hoà Viên, nơi đây không rộng lớn bằng, nhưng vì có sự nổi trội của khu Sơn Nhạc, khu cảnh Bình Nguyên, khiến cho góc nhìn trở nên phong phú. Tuy không có cảnh quan thể hiện khí phách của bậc đế vương như Vạn Thọ Sơn, Phật Hương Các, nhưng cảnh quan nơi này trở nên thân thiện gần gũi với các đảo, đê liên kết nhau, với những cánh sen vô số trong hồ, và những cảnh liễu ngan ngát hương thơm dọc bờ hồ.



Từ khu Bình Nguyên nhìn khu Sơn Nhạc qua con sông tự nhiên.

Khu Bình Nguyên

Khu Bình Nguyên của Sơn Trang là một mảnh đất dài và hẹp, nằm phía Bắc khu Bạc Hồ, có diện tích tương đương Bạc Hồ. Một nửa phía đông của khu Bình Nguyên là Vạn Thụ Viên, nơi trồng rất nhiều cây, nuôi nhiều nai, hươu. Một nửa phía tây là Thỉ Mã Đại, là một đồng cỏ mênh mông, thể hiện sự bao la của vùng thảo nguyên nơi biên ải.

Khu Bình Nguyên là nơi các bậc đế vương tổ chức hoạt động yến tiệc ngoài trời, là nơi chủ yếu tiến hành các hoạt động chính trị, cũng là nơi có nhiều đặc điểm khác biệt trong Sơn Trang. Năm 1771, vua Càn Long đến Sơn Trang để gặp thủ lĩnh Ác Ba Tích của tộc người Thổ Nhĩ Hổ Đặc ở Đông Qui, và đích thân viết bia văn “Thổ Nhĩ Hổ Đặc Quy Thuận Kỳ Toàn Tập” và “Ưu Tuất Thổ Nhĩ Hổ Đặc Chứng Ký”, đến nay hai bia văn này vẫn đứng sừng sững trong miếu Phổ Đà Tông Thành ngoại thành Thừa Đức.

Phía đông bắc khu Bình Nguyên có một ngôi chùa là Phật là Vinh Hựu tự, dựng một góc Vạn Thụ Lâm trong không gian hoàn cảnh yên tĩnh, vắng vẻ. Trong tự có tháp Xá Lợi cao chín tầng, màu vàng cam giữa nền trời xanh thẳm làm ngọn tháp nổi bật. Phía cực nam khu Bình Nguyên dọc theo hồ có bốn ngôi đình nằm từ tây sang đông, đó là Thủy Lưu Vân Tại, Hào Bộc Gian Tường, Uyên Chuyển Kiều Mộc và Bồ Diển Tùng Việt. Bốn ngôi đình này có hình thái khác nhau, để phối hợp với hoàn cảnh xung quanh nên diện tích của chúng cũng lớn hơn so với các đình khác, đây là nơi lý tưởng nhất để nhìn ngắm phong cảnh khu Bạc Hồ, và là vùng đệm giữa hai khu phong cảnh nam và bắc, giúp hai khu cảnh quan khác nhau này tiếp nối nhau, không tạo cảm giác hụt hẫng.

Khu Sơn Nhạc

Khu Sơn Nhạc chiếm hết toàn bộ phía tây bắc của Sơn Trang, tương đương 4/5 diện tích của Sơn Trang. Đặc điểm địa hình núi nơi đây là liên tục và trải đều, không đỉnh cao chót vót cũng chẳng có vực sâu thăm thẳm, đất đai trên núi phì nhiêu, cây cỏ um tùm. Để khu Sơn Nhạc vừa có thể ngắm cảnh, vừa có thể dạo chơi và lưu ngụ, lối đi được thiết kế ngang dọc, cùng hơn hai mươi miếu tự, vườn cảnh và quần thể kiến trúc.

Ở giữa bốn thung lũng chính là bốn đường núi chính, từ đây chia ra vô số con đường lớn nhỏ dẫn đến các núi hoặc quần thể kiến trúc khác.



Khu Sơn Nhạc trong Sơn Trang nghỉ dưỡng.

Dọc bốn đường chính này còn trồng vô số các loại cây có đặc trưng riêng, ví dụ hai bên con đường ở thung lũng rừng nguyên sinh đều trồng những cây tùng già, cao, lá tùng như mây che cả mặt trời, nên có tên là Tùng Vân Hiệp.

20 ngôi miếu tự và kiến trúc vườn cảnh được phân bố khắp nơi, ngoài bốn ngôi chùa xây trên đỉnh núi, còn lại đều ẩn hiện trong các sơn cốc. Lầu các, hiên sảnh, đình đài, hành lang được xây theo từng địa hình, bố cục linh hoạt, số kiến trúc tuy không nhiều, phong cách đơn giản, không xa hoa, phù hợp với cảnh quan xung quanh của Sơn Nhạc, giữ được tính thiên nhiên.

Trên bốn đỉnh núi đều có đình, đó là Tứ Diện Vân Sơn, Thủy Phong Lạc Chiếu, Nam Sơn Tích Tuyết và Bắc Thắm Song Phong. Tứ Diện Vân Sơn nằm trên đỉnh núi tây bắc khu Sơn Nhạc, nơi này có mực nước biển cao, trong đình có thể nhìn thấy núi non ở xa ngàn dặm đang đắm mình trong khói mây. Thủy Phong Lạc Chiếu nằm ở đỉnh núi phía tây nam khu Sơn Nhạc, mỗi lần mặt trời lặn, từ đình Thủy Phong Lạc Chiếu ta có thể thấy cả bầu trời một màu đỏ, tảng đá Khánh Thủy Phong ở hướng đông nam hiện lên màu vàng hùng vĩ, đẹp tựa như tranh. Nam Sơn Tích Tuyết và Bắc Thắm Song Phong nằm ngay phía bắc khu Bạc Hồ, khu Bình Nguyên, tạo nên cảnh đối cảnh về phía bắc khu vườn. Sau mùa đông tuyết rơi, từ Nam Sơn Tích Tuyết Đình, chỉ thấy lầu, các, hiên, tựa được phủ một lớp trắng ngần, bóng in xuống hồ đẹp như tiên cảnh.

Trong Sơn Trang nghỉ dưỡng cùng lúc có bốn khu cảnh, khu cung đình với khuôn viên và quần thể kiến trúc, khu hồ nước với yếu tố sông nước Giang Nam rõ rệt, khu Bình Nguyên với vẻ đẹp vùng thảo nguyên, và cả khu Sơn Nhạc với khí thế hào hùng, những cảnh quan này tuy khác

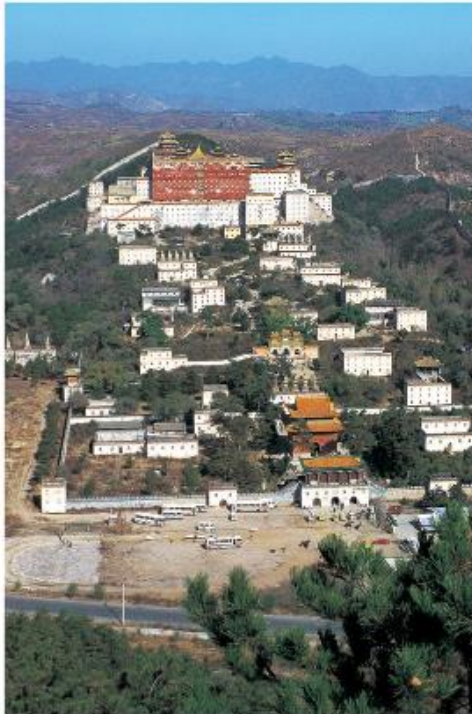


nhau, có đặc thù riêng, nhưng vẫn hỗ trợ nhau. Việc hội tụ đặc trưng nam bắc này khó mà tìm thấy tại những vườn cảnh khác.

Khu vườn cảnh Sơn Trang nghỉ dưỡng này không đơn thuần chỉ là khu Sơn Trang, mà còn bao hàm không gian xung quanh, trong đó nổi tiếng nhất là Ngoại Bát Miếu.

Ngoại Bát Miếu

Ngoại Bát Miếu được xây trên triền núi chập chùng thuộc khu đồi núi phía đông và phía bắc của Sơn Trang. Trên thực tế, nơi đây không chỉ có tám mà có tới mười hai ngôi chùa, nhưng vì trong tám ngôi chùa có những vị lạt ma do triều đình phái đến, lương bổng do Lý Liên Viện chi trả, và tọa lạc tại vùng biên ải, nên tên được gọi chung như thế. "Ngoại Bát Miếu" là ngôi chùa Phật giáo Tây Tạng, thời gian xây dựng là 67 năm, có thể nói đây là thành quả của "Khang Hy thịnh thế", kiến trúc tinh xảo, phong cách khác lạ, là sự kết hợp của các nền văn hóa Hán, Mông, Tạng. Tại đây có thể cảm nhận được hào khí của Potala Palace (Tây Tạng), thấy được sự hùng vĩ kỳ bí của Tashilhunpo Monastery (Shigatse), nhận ra đặc trưng của Ngũ Đài Sơn (Sơn Tây), thưởng thức vẻ đẹp chùa Cổ Nhĩ Trát (Tân Cương), và có thể chiêm ngưỡng được tượng Phật bằng gỗ lớn nhất thế giới - Thiên Thủ Thiên Nhân Quan Thế Âm Bồ Tát. Nhìn từ bên ngoài, cho dù là cung điện hoàng gia trang nghiêm trăm mặc, hay đình, hiên, tạ, các với mục đích phục vụ nhu cầu vui chơi, thì các kiến trúc bên trong Sơn Trang đều sử



Từ Sơn Trang nghỉ dưỡng nhìn miếu Phổ Đà Tòng Thụ.



dụng gạch xanh ngói xám, thể hiện phong cách giản dị, tự nhiên; trong khi kiến trúc bên ngoài là "Ngoại Bát Miếu" sử dụng ngói lưu ly sặc sỡ, có kiến trúc còn dùng cả ngói mạ vàng. Nhìn từ xa, Ngoại Bát Miếu uy nghi tráng lệ, lộng lẫy, sang trọng, là sự đối lập rõ rệt với tính giản dị tao nhã của Sơn Trang. Triều Thanh xây dựng những ngôi miếu này, ngoài việc bày tỏ lòng kính trọng đối với tín ngưỡng Phật giáo của những người dân tộc thiểu số - người Mông và người Tạng, điều quan trọng hơn chính là đẩy mạnh mối quan hệ giữa họ với chính quyền trung ương, phòng ngừa xung đột vùng biên giới, có thể nói, mục đích chính trị đã vượt qua ý nghĩa tôn giáo. Vì thế có người cho rằng, bố cục của Sơn Trang nghỉ dưỡng Thừa Đức và những kiến trúc đền miếu xung quanh là hình ảnh thu nhỏ của một quốc gia phong kiến đa dân tộc.

Sự khác biệt giữa vườn cảnh Hoàng gia và Tư gia

Vườn cảnh hoàng gia và tư gia là hai loại vườn cảnh cổ điển lớn của Trung Quốc, giữa hai loại vườn cảnh này vừa có những điểm giống nhau, và những điểm khác nhau.

Phong cảnh trong vườn cảnh hoàng gia và tư gia đều do con người tạo nên, chức năng của chúng là nơi vui chơi, giải trí, nhưng vì có sự khác biệt trong cuộc sống của từng chủ nhân và yêu cầu về vườn cảnh nên chức năng của chúng cũng khác nhau. Vườn cảnh tư gia mang dáng dấp nhà ở



Chiếc cầu vòm xinh xắn bắc ngang dòng suối trong Bắc Hải Tam Tĩnh Trại.





Đình dài bên hồ nước thanh thoát, cổ kính trong Kỳ Sướng Viên Vô Tích.

nhiều hơn, cho nên trong vườn cảnh nhất định sẽ có nơi lưu ngụ của chủ nhân, nơi tiếp khách, đọc sách, vui chơi... trong khi tại vườn cảnh hoàng gia, ngoài những nơi đã kể như trên, thông thường còn có miếu tự để hoàng đế cúng bái tổ tiên, lạy Phật; trong vườn cảnh mang tính chất của hành cung, do hoàng đế lưu ngụ trong thời gian dài, nên nơi đây có thêm khu vực cho công việc triều chính của hoàng đế. Ngoài ra, mặc dù đều là nơi vui chơi, nhưng vườn cảnh hoàng gia có thêm nơi xem hát, phố mua bán, đình dài để xem pháo hoa, đất đai để canh tác, trồng dâu nuôi tằm, đây là những nơi hiếm gặp trong vườn cảnh tư gia.

Về bố cục quy hoạch và cách tạo cảnh của vườn cảnh, cả hai đều lựa chọn phương thức mô phỏng tượng trưng, trong phạm vi có hạn hình thành vườn cảnh có hình hài của phong cảnh tự nhiên. Nhưng vì mỗi vườn



Thập Thất Khổng Kiều khoảng dạt mềm mại trong Di Hòa Viên

cảnh có diện tích lớn nhỏ khác nhau và theo đuổi ý cảnh khác nhau, nên cảnh quan cũng sẽ khác nhau.

Vườn cảnh tư gia loại lớn thì vài héc-ta, nhỏ thì vài chục mẫu (1 mẫu Trung Quốc tương đương 666,7m²), thậm chí có loại chỉ rộng vài mẫu, thủ pháp thường dùng là trong cái nhỏ thấy cái lớn, đường đi thì khúc khuỷu, khung cảnh phải tĩnh lặng, tận dụng hòn non bộ, hành lang, vách tường để ngăn chia không gian, lớn như một ngôi đình, một gian nhà, nhỏ như tảng đá, cây trúc đều có thể tạo thành một cảnh quan, qua đó có thể trải nghiệm sự hùng vĩ bằng góc nhìn hẹp. Nhưng vườn cảnh hoàng gia thì không như vậy, trừ ngự viên trong cung cấm, diện tích ở đây ít nhất cũng từ vài chục héc-ta trở lên, Tây Uyển khoảng 110 héc-ta, Thanh Y Viên 290 héc-ta, Viên Minh Viên 350 héc-ta, Sơn Trang nghỉ dưỡng 564 héc-ta, trong một phạm vi lớn như vậy thì cần nhiều công sức, đôi khi tận dụng ngon



núi, dòng sông sần cõ, đôi khi phải đào hố đắp đê để sáng tạo những khu cảnh quan có đặc trưng riêng biệt. Về điểm này, cái hồn của tự nhiên, trang nhã, giản dị mà vườn cảnh hoàng gia và đa số vườn cảnh tư gia thể hiện có sự khác nhau, cảnh quan rộng rãi, thoáng mát, kiến trúc hùng vĩ, thể hiện sự to lớn, bao dung của vườn cảnh hoàng gia.

Về vườn cảnh hoàng gia như vừa giới thiệu, có thể phát hiện một hiện tượng là không ít cảnh mô phỏng danh thắng Giang Nam hoặc những vườn cảnh tư gia nổi tiếng. Là một thể loại của kiến trúc hoàng gia, vườn cảnh đã tiếp thu và sử dụng kỹ thuật xây dựng khắp các nơi không hẳn là chuyện lạ, vì kiến trúc hoàng gia phải tập hợp những nhân tài và kỹ thuật giỏi nhất nước để phục vụ cho việc xây vườn cảnh. Để xây Tử Cấm Thành, hoàng đế Vĩnh Lạc đời Minh từng triệu tập mười vạn người thợ, trong đó có rất nhiều thợ khéo tay được tuyển từ phía nam; triều đình nhà Thanh thiết lập bộ phận chuyên quản lý quá trình xây dựng Tử Cấm Thành, phụ trách xây sửa cung điện, chế tác đồ gia dụng và vật phẩm ngự dụng, trong đó có không ít thợ mộc tay nghề tinh xảo đến từ khắp nơi. Vườn cảnh thiên nhiên cũng vậy. Lúc Khang Hy ở ngoại ô tây bắc Bắc Kinh xây dựng vườn cảnh hoàng gia đầu tiên của triều Thanh là Suối Xuân Viên, họa sĩ tranh sơn thủy Giang Nam là Diệp Đào tham gia công tác quy hoạch, nhà xây núi có tiếng vùng Giang Nam là Trương Nhiên thì phụ trách công trình đắp núi



"Ngũ Lão Thánh Cảnh" trong Nam Tường Cố Y Viên, năm khối đá hồ thạch được ví như năm cụ già, bàn đá cũng là bệ đàn.



trong vườn. Nhờ những người thợ này mà kiến trúc và kỹ thuật xây vườn vùng Giang Nam được mang đến phương bắc, đồng thời dung hòa với kỹ thuật của phương bắc. Nhưng để vườn cảnh hoàng gia mô phỏng một cách hoàn toàn cảnh quan của một vườn cảnh nào đó ở Giang Nam thì không phải người thợ nào cũng làm được, mà phải hiểu được nhu cầu của người chủ và nhà thiết kế. Về mặt này, không thể không nhận ra tác dụng mà tinh yếu nghệ thuật vườn cảnh của hai vị hoàng đế nhà Thanh là Khang Hy và Càn Long mang lại. Đặc biệt là Càn Long, đúng vào lúc vị hoàng đế này chỉ đạo công trình tăng cường mở rộng Viên Minh Viên, Sơn Trang nghỉ dưỡng, cũng là lúc xuất hiện hàng loạt cảnh quan mô phỏng danh thắng Tô Châu, Hàng Châu; cũng ngay lúc ông ta chỉ đạo quá trình xây dựng Thanh Y Viên, là thời điểm Hải Thụ Viên cảnh mô phỏng Kỳ Suối Viên ở Vô Tích xuất hiện. Kiến trúc vườn cảnh hoàng gia cũng giống kiến trúc cung điện hoàng gia, đó là vì chúng có điều kiện tiếp thu kỹ thuật điêu luyện từ các địa phương trong nước, tập hợp những người thợ khéo tay trong nhiều đợt trình độ cao đến như vậy, giúp kỹ thuật và nghệ thuật đạt đến đỉnh cao của thời đại.



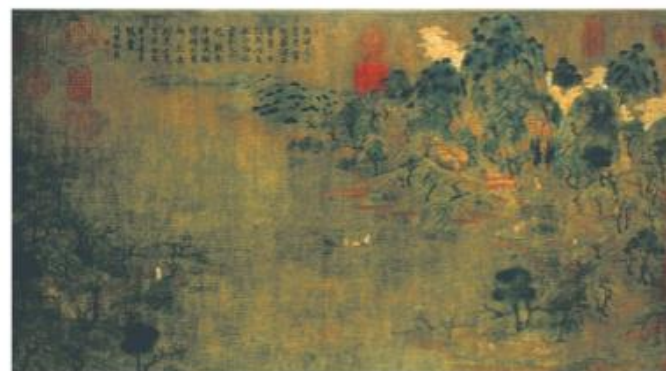
TUYỆT TÁC DANH GIA



Vườn cảnh Trung Quốc

Vườn cảnh cổ điển Trung Quốc xuất hiện vào thời Tần Hán, hình thành nền tảng vững chãi vào thời Ngụy Tấn Nam Bắc Triều, phát triển vào đời Đường, trưởng thành vào đời Tống, đến đời Minh, Thanh thì đạt đến đỉnh cao. Trong quá trình phát triển dài dằng dặc của vườn cảnh Trung Quốc, vô số thợ tài giỏi xây dựng nên vườn cảnh tuyệt đẹp bằng sức lao động cần cù và vất vả của mình, nổi bật trong số đó là Trương Nam Viên. Ông còn có tên là Trương Liên, sinh vào năm Vạn Lịch thứ 15 đời Minh (năm 1587), người Hoa Đình tỉnh Giang Tô, từ nhỏ đã học vẽ, sau đó ông thổi hồn tranh sơn thủy vào thực tiễn xây dựng vườn cảnh của mình, từng hòn đá, từng cành cây qua sự bố trí của ông đều mang đầy tính mới lạ. Sở trường đặc biệt của ông là xếp đá, ông không mô phỏng hình dáng ngọn núi một cách máy móc, mà chú trọng phần hồn của ngọn núi, có thể tạo nên những tuyệt phẩm về non bộ với vài mẫu đất vườn, và có thể khơi dậy ước muốn quy ẩn sơn lâm của con người. Con trai của ông là Trương Nhiên kế thừa sự nghiệp của cha, từng được vua Khang Hy triệu tập đến Bắc Kinh để tham gia công trình xếp đá trong Tây Uyển, Ngọc Tuyền Sơn và Sương Xuân Viên tại kinh thành. Từ đó về sau, con cháu họ Trương định cư ở Bắc Kinh, công việc chủ yếu của họ là xếp đá, kỹ thuật được kế thừa và lưu truyền qua nhiều đời, trở thành Sơn Tử Trương thế gia xếp đá nổi tiếng gần xa của miền bắc.

Việc văn nhân tham gia quá trình xây dựng vườn cảnh đã làm phong phú thêm vẻ đẹp bên ngoài và nội hàm văn hóa của chúng, đồng thời cống hiến hàng loạt tác phẩm mang tính lý luận về xây dựng vườn cảnh



"Du Xuân Đốc" được sáng tác vào thế kỷ thứ 6, là tác phẩm tranh thủy mặc thuộc thời kỳ đầu của Trung Quốc, thể hiện được hồn của núi rừng tự nhiên.



Bìa sách "Viên Dã"

Trần Tùng Chu

Trần Tùng Chu (1918-2000) người Hàng Châu tỉnh Chiết Giang, là chuyên gia nghệ thuật vườn cảnh, kiến trúc cổ nổi tiếng đương đại Trung Quốc, ông từ nhỏ đã học sử văn, quốc họa và thơ văn với trình độ sáng tác sâu sắc... sau đó chuyển sang dạy học và nghiên cứu theo đuổi kiến trúc cổ, nghệ thuật vườn cảnh, có kiến giải độc đáo đối với việc xây dựng vườn cảnh, từng là giáo sư ở trường Đại học Đông Tế, giảng viên dạy nghiên cứu sinh tiến sĩ, ông cho rằng "xây dựng vườn cảnh có quy luật nhưng không có định thức, biến hóa vô lường, nảy sinh ý mới, vườn vì cảnh mà đẹp, cảnh vì vườn mà khác". Năm 1978 ông từng đến New York - Hoa Kỳ thiết kế vườn cảnh "Mình Hiền" cho Viện bảo tàng mỹ thuật Metropolitan, năm 1987, thiết kế và chủ trì thi công công trình khôi phục vườn cảnh phía đông Dự Viên Thượng Hải. Với các tác phẩm viết về vườn cảnh "Vườn cảnh Tô Châu", "Vườn cảnh Dương Châu", "Thảo luận vườn cảnh", "Thuyết viên" v.v. được xem là các tác phẩm nổi tiếng kinh điển của nghiên cứu nghệ thuật vườn cảnh đương đại Trung Quốc.

trên cơ sở này, tiến hành tổng kết và trình bày một cách sâu sắc về nghệ thuật vườn cảnh Trung Quốc. Trong số các tác phẩm tiêu biểu, có Nhất Gia Ngôn của Lý Ngự, Trường Vật Chí của Văn Chấn Hanh và Viên Dã của Kế Thành. Lý Ngự sinh năm Vạn Lịch thứ 39 đời Minh (năm 1611), người Tiến Đường tỉnh Chiết Giang, ông đã từng du ngoạn các vườn cảnh nổi tiếng ở khắp nơi, tham gia qui hoạch và thiết kế vườn cảnh, trong Nhất Gia Ngôn có một quyển viết về lý thuyết kiến trúc và xây dựng vườn cảnh. Văn Chấn Hanh sinh năm Vạn Lịch thứ 13 đời Minh (1585), người Trường Châu (nay thuộc huyện Ngô) tỉnh Giang Tô, là hậu duệ danh họa đời Minh - Văn Trung Minh, tác phẩm "Trường Vật Chí" của ông có bốn quyển, nội dung đề cập vấn đề xây dựng vườn cảnh.

Kế Thành sinh năm Vạn Lịch thứ 10 đời Minh (1582), người Ngô Giang tỉnh Giang Tô. Ông đam mê nghệ thuật từ nhỏ, sở trường là thư họa, nghệ thuật xây dựng vườn cảnh có thể đạt được trình độ cao như vậy chính bởi ông bắt đầu từ đây. Ông đi qua các ngọn núi nổi tiếng ở khắp nơi, là một nhà thiết kế vườn cảnh rất thực tế. Năm Sùng Trinh thứ 7 đời Minh (1634), năm đó ông 52 tuổi, cho ra đời tác phẩm chuyên ngành xây dựng vườn cảnh là "Viên Dã". Quyển sách này trình bày lý luận kết hợp thực tiễn vườn cảnh Trung Quốc một cách toàn diện từ qui hoạch, thiết kế, kiến trúc phòng ốc cho đến cửa sổ, tường vách, mặt đất và việc chọn đá, xếp đá cùng nhiều phương diện khác, đây là tác phẩm vườn cảnh quan trọng nhất của Trung Quốc thời xưa. Tập sách gồm ba quyển, nội dung thể hiện ở ba mặt:

Nội dung liên quan đến kỹ thuật xây dựng vườn cảnh và kiến trúc vườn cảnh chiếm phần lớn trong toàn tập sách. Ví dụ: về phần "trang trí", 62 kiểu ô cửa bằng gỗ được liệt kê bằng văn tự và bản vẽ, trong phần "lan can", có hơn 100 kiểu được giới thiệu, phần "vách tường" thì đề cập

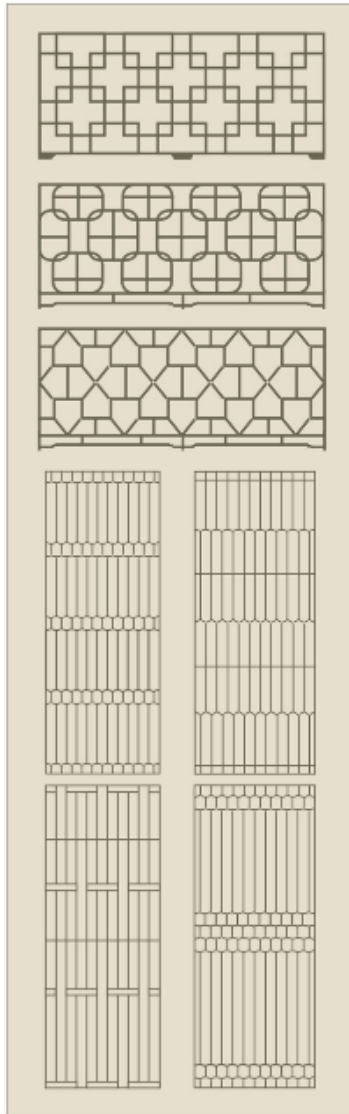


Tranh Tán Viên, Nam Kinh do nhà họa sĩ đời nhà Thanh thực hiện

những đặc điểm hình dáng vách tường, các vật liệu và phương pháp xây dựng, sử dụng các loại tường thế nào cho thích hợp, đồng thời đính kèm phụ lục bản vẽ kiểu dáng. Những tư liệu minh họa này vừa hình tượng vừa cụ thể, bao gồm lượng lớn tài liệu thực tế mà tác giả thu thập trong thời gian dài, tác phẩm hình thành sau khi trải qua giai đoạn tóm tắt, chỉnh lý một cách có hệ thống, đây là điều hiếm thấy trong các tác phẩm vườn cảnh cổ đại khác.

Tổng kết kinh nghiệm xây dựng vườn cảnh là một phần quan trọng của sách, hầu hết phần mở đầu các quyển và những bộ phận khác đều nói rõ. Trong "Tương Địa" mở đầu tác phẩm "Viên Dã", Kế Thành phân tích đặc điểm khác nhau về môi trường xây dựng vườn cảnh như núi rừng, thành





Bản vẽ các kiểu lan can và ô cửa được ghi chép trong tác phẩm "Viên Đá"

thị, thôn trang, ngoại ô, khu phố... nêu lên nguyên tắc xây dựng vườn cảnh tương ứng. Về phần "bức tường", tác giả đã tổng kết vật liệu kiến trúc của tường trong và tường ngoài của vườn cảnh, đó là phải trang nhã hợp thời, có thể xử lý linh hoạt theo sự thay đổi của vị trí bức tường. Ngoài ra, còn có khá nhiều trang viết về "đắp núi" và "chọn đá", tổng kết 17 hình dáng đẹp nhất của xếp đá, liệt kê 16 loại đá từ loại đá quý nhất như đá Thái Hồ, đá Hoa Cương đến các loại thường gặp nhất, đồng thời giải thích rõ ràng đặc trưng hình dáng và phương thức sử dụng hiệu quả nhất.

Về phần trình bày lý luận xây dựng vườn cảnh, đây cũng là phần tinh hoa của quyển sách này. Đối với nguyên tắc và cách tạo cảnh, bố cục quy hoạch xây dựng vườn cảnh, Kế Thành đã có sự đúc kết mang tính lý luận sâu sắc, ông đưa ra nguyên tắc quan trọng "có quy luật nhưng không có định thức", cho rằng kiến trúc vườn cảnh phải dựa vào đặc điểm của bản thân nó, đó là quanh co nhưng phải rõ ràng, ngay ngắn chỉnh tề nhưng không bị bó buộc bởi qui định. Ông còn trình bày, xây dựng vườn cảnh phải tuân theo quy luật tự nhiên, bất luận là ở thành thị, nông thôn thì mỗi công đoạn đều phải tuân thủ yếu tố "tuy do người tạo, nào khác tự nhiên", cũng có nghĩa là vườn cảnh do con người tạo ra nhưng không khác gì so với tự nhiên, đây chính là cảnh giới cao nhất trong xây dựng vườn cảnh Trung Quốc.

Nghệ nhân đã tiến hành tổng kết và trình bày phần lý luận một cách có hệ thống kinh nghiệm thực tiễn hàng ngàn năm của nghệ thuật xây dựng vườn cảnh, làm rõ quan hệ giữa các yếu tố diện tích, phong cách, kiểu dáng, màu sắc, chất liệu,

cảnh vật... giúp cho mỗi cách tạo hình cảnh vật, mỗi kiểu xử lý mối quan hệ không gian, mỗi bố cục cảnh quan... và hầu như tất cả các mặt đều có quy tắc riêng. Những lý luận xây dựng vườn cảnh này được xem là qui tắc và phương cách hiệu quả nhất, hợp lý nhất đối với vườn cảnh cổ điển Trung Quốc. Người xây vườn cảnh xem việc nắm vững quy luật nghệ thuật vườn cảnh là cảnh giới cao nhất, mỗi cảnh quan đều có thể mô phỏng được những đường cong đẹp nhất và kiểu dáng hoàn thiện nhất, việc tổ chức yếu tố cảnh quan cũng dựa trên cơ sở mối quan hệ tinh tế nhất, nhằm giúp toàn bộ vườn cảnh thể hiện được nhịp điệu hài hòa nhất. Ví dụ, để mở rộng diện tích không gian và nhấn mạnh độ tương phản không gian, việc dùng non bộ, cỏ cây làm bình phong tại cổng vào khuôn viên hầu như là mặc định, và tăng cường sự chuyển đổi không gian, sự biến hóa của cảnh quan bằng lối đi quanh co là một phương thức thường thấy. Hình như bất kỳ công trình xây dựng vườn cảnh nào, cho dù là chi tiết nhỏ nhất đều cần phải dựa theo một mô thức thực hiện, nếu không thì tác phẩm đó sẽ không thể hợp lý và xinh đẹp.

Việc tổng kết và trình bày lý luận xây dựng vườn cảnh rõ ràng đã chứng tỏ nghệ thuật vườn cảnh Trung Quốc đạt đến đỉnh cao của thành tựu, nhưng khi quy luật nghệ thuật mang tính sáng tạo dần dần trở thành mô thức mà thế hệ sau không thể không tuân theo, một qui chuẩn của tự nhiên đã trở thành qui chuẩn của con người, những yếu tố dung tục và không hài hòa dĩ ngược lại tính chân phương của vườn cảnh xuất hiện ồ ạt, sẽ không thể tránh khỏi sự xuất hiện tác phẩm kém cỏi, cứng nhắc, cầu kỳ quá đáng.



NÉT ĐẸP NỘI HÀM



Vườn cảnh Trung Quốc

Yếu tố tạo nên nội hàm

Nội hàm là hàm ý và cảnh giới được thể hiện thông qua hình tượng trong sáng tác nghệ thuật cổ đại Trung Quốc, đặc biệt là trong sáng tác thơ ca, hội họa, có hay không có nội hàm và mức độ nội hàm cao hay thấp đã trở thành tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá tác phẩm. Lấy ví dụ về hội họa cổ đại, các nhà nghệ thuật không chỉ mô tả "vật cảnh" hữu hình của thế giới khách quan, mà còn phải thông qua hình tượng nhằm thể hiện tư tưởng và tình cảm, và người xưa gọi nó là "tình cảnh", đây cũng chính là nội hàm.

Trong vườn cảnh cổ điển, đặc biệt là trong vườn cảnh văn nhân, nước biếc hồ cạn, hoa sen trúc xanh, trăng thanh gió mát đều là phần quan trọng hình thành cảnh quan khu vườn. Điều này khiến con người nhận thấy vườn cảnh với phong cách tao nhã, giản dị, thoáng đãng, tươi mới đã trở thành những tuyệt tác trong vườn cảnh. Khi xây vườn, vị chủ nhân thường gửi gắm một tình cảm nào đó của mình vào cảnh vật trong vườn, điều này khiến cho du khách khi tham quan tức cảnh sinh tình, nảy sinh sự đồng cảm. Vì thế, muốn lĩnh hội hoàn toàn cái đẹp của vườn cảnh, nhất định phải quan sát từ cả tính chỉnh thể của nội hàm, hiểu được triết lý và thái độ nhân sinh chất chứa bên trong.

Tượng trưng và so sánh

Trong tác phẩm "Luận ngữ", Khổng Tử nói: "Tri giả lạc thủy, nhân giả lạc sơn" (Kẻ trí vui chơi nơi sông nước, người nhân vui thú chỗ núi non). Câu nói này lưu truyền rộng rãi đến các thế hệ sau, với ý nghĩa là trí tuệ như nước bao hàm tất cả, mệnh mong không bờ bến, nhân đức như ngọn núi lớn vững chãi, nơi vạn vật sinh sôi nảy nở, đây là thủ pháp so sánh và tượng trưng dùng để biến hai vật thể với hình thái khác nhau trở thành trí tuệ và hiện thân của mỹ và đức, hai tố chất trong cuộc đời này tượng trưng cho hai chí hướng nhân sinh khác nhau.

Với ý nghĩa vừa nêu, đắp núi xây hồ trong vườn cảnh không chỉ xuất phát từ tình yêu đối với vẻ đẹp của thiên nhiên,



Khung cảnh bên dưới cửa sổ khu vườn.

"Noi theo tự nhiên"

"Noi theo tự nhiên" trong nghệ thuật xây dựng vườn cảnh bao gồm hai nội dung. Một là bố cục tổng thể, tổ hợp phải hợp với tự nhiên. Mỗi quan hệ giữa núi với nước và sự phối hợp giữa đỉnh núi, dòng suối, sườn dốc, hang động trong hòn non bộ phải phù hợp với quy luật khách quan trong tự nhiên. Hai là mỗi tổ hợp hình tượng của yếu tố cảnh quan hòn non bộ phải hợp với quy luật tự nhiên, ví dụ đỉnh của hòn non bộ được nhiều hòn đá nhỏ xếp thành, khi xếp đá phải nương theo đường vân của nham thạch, cố gắng giảm thiểu dấu tích con người trong quá trình xếp đá. Hồ nước thường uốn lượn, nhấp nhô; cây cỏ được sắp đặt thưa khít xen kẽ khác nhau, mang hình thái của tự nhiên...

mà còn thể hiện sự mưu cầu về vẻ đẹp tâm hồn và trí tuệ. Tại Hàm Dương, Tần Thủy Hoàng dẫn nước từ Vị Hà cải tạo Trường Trì, trong hồ xây Bồng Lai Thần Sơn để cầu thần núi ban phúc, cách so sánh đảo tiên thần núi này được người đời sau không ngừng học hỏi, không chỉ trong hồ Thái Dịch của cung Kiến Chương thành Trường An đời Hán cổ xây tam đảo, mà trong hồ Thái Dịch của cung Đại Minh thành Trường An đời Đường cũng xây núi Bồng Lai, trong hồ Thái Dịch của Hoàng Thành Đại Đô cũng có tam đảo, nơi có không gian nước rộng nhất trong Viên Minh Viên đời Thanh là Phước Hải, trên có Bồng Đảo Dao Sơn, trong hồ Khôn Minh của Di Hòa Viên cũng có tam đảo. Có thể thấy lòng thành của các thế hệ sau dành cho ý nghĩa biểu trưng của thiên nhiên trước sau không hề phai nhạt.

Người xưa còn lồng ghép quan niệm tư tưởng Nho giáo vào trong thực vật của giới tự nhiên. Cây tùng kiên cường mạnh mẽ, cây trúc ngay thẳng trung trực, cây mai chịu hàn chịu lạnh, tư thế, tập tính của chúng khiến người ta liên tưởng đến phẩm chất tinh thần cao thượng, thuần khiết, kiên cường. Vì thế, văn nhân Trung Quốc gọi tùng, trúc, mai là "Tuế hàn tam hữu" (ba người bạn trong giá rét), tùng, trúc, mai đã trở thành hình tượng dùng để ví với nhân cách cao thượng thường gặp trong thi ca, hội họa Trung Quốc, kể cả trong vườn cảnh. Nghệ nhân ngân nga và mô tả hình tượng cụ thể này nhằm ví với bản thân mình, hoặc thể hiện sự tôn sùng những phẩm cách cao thượng. Nói quan trọng nhất trong khu Sơn Nhạc của vườn cảnh Sơn Trang nghỉ dưỡng là Tùng Vân Hiệp với vô vàn những cây tùng. Văn nhân thích phong thái ngay thẳng chính trực của cây trúc, vì vậy các vườn cảnh tư gia ở Giang Nam hầu như đều trồng trúc. Bạch Cư Dị là thi nhân rất yêu trúc, ông không chỉ sáng tác rất nhiều thơ ca về trúc, mà còn tự mình trồng cả khóm trúc trong vườn nhà mình. Đại thi hào đời Tống - Tô Thức nổi tiếng là người yêu trúc, ông từng lưu lại câu danh ngôn cho muôn đời: "Khả sử thực vô nhục, bất khả cư vô trúc, vô nhục lệnh nhân sầu, vô trúc lệnh nhân tục. Nhân sầu thượng khả phi, tục sĩ bất khả y" (Có thể ăn mà không có thịt - không thể ở mà không có trúc - không ăn thịt khiến người gầy ốm - không có trúc khiến người thô tục. Người gầy ốm



vẫn có thể phát phì, người thô tục thì không thể chữa). Đây chính là cảnh giới mà tao nhã với dung tục tự phân cao thấp, không thể can thiệp.

Củ sen tuy yếu đuối, nhưng lại có thể phát triển trong bùn lầy; hoa sen tuy phát triển trong bùn lầy, nhưng khi nhú lên mặt nước lại đẹp như hoa phù dung, cách sống như vậy của hoa sen vô tình ẩn chứa một triết lý nhân sinh rất sâu sắc, đó là dùng để ví với con người dù ở trong một hoàn cảnh xã hội dơ bẩn thì cũng cần phải có đầy đủ các phẩm chất và niềm tin cao thượng. Cho nên hoa sen và cây tùng, trúc, mai thường xuất hiện trong tranh vẽ và vườn cảnh, không những sử dụng hình dáng bên ngoài để trang điểm thêm cho tranh vẽ và không gian, mà còn có thể dùng những yếu tố nhân văn trong chúng để rèn luyện tính khí con người. Viên Minh Viên có cảnh quan tên là Liêm Khê Lạc Xứ, nơi này trồng đầy sen trong hồ, vua Càn Long còn đề tựa cho nơi này như sau: "Tiến hậu tả hữu giai quân tử". Chuyết Chính Viên ở Hàng Châu là nơi phát huy rõ nét tác dụng về hình dáng và tính nhân văn của cây sen. Hồ nước trước sân đường chính thường trồng rất nhiều sen, vì sen có đặc điểm "Hương viễn ích thanh" (hương thơm khắp nơi) nên đặt tên cho sân này là Viên Hương Đường, phía tây của vườn cảnh còn có một mái đình có tên Lưu Thỉnh Các, được lấy từ câu thơ "Lưu đắc tàn hạ thỉnh vũ phong" của Lý Thương Ẩn, ý muốn nói hạ di thu tới, có thể ngồi trong đình nghe tiếng mưa rơi trên lá sen héo tàn.

Hướng đến ý họa tình thơ

Ý cảnh và phong cách của khu vườn phần nhiều được quyết định bởi tố chất văn hóa của chủ vườn, điều này giải thích tại sao nhiều vườn cảnh nổi tiếng được ra đời từ ý tưởng của văn nhân, họa sĩ, và hầu hết những người thiết kế nổi tiếng đều đích thân thực hiện bản thiết kế. Ý tưởng xây vườn và ngâm thơ vẽ tranh thường có tiêu chuẩn mỹ thuật và yêu cầu về tinh thần khá tương đồng. Quá trình xây vườn thường xuất phát từ văn học, điểm thú vị của vườn cảnh cũng được bắt nguồn từ văn chương, vườn cảnh và thơ văn, thư họa tương tác qua lại, thẩm thấu lẫn nhau, bổ trợ cho nhau.

Vườn cảnh không những là nơi lưu ngụ, thưởng ngoạn, mà còn là nơi ký gửi niềm vui và ước mơ của chủ vườn. Vườn cảnh tư nhân thể hiện rõ nét nhất cốt lõi giá trị thẩm mỹ của nghệ thuật vườn cảnh Trung Quốc, và luôn là nơi để những văn nhân, thi sĩ tu tâm dưỡng tính, về phong cách thì chú trọng tính giản dị và yên tĩnh. Vườn cảnh được xem như một hình thức nghệ thuật tao nhã vì nó thể hiện tính cách, tố chất nghệ thuật sâu sắc và sự thanh cao của chủ vườn. Thế là việc mưu cầu về sự thơ mộng lãng mạn





Lưu Tráng Khúc Thủy tại Lan Đình dưới ngòi bút của họa sĩ.

trở thành xuất phát điểm và điểm đến thường thấy ở những người thiết kế vườn cảnh.

Về ứng dụng của thơ từ ca phú, chỉ cần nhìn qua đề tựa trong vườn cảnh là có thể biết ngay. Những câu chữ nho nhã được dùng để hình dung cảnh sắc, tô điểm ý cảnh, là “sách hướng dẫn sử dụng” tuyệt vời của vườn cảnh. Một đề tựa hay, như tên cảnh quan, các bức liễn trên các kiến trúc, không những tô điểm cho nhà cửa, làm phong phú cảnh quan, mà còn thể hiện tâm tư tình cảm của người thiết kế vườn hoặc chủ vườn.

Võng Sư Viên được xây vào thời Nam Tống, tên trước đó là Ngự Ẩn, thể hiện cuộc sống lý tưởng không tranh với đời của người chủ vườn, đến đời Thanh đổi thành Võng Sư Viên, “võng sư” tức ngư ông, ý nghĩa vẫn như trước đó. Một nửa phía tây Chuyết Chính Viên tại Hàng Châu có một mái đình cạnh dòng nước, mỗi khi trời đêm tĩnh lặng, gió mát nhẹ thổi, ánh trăng vàng vạc, nước và trời liến một thể, mọi thứ toát lên vẻ thanh tịnh sâu lắng, Điểm Giáng Thần - Hàng Châu của Tô Thức có câu “Dữ thủy đồng tọa, minh nguyệt thanh phong ngã” (Lấy ai cùng ngồi, cảnh gió mát trăng thanh có một mình), nên đặt tên là Dữ Thủy Đồng Tọa Hiên, chỉ một cách chính xác ý cảnh nơi đây, đồng thời gián tiếp thể hiện phẩm chất tốt đẹp của chủ vườn. Đại Minh Hồ Tế Nam có câu đối: “Tứ diện hà hoa tam diện liễu, nhất thành sơn sắc bán thành hồ” (Bốn phía là hoa sen ba mặt là liễu biếc, một thành sắc núi nửa thành là hồ) đã khái quát cảnh sắc của Đại Minh Hồ và Tế Nam Thành.



Trong Trang Tử - Thu Thủy có chép, một lần Trang Tử và Huệ Thi đi dạo trên Hào Lương, Trang Tử nói: cá tung tăng trong nước, vui vẻ biết bao. Huệ Thi đáp: anh không phải cá, sao biết cá đang vui? Trang Tử trả lời: anh không phải tôi, sao biết tôi không biết cá đang vui? Đoạn đối thoại này chứa đầy tinh trí tuệ và sự thú vị, mức độ lưu truyền rộng, không ít người đời sau thường trích dẫn câu truyện cho tác phẩm vườn cảnh của mình. Như Kỳ Sướng Viên có Tri Ngự Giám, Hải Thụ Viên trong Di Hòa Viên có Tri Ngự Kiều, Tĩnh Nghi Viên ở Hương Sơn có Tri Ngự Hào, Viên Minh Viên có Tri Ngự Đình, công viên Bắc Hải có Hào Bộc Giản, điều mà những nơi này hướng đến là cảnh giới của niềm vui, không ưu phiền, không gò bó.



Bing phong làm bằng đá cẩm thạch tự nhiên và tấm biển với đề tựa Xuân Hoa Thu Nguyệt Quán trong Nam Viên ở An Ninh.

Trong tác phẩm “Hồng lâu mộng” nổi tiếng của Trung Quốc có miêu tả gia đình họ Giả xây dựng Đại Quan viên, sau khi xây xong, các tiểu thư công tử của Ninh, Vinh nhị phủ mỗi người thể hiện tài năng của mình qua việc đặt tên cho vườn cảnh, cùng làm thơ và chơi chữ, tác giả Tào Tuyết Cẩn còn mượn lời của nhân vật trong tác phẩm của mình để bày tỏ quan điểm của mình: “Phong cảnh to lớn, một số đình tạ, không lời tựa, cho dù là hoa liễu sơn thủy, cũng không thể nói hết về đẹp”. Có thể thấy các câu đối trong đề tựa không những giúp tăng thêm tính thơ ý họa, mà còn làm rõ ý cảnh, làm vui người khác, vì thế đề tựa trở thành một đặc sắc của vườn cảnh truyền thống Trung Quốc.

Người thiết kế và người xây vườn thường dựa theo địa hình sở tại triển khai công việc, tốn khá nhiều công sức cho vườn cảnh, nhưng trong những điểm khác nhau lại có một điểm chung: khách tham quan cho dù đứng ở bất cứ nơi nào của vườn cảnh, thì trước mắt luôn là một bức tranh hoàn mỹ. Vườn cảnh Trung Quốc rất coi trọng phạm vi tầm nhìn gần xa, bố cục của hiên, đài, đình, tạ, sự phối hợp của hòn non bộ, phòng nền của cây, hoa, cỏ, lá, đều có chung mục đích là hướng đến cảnh giới thi ca hội họa. Tuy nhiên, để lĩnh hội đầy đủ ý nghĩa “nhập họa”, “nhập thi” của vườn cảnh, thì không những phải hiểu rõ thủ pháp và bố cục của vườn cảnh Trung Quốc, mà còn phải dùng tâm để lĩnh hội sự tinh tế, tinh thẩm mỹ phía sau phong cảnh đó.



Nét đẹp nội hàm

Từ thời Nguyên trở đi, quan hệ giữa vườn cảnh Trung Quốc và hội họa gần như không thể tách rời, kỹ thuật xây vườn và vẽ tranh liên hệ qua lại, và hội họa được ứng dụng nhiều trong việc xử lý dòng nước và đắp núi. Ví dụ, ao hồ trong vườn cảnh Trung Quốc hợp với vẻ đẹp tự nhiên, bờ ao đa phần có hình dạng uốn lượn tự nhiên, bờ ao được xếp đá không tuân theo bất kỳ qui tắc nào, đôi khi trồng thêm lô dịch nhằm tăng vẻ tự nhiên. Những hồ nước rộng vài mẫu, thường có một không gian nước tập trung để thể hiện hình ảnh mây khói trên mặt hồ phẳng lặng. Mặt hồ nhỏ thì xếp đá tầng lớn bên bờ hồ, kết hợp trồng tre trúc, dây leo, thả cá hồng trong đám tảo xanh, mặc dù chỉ là một hồ nước, nhưng lại có thể tạo cảm giác bất tận. Các ngọn núi không bắt buộc tuân theo một qui chuẩn về kích thước, nhưng tuân theo nguyên tắc khái quát, tinh xảo, thể hiện tính cheo leo, hiểm trở và hình thái của các khe núi bằng kỹ thuật xử lý đá, thể hiện tính tự nhiên của các loại hình thái và hàm ý của các ngọn núi đó. Phương thức lấy đất đắp núi thể hiện sự xem trọng bố cục phong cảnh tự nhiên của núi non, du khách mặc dù không thể ngắm nhìn một cách toàn diện các ngọn núi đó, nhưng trong trí tưởng tượng thì có thể lĩnh hội cảnh tượng hùng vĩ, cao đến mức che khuất mặt trời của ngọn núi. Phương thức xây núi này có độ gợi mở cao, tăng khả năng biểu đạt của ngọn núi.

Cầu liên trong kiến trúc vườn cảnh.



Họa sĩ đời nhà Thanh vẽ "Trúc Khê Lục Đật Đố" như muốn hòa vào cuộc sống ẩn dật nơi rừng trúc dòng suối, say rượu vui ca của sáu người văn nhân mà nhà thơ Lý Bạch đời Đường (701-762) là một trong số đó.

Người làm vườn thường dùng thủ pháp phân chia để làm tăng chiều sâu của cảnh quan. Ví dụ như trên mặt hồ thường có cây cầu nhỏ bằng đá uốn khúc, hoặc giả dùng đá để làm lối đi trên mặt hồ, với cách làm như vậy có thể tăng thêm vẻ đẹp và tăng tính sâu lắng cho mặt hồ. Bức tường hoa và hành lang là những kiến trúc thường gặp nhất, thể hiện việc chia nhưng không cắt, có ranh giới nhưng không tạo lần ranh, tạo hiệu quả chiều sâu cho phong cảnh.

Nếu tham quan vườn cảnh ở Tô Châu, du khách chỉ cần chú ý thì sẽ phát hiện, cho dù đứng ở một góc nào đó, cũng có cảm giác phía trước là một bức tranh rất đẹp, khi mở cửa sổ mà đối diện là bức tường trắng, thì chắc chắn sẽ thấy một vài cây tre, vài lá chuối được sắp đặt vào khoảng trống hoặc các hòn đá được ghép thành núi nhằm tránh sự đơn điệu và đơn giản. Vườn cảnh Trung Quốc rất chú trọng việc chọn màu trắng cho các bức tường và hiệu quả về màu sắc, ánh sáng, cảnh quan, cách tạo hình hài hòa thuần khiết với mục đích là làm phong phú khu vườn cảnh, có thể nói đây là cách vận dụng các chi tiết nhỏ trong hội họa khi xây vườn cảnh. Nói một cách đơn giản, trong tranh có ý thơ, trong vườn cảnh có ý họa, thì ca hội họa thì trở thành một trong những nguyên tắc quan trọng trong quá trình hình thành một vườn cảnh.

Tập hợp danh lam thắng cảnh bốn phương

Cho dù là vườn cảnh hoàng gia hay là vườn cảnh tư gia, việc đưa vào vườn các danh lam thắng cảnh là cách làm thường thấy, thậm chí với một cảnh quan vẫn có thể xuất hiện ở những chỗ khác nhau của vườn cảnh, người đời sau nhờ đó nên tìm được những yếu tố lịch sử văn hóa tương đồng.

Ngũ Nhạc là năm ngọn núi tiêu biểu của Trung Quốc thời cổ xưa, trên núi đều có chùa dùng để thờ cúng sơn thần, và là vết tích tín ngưỡng sùng bái tự nhiên đầu tiên của loài người. Vườn cảnh tư gia ở Hàng Châu thường lấy đá dựng năm ngọn núi tượng trưng Ngũ Nhạc ở trước sảnh và hậu viên, cách thưởng thức núi non này đến cuối thời Thanh trở nên thịnh hành, thậm chí còn dùng đá nhỏ trang trí cho chậu hoa, đặt trên bàn dài, đưa cảnh sắc Ngũ Nhạc vào đại sảnh.

Tam Đàm Ấn Nguyệt, Bình Hồ Thu Nguyệt, Nam Bình Văn Chung trong Viên Minh Viên đều được mô phỏng từ mười thắng cảnh nổi tiếng của Tây Hồ, Hàng Châu. Tại ngôi chùa cổ mang tên Giang Thiên Tự vùng



Cây cầu uốn lượn sát mặt nước ở Dự Viên Thượng Hải.

Chấn Giang tỉnh Giang Tô có một tháp Phật trên đỉnh Kim Sơn bên dòng sông, đây là biểu tượng của thành Chấn Giang, nơi liên quan đến câu chuyện thần thoại mà bất cứ người dân Trung Quốc nào cũng biết, đó là câu chuyện Bạch nương tử vì cứu chồng đã đại chiến với hòa thượng Pháp Hải, ngôi chùa cổ này vì thế mang đậm tính nhân văn. Thế là trong Sơn Trang nghỉ dưỡng Thừa Đức xuất hiện một cảnh quan giống Kim Sơn.

Vào ngày mùng ba tháng ba âm lịch hàng năm, người dân khu vực Giang Nam đều ra vùng ngoại ô vui chơi. Nhà thư pháp nổi tiếng Vương Hy Chi (303 - 361) và hơn bốn mươi người đã đến vùng ngoại ô Thiệu Hưng thành Chiết Giang nơi có Lan Đình, họ ngồi tản mát bên dòng nước, ly rượu được thả trên mặt nước tự chảy, khi ly rượu dừng ngay người nào, thì người đó phải uống hết ly rượu đó và sáng tác ngay một bài thơ, cuộc vui cứ như thế cho đến khi hết rượu. Những bài thơ do mọi người sáng tác hôm đó sẽ được viết lại thành sách, và người viết lại những bài thơ đó là Vương Hy Chi, người đời sau đem những bài thơ đó khắc lên bia đá, dựng ở Lan Đình. Thế là, không những Lan Đình của Thiệu Hưng trở thành danh lam thắng cảnh, mà việc ngồi bên dòng nước sáng tác thơ làm cho mọi người bắt chước. Cúng với ý nghĩa này, Ninh Thọ Cung trong Tử Cấm Thành và khu nghỉ dưỡng Thừa Đức đều xây một Khúc Thủy Lưu Tràn Đình, nhưng tiếc thay, dòng nước tự nhiên ở Lan Đình khi xưa biến thành dòng nước nhân tạo. Khi danh lam thắng cảnh được đưa vào vườn cảnh, chúng không những



trở thành cảnh quan của vườn cảnh, mà đằng sau chúng là giá trị văn hóa, lịch sử, làm tăng thêm ý nghĩa của vườn cảnh.

Xây dựng miếu tự và phố thị tửu quán

Trong vườn cảnh Trung Quốc, đặc biệt là trong vườn cảnh hoàng gia thường có những ngôi chùa, bởi vì các hoàng đế thời kỳ phong kiến rất sùng tín Phật giáo, thứ đến là lối kiến trúc đặc biệt của chùa chiền tạo ra hiệu quả phong cảnh đặc biệt. Đôi khi chùa chiền có thể hình thành cảnh quan trung tâm trong thiết kế vườn cảnh, bầu không gian tĩnh lặng, yên ắng tạo nên không gian thoát tục.

Chùa Vinh An và tháp Lạt Ma trong công viên Bắc Hải được xây trên đảo Kinh Hoa, Phật Hương Các và điện Trí Tuệ Hải Phật trong Di Hòa Viên lần lượt được xây trên lưng chừng triền núi phía nam Vạn Thọ Sơn, các cảnh quan Phật giáo này trở thành biểu trưng của hai vườn cảnh hoàng gia và là trung tâm cảnh quan của toàn khu vườn thông qua hình dáng đặc biệt và vị trí đặc thù của chúng. Phía đông của Tu Di Linh Cảnh tại khu vực trung tâm phía sau Vạn Thọ Sơn của Di Hòa Viên có một ngôi chùa nhỏ tên là Hoa Thừa Các, diện tích không lớn, trong chùa có một tòa bảo tháp lưu ly nhỏ hình bát giác, mái hiên mỗi tầng tháp đều treo chuông gió, chuông vang theo gió, khiến con người có cảm giác thoát khỏi phàm trần.

Khác hoàn toàn với cách xây dựng nói trên, phố mua bán phía sau con sông của Di Hòa Viên là một thực cảnh được xây cách biệt với bên ngoài để cho con cháu hoàng gia lưu ngụ. Các cửa hiềm được sắp xếp san sát với



nhau và cờ phướn bằng hiệu thì bay trong gió, cho dù chỉ là phối cảnh, nhưng lại thể hiện ước muốn của người chủ vườn với sự phồn vinh và náo nhiệt. Đặt mình vào nơi đó, dường như có thể cảm nhận sự huyền ảo của tửu quán phố phường ở Hàng Châu và cuộc sống thanh bình trên con sông Tấn Hoài ở Kim Lăng, làm lòng người vô cùng phấn khởi.

Qua phương cách nêu trên, ý cảnh của khu vườn mới có được một nội hàm phong phú, vườn cảnh Trung Quốc không những dung hòa thi ca, hội họa, thư pháp, điêu khắc, cây cảnh, âm nhạc, ca kịch thành nhất thể, mà còn là một hình thái nghệ thuật cổ điển tinh vi bậc nhất, giúp hình thành một môi trường và bầu không khí mang đậm tính văn hóa truyền thống của Trung Quốc. Phong cách nghệ thuật sang trọng, tinh tế, trữ tình, hàm súc của nó không những thể hiện một phong cách sống, mà còn cô đọng tinh thần nghệ thuật truyền thống Trung Quốc vốn mang đậm màu sắc triết học phương Đông, khi hiểu rõ những nội hàm này, mới có thể lĩnh hội vẻ đẹp vườn cảnh Trung Quốc thời xưa.

Góc độ thưởng thức

Cảnh động và tĩnh

Có hai cách thưởng thức vườn cảnh Trung Quốc là động quan và tĩnh quan, khi thưởng thức vườn cảnh nhỏ thì thường dùng tĩnh quan; khi tham quan vườn cảnh lớn, vì đoạn đường khá xa, nên sử dụng động quan.

Tĩnh quan, tức người tham quan đứng tại chỗ quan sát vẻ đẹp của vườn cảnh. Vị trí thích hợp của tĩnh quan thường ở sảnh, hiên, tạ, các, đình, đài, những nơi này có góc nhìn rộng, nơi trước vườn cảnh thường là cảnh quan đẹp nhất, lúc dạo quanh vườn, có thể ngồi, có thể lưu lại, có thể đếm những con cá đang bơi trong hồ, cũng có thể ngồi trong đình hóng gió. Bóng hoa dịch chuyển trên tường, những ngọn núi liên kế trước cửa sổ, tranh đẹp

"Cảnh trong khung"

Cửa chính, cửa sổ trong kiến trúc vườn cảnh Trung Quốc hoặc nhánh cây hình thành "viên khung", những cảnh đẹp thiên nhiên hoặc cảnh quan nhân văn từ nơi xa được đưa vào bên trong, phương cách tạo cảnh này được gọi là "Cảnh trong khung".



Khung cửa sổ trong vườn cảnh của văn nhân như một bức tranh phong cảnh.



Bóng tre in lên bức tường màu vàng trong Linh Cốc Tự ở Nam Kinh



Những nhánh mai mới mọc trong khuôn viên Thiên Đài sơn



trước mắt, đều đáng để ta dừng bước thưởng thức. Ví dụ như Vọng Sư Viên của Tô Châu khá nhỏ, thích hợp tĩnh quan, người tham quan có thể dạo quanh bờ hồ, có thể ngồi hoặc ở lại, một số ngồi tại bậc thềm đếm cá đang bơi trong hồ, một số ngồi trong đình hóng gió, nếu ở ngoài hiên thì có thể thưởng thức bóng hoa di chuyển trên tường, những ngọn núi liền nhau trước cửa sổ, như thế ta bước vào tranh, tìm niềm vui trong tĩnh lặng.

Động quan có nghĩa người tham quan dạo bước trong vườn cảnh ngắm nhìn cảnh vật. Những con đường tham quan thường được làm uốn khúc một cách tự nhiên, con đường cao thấp nhấp nhô, hoặc gần dòng nước, hoặc tựa chân núi, có nơi thiết kế hành lang gấp khúc, giúp người tham quan không phải chịu cảnh dội nắng dầm mưa. Hành lang gấp khúc, đường đá nhấp nhô uốn lượn, là những nơi tham quan lý tưởng khi động quan, cho phép bạn nhìn ngắm vẻ đẹp của cảnh quan khi di chuyển. Vườn cảnh Trung Quốc thường phân rõ chính phụ, cảnh luôn thay đổi, vì thế mà người thiết kế vườn luôn thiết kế một tuyến đường tốt nhất dành cho việc thưởng thức phong cảnh, liên kết những điểm tham quan lý tưởng nhất với những kiến trúc dành cho nghỉ ngơi, yến tiệc, hoạt động, lưu ngụ. Cho dù là cảnh vật tĩnh tại thì với góc độ thưởng thức khác nhau sẽ tạo nên hình ảnh khác nhau. Cảnh đẹp vườn cảnh như bức tranh từ từ rộng mở, khiến người tham quan có thể thưởng thức vẻ đẹp của từng họa tiết. Ví dụ, khi tham quan Chuyết Chính Viên ở Tô Châu, ta bước trên lối đi men theo bờ hồ, được hành lang dẫn lối, trước mỗi bước đi là một cảnh mới, đây gọi là động quan.



Từ Kỳ Sương Viên nhìn về cảnh mô phỏng Tích Sơn.



Ngước lên trời, nhìn xuống đất

Không gian vườn cảnh chú ý đến quy luật thay đổi, đắp núi khơi dòng ở nhiều góc độ khác nhau và cả sự sắp đặt của kiến trúc, cỏ cây, cố gắng tạo sự biến hóa trong quy luật thể núi cao, dòng chảy thấp, chênh lệch cao thấp, tất cả đều nhằm mục đích làm cho con người khi đứng cao nhìn xuống hoặc đứng dưới nhìn lên đều cảm nhận được vẻ đẹp. Tần bộ trong vườn cảnh theo sự nhấp nhô của địa hình, cao thấp của kiến trúc, vừa có thể ngăn ngừa nhìn sự chuyển động của đất trời, vừa có thể bao quát quang cảnh nhỏ bé từ trên xuống, vì thế góc nhìn nếu thay đổi, cảnh đẹp sẽ vô tận, cảm giác sẽ tuyệt vời.

Trong Di Hòa Viên ở Bắc Kinh, Phật Hương Các trước Vạn Thọ Sơn chiếm lĩnh vị thế quan trọng toàn khu vườn, chễm chệ bên sườn núi, ngẩng nhìn sẽ thấy phong thái oai vệ; từ đây nhìn xuống dưới là mặt hồ mệnh mông, những cơn sóng nhỏ đều nằm trong tầm mắt. Kỳ Tiêu Sơn Trang ở Dương Châu cũng tận dụng vị thế nhìn từ cao tuyệt vời này, hành lang hai tầng và lối đi trên núi nhân tạo thông suốt toàn vườn cảnh, hình thành lối đi có hướng nhìn đa chiều, dòng nước, ngọn núi và lầu, các, hành lang kết hợp rất sinh động.



Ngọc Tuyền Sơn.



Đá ở Hạ Sơn Cá Viên màu trắng xám, hình dạng tinh xảo, trông rất mắt mê.





Vườn cảnh chùa Tào Khê Văn Nam với bức tường màu đỏ và cây bách già.

Cảm nhận tất cả nếu có thể

Dạo bước trong vườn cảnh cổ điển Trung Quốc, chúng ta không chỉ nhìn thấy cảnh đẹp, mà còn có thể nghe được tiếng nước róc rách, tiếng chim oanh thánh thót, tiếng côn trùng rúc rích, mùa xuân hương đào thơm ngát như xộc vào mũi, mùa hè như bị mê hoặc bởi hương sen, mùa thu hoa quế làm say đắm lòng người, mùa đông hoa mai âm thầm tỏa hương, tất cả đều tạo nên sự cảm nhận tuyệt vời qua các giác quan. Làn gió ấm áp nhẹ nhàng vượt qua cành liễu, thỉnh thoảng vờn lên đôi má bạn, mang đến sự cảm nhận dịu dàng và tinh tế.

“Vũ dã ba tiêu” là một điển cố nổi tiếng. Trong những ngày mưa lất phất, lắng nghe âm thanh tí tách vang của giọt mưa rơi trên lá chuối, một mình thưởng thức cảm giác thanh tĩnh giữa không gian rộng lớn, đây thật sự là trải nghiệm thú vị. Thỉnh Vũ Hiên trong Chuyết Chính Viên ở Tô Châu cũng như vậy. Bên cạnh đình, dài thường có vài cây tùng, gió lùa vào giữa cây tùng tạo nên âm thanh xào xạc, khiến ta cảm nhận sự mệnh mỏng và yên tĩnh đến lạ thường. Tùng Phong Đình trong Chuyết Chính Viên đã lấy ý tưởng từ đây. Thế là, trồng tùng nghe gió, trồng chuối nghe mưa, trở thành đặc điểm quan trọng trong thiết kế vườn cảnh Trung Quốc.



Cảnh mùa đông hồ Nhạn Cảnh trong vườn cảnh hoàng gia Tĩnh Nghi Viên tại Hương Sơn, Bắc Kinh.

Sự khác nhau của vườn cảnh trong bốn mùa

Khi thưởng thức cảnh quan vườn cảnh, chúng ta cần chú ý đến sự thay đổi của cảnh vật theo ánh sáng mặt trời, tiết trời và thời tiết. Thông qua sự thay đổi của thời tiết, Giai Tĩnh Hỷ Vũ Khoái Tuyết Đình (người ta đặt tên này vì muốn bốn mùa mưa thuận gió hòa, nông dân bội thu, cây cối trong vườn xanh tốt) trong Lưu Viên ở Tô Châu làm ta phải tức cảnh sinh tình, thể hiện một thái độ lạc quan về cuộc đời. Trong một ngày sẽ có cảnh sắc bình minh và hoàng hôn, tại Nguyệt Đảo Phong Lai Đình trong Vọng Sư Viên có thể thấy mặt hồ trong suốt phản chiếu cảnh sắc vườn cảnh, tùy thời điểm trong ngày mà quan cảnh nơi này sẽ biến đổi khác nhau. Đợi đến lúc mặt trăng xuất hiện, ánh trăng, ngọn đèn, hồ nước hòa quyện vào nhau, cảnh vật xinh đẹp đến mức không thể diễn tả bằng lời. Vào các mùa khác nhau, sự cảm nhận về vẻ đẹp trong vườn cảnh cũng khác nhau, như Quách Hy đời Tống trong “Lâm Tuyền Cao Trí” có viết: “Xuân sơn đậm dã nhi như tiểu, hạ sơn thương thúy nhi như tích, thu sơn minh tịnh nhi như trang, đông sơn thâm đạm nhi như thụ” (Núi mùa xuân e ấp như nụ cười, núi mùa hè sắc xanh như giọt sương, núi mùa thu trong trẻo như gương, núi mùa đông mờ mịt như đang ngủ), trong nghệ thuật vườn cảnh, vẻ đẹp của sự biến đổi theo mùa được thể hiện và nhấn mạnh một cách có ý thức. Việc sử dụng từng loại đá cho từng loại núi trong Cảnh Viên ở Dương Châu đã hình thành những ngọn núi của từng mùa, chúng có tên là Tứ Quý Giả Sơn, trong mười cảnh Tây Hồ ở Hàng Châu, bốn cảnh đứng đầu Tô Đế Xuân Hiếu, Khúc Viên Phong Hà, Bình Hồ Thu Nguyệt, Đoạn Kiều Tàn Tuyết tương ứng với cảnh đẹp của bốn mùa.



DANH VIÊN BỊ TÀN PHÁ VÀ PHỤC DỰNG



Vườn cảnh Trung Quốc

Trong lịch sử cổ đại Trung Quốc, hầu như khi bắt đầu một triều đại mới đều tiến hành xây dựng hàng loạt công trình, xây dựng vườn cảnh cung uyển, trong thời kỳ chính quyền bị diệt vong thì vườn cảnh luôn bị kẻ lật đổ thiếu rui, sự hưng thịnh, suy tàn của vườn cảnh liên quan mật thiết với vận mệnh của một triều đại. Nhìn lại với quá trình lịch sử của loài người, từ vườn treo Babylon đến Viên Minh Viên và vô số đền, đài, lầu, các đền bị lòng tham và sự thiếu hiểu biết của loài người hủy hoại chỉ trong phút chốc, gây ra vô vàn thảm kịch trong lịch sử văn minh loài người.

Năm 1860, liên quân Anh Pháp tấn công Bắc Kinh, đối diện với cung điện nguy nga lộng lẫy trong vườn cảnh, bọn xâm lược đã biến thành kẻ cướp bóc điên cuồng. Bộ tư lệnh liên quân Anh Pháp cho phép "tự do cướp bóc", hơn 10.000 quan binh Anh Pháp ùn ùn kéo vào vườn cảnh, cướp bóc trắng trợn bảo vật của Viên Minh Viên, sau đó chúng còn cướp đi những vật quý giá mà chúng có thể mang theo, 3.500 người được huy động châm lửa khắp cung điện của "Vạn viên chi viên" (vườn cảnh của những vườn cảnh). Ngọn lửa bùng cháy trong hai ngày hai đêm, tạo ra lớp khói dày đặc bao trùm thành phố Bắc Kinh, điều này có thể ví như hiện tượng nhật thực lâu kết thúc vậy. Vài ngày sau, quân xâm lược lại phóng hỏa thiêu cháy Thanh Y Viên, Tĩnh Nghi Viên ở Hương Sơn và Tĩnh Minh Viên ở Ngọc Tuyền Sơn, cả những tứ viên và vườn cảnh tư gia gần đó. Hồ Côn Minh ngày xưa trong vạt nay bị ứ ngẽn, Ngưu Đồng là tác phẩm được chế tạo nhằm chắn át mưa lũ, hy vọng đem đến cho vườn cảnh và người dân điều may mắn, niềm hạnh phúc không bị thiêu cháy thì giờ thì cỏ dại um tùm, từng quần thể kiến trúc cung điện nguy nga và chùa chiền bị cháy rụi chỉ còn sót lại những phiến đá nền nhà, những hiên, đường, đình, tạ giữa rừng cây của Hậu Sơn và những cửa hiệu san sát trên phố mua bán sau cơn kiếp nạn chỉ sót lại những đế cột bằng đá và những khối đá trên mặt đất. Mỗi kiến trúc của vườn cảnh hoàng gia đều phản ánh thành tựu cao nhất của nghệ thuật vườn cảnh Trung Quốc, một tác phẩm kiến trúc khu vườn cảnh khổng lồ có



Con thuyền bằng đá bị hủy hoại mãi mãi nằm bên bờ hồ.



Từ Tây Đài nhìn về phía đông, Vạn Thọ Sơn, hồ Côn Minh kết hợp thành một bức tranh phong cảnh hài hòa và yên tĩnh.

một không hai trên thế giới được xây dựng hơn một trăm năm đã bị phá nát và thiêu hủy thành đống hoang tàn chỉ trong mười ngày ngắn ngủi.

Sau kiếp nạn này, chính quyền nhà Thanh ra sắc lệnh trùng tu Viên Minh Viên, nhưng do quốc khố thiếu hụt, các quan trong triều đã không nhất trí, dẫn đến kế hoạch trùng tu thất bại. Năm Quang Tự thứ 14 (1888) Thanh Y Viên được sửa chữa một phần, nơi thái hậu "di dưỡng thiên niên" được đổi tên là Di Hòa Viên. Năm 1900, liên quân tám nước tấn công vào Bắc Kinh, Viên Minh Viên đổ nát một lần nữa lại

bị cướp bóc. Quân xâm lược Anh, Nga, Ý,... lần lượt đóng quân tại nơi đây hơn một năm, văn vật quý giá bị đánh cắp, kiến trúc bị tàn phá. Năm 1902, để tổ chức mừng thọ bảy mươi tuổi tại Di Hòa Viên, Tây Thái hậu sử dụng ngân sách dành cho quân đội trùng tu Di Hòa Viên. Sau nhiều lần bị thiêu hủy và trùng tu, cộng thêm việc triều đình nhà Thanh đang trong tình trạng suy yếu, chính quyền nhu nhược này không còn khả năng bảo vệ các vật phẩm quý giá trong vườn cảnh.

Trong tất cả các vườn cảnh, Viên Minh Viên đã phải gánh chịu những tổn thất nghiêm trọng và mất mát toàn bộ. Hai lần liên tiếp bị những kẻ xâm lược đốt phá và cướp đoạt. Quan lại tham ô, quân đội thối nát, dân di cư đập phá, ăn cắp vật phẩm để bán, đặc biệt là trong thời kỳ Dân Quốc (1911 - 1949), nhiều di tích không được trông quản, trong khoảng thời gian từ mười đến hai mươi năm, hầu như mỗi ngày đều có xe ngựa chở trộm, khuôn viên hoang tàn như "bãi đá". Bức tường đổ nát, trụ cột đứt gãy, mái ngói trong khu vườn còn sót lại không nhiều, trụ Hoa Biểu bằng đá và tượng sư tử đá bị hư hại đôi chút cũng bị chở đi. Sau đó, có rất nhiều đơn vị và hộ gia đình nông dân dọn vào khuôn viên, từng căn hộ với kiến trúc mới xuất hiện trên nền đất cũ, nhiều bờ dè bị đào bới, cây cối bị chặt phá, hồ ao trở thành ruộng lúa, thậm chí một số cảnh quan bị hư hại và địa hình cũng không còn dấu tích. Điều đau buồn nhất chính là văn vật Viên Minh Viên bị kẻ xâm lược cướp bóc vẫn được triển lãm, bán đấu giá tại thị trường cổ vật quốc tế từ cả trăm năm nay.

Về đẹp của vườn cảnh Viên Minh Viên từng được vị mục sư trong quân đội nước Anh ví như sau: "Cần phải có một người vừa là nhà thơ, họa sĩ, nhà bình phẩm nghệ thuật, học giả Trung Quốc và là nhân vật xuất chúng cả trong những lĩnh vực khác, mới có thể lột tả hết cảnh quan khu vườn,



hình dung một cách tường tận, để có thể giúp bạn có đôi chút khái niệm về nó..." Những tàn tích của vườn cảnh Viên Minh Viên mà chúng ta thấy hôm nay chỉ là số ít nền đá, những con sông khúc khuỷu và đường mòn, những trụ cột bằng đá ở Đại Thủy Pháp và Viên Doanh Quan vẫn đứng sừng sững nơi đó, là một cảnh hoang tàn, đổ nát.

Tôn trọng, khoan dung và hiểu biết lẫn nhau là cơ sở cho sự phát triển của nền văn minh nhân loại, vườn cảnh bị cướp phá là thảm họa của văn minh, cũng là sự sỉ nhục dành cho loài người, bảo vệ vườn cảnh, bảo vệ văn vật, thắng cảnh là nhiệm vụ chung của nhân loại.

Năm 1949, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Trung Hoa thành lập, Trung Quốc bước vào một thời kỳ lịch sử mới, việc bảo tồn và khôi phục vườn cảnh cổ điển đã nhận được sự quan tâm đáng kể, kể cả được bảo vệ và trung tu xây dựng.

Khu Sơn Trang nghỉ dưỡng rộng lớn ở Thừa Đức, một vườn cảnh hoàng gia lớn nhất Trung Quốc do thiếu sự thống nhất trong việc quản lý, một số cơ quan đoàn thể từ nơi khác dời đến đây, khu đồi núi mọc lên một số ít nhà ở, biệt thự, ở khu ao hồ cũng xuất hiện một số cửa hàng, nhà hàng, nhà khách và một số cơ sở dịch vụ. Trước tình trạng hỗn loạn lúc bấy giờ, dưới sự giúp đỡ của các ban ngành Nhà nước, chính quyền địa phương đã tiến hành xử lý và chỉnh đốn. Sau khi xử lý, nước trong Sơn Trang trở nên sạch sẽ, cây cối xanh tươi, và kiến trúc vẫn giữ được nét truyền thống, cỏ đồng bằng xanh tươi như một tấm thảm, ngọn núi vẫn cứ thế một màu xanh um tùm, một tòa biệt thự nghỉ mát xưa kia lại hiện ra trước mắt mọi người. Không dừng tại đây, thành phố Thừa Đức còn dốc sức xây dựng lại tám ngôi chùa xung quanh Sơn Trang, từng khu vực hư hỏng đều được trùng tu theo kỹ thuật truyền thống. Năm 1994, biệt thự nghỉ dưỡng Thừa Đức và các ngôi chùa xung quanh trở thành một kiến trúc hoàn chỉnh, được Liên Hiệp Quốc xếp vào danh sách "Di sản văn hóa thế giới".

Di Hòa Viên, vườn cảnh hoàng gia phía tây bắc ngoại thành là một trong những vườn cảnh được bảo tồn nguyên vẹn nhất. Hơn năm mươi năm qua, hồ Côn Minh đã được khơi thông nhiều lần, với nguồn nước dồi dào từ Trường Hà đã trở thành một tuyến đường tham quan mới trên sông. Tuy kiến trúc trong vườn cảnh nhiều lần được tu sửa, nhưng vẫn duy trì được hình ảnh kiến trúc hoàng gia huy hoàng. Di Hòa Viên sau nhiều năm được bảo vệ cẩn thận, tổ chức văn hóa Liên Hiệp Quốc đưa Di Hòa Viên vào danh sách "Di sản văn hóa thế giới" năm 1998.



Thanh Y Viên sau khi trùng tu.





Cảnh vật và kiến trúc Tịnh Nghi Viên tại Hương Sơn đa phần đều bị phá hoại từ một thế kỷ nay. Qua việc chinh đồn khu vườn, khôi phục được một số cảnh quan trước đây, một số cảnh và kiến trúc được trùng tu, riêng đối với một số cảnh quan lớn vẫn được duy trì hiện trạng trước đó. Ngoài việc giữ nguyên hiện trạng, công việc phủ xanh được tiến hành với sự xuất hiện của cây hoàng lô và cây tùng trên núi, khi thu đến, đó là lúc vườn cảnh núi rừng trải đầy một màu lá đỏ, vẫn giữ được môi trường và ý cảnh của Tịnh Nghi Viên xưa kia.



Kiến trúc cận đại trong Tịnh Nghi Viên ở Hương Sơn.

Những năm 50 của thế kỷ XX, chính quyền thành phố Bắc Kinh quyết định phủ xanh Viên Minh Viên với mục đích mảng cây xanh sẽ duy trì môi trường, địa hình trước đây của Viên Minh Viên, nhưng do biện pháp chưa được áp dụng một cách triệt để nên vẫn chưa ngăn chặn được hành động chặt phá liên tục xảy ra. Những năm 80 của thế kỷ XX, một nửa khu phía đông Viên Minh Viên được tu sửa thêm và trở thành công viên di tích Viên Minh Viên chính thức ra mắt công chúng. Trong hơn mười năm sau đó, một số hộ nhà nông, hộ dân dần dần di dời, từ bỏ việc khai hoang ruộng đất, chuyển sang khôi phục cảnh sắc thiên nhiên, đặc biệt là tu sửa lại cảnh sắc trong vườn Phước Hải và Ý Xuân, xây dựng lại một số kiến trúc đình, tạ. Khu Tây Dương Lâu trong Trường Xuân Viên sau khi được khai quật đã phát hiện không ít cấu kiện cung thất bị phá hoại lúc bấy giờ, qua quá trình dọn dẹp xây dựng, Tây Dương Lâu của ngày xưa đã khoác lên mình một bộ mặt mới. Gần đây, chính quyền thành phố Bắc Kinh tổng hợp ý kiến từ nhiều kênh khác nhau, căn cứ tình hình thực tế đưa ra phương án quy hoạch phù hợp cho Viên Minh Viên. Xử lý toàn diện từ mặt nước, sông hồ, bờ đê, gò núi cao và cả đường sá, trên cơ sở đó sẽ lựa chọn ra cảnh quan trọng để trùng tu xây dựng, với mong muốn sẽ xây lên các vườn cảnh với dáng vẻ của vườn cảnh hoàng gia ngày xưa. Có bản qui hoạch này, công tác bảo vệ và xây dựng sẽ nhanh chóng được triển khai, hy vọng qua thảo luận và khảo sát thực tiễn, vườn cảnh nổi tiếng một thời này sẽ được bảo vệ thực sự và từ đó có thêm sức sống mới.



Gia Định Thu Hà Phố, một vườn cảnh Giang Nam xây vào những năm 70 của thế kỷ XX.

Vẻ đẹp như ngọc lưu ly của tháp miếu ở Hương Sơn.

PHỤ LỤC

Bảng tóm tắt niên đại lịch sử Trung Quốc

Thời đại đồ đá cũ	Khoảng 170 vạn năm – 1 vạn năm trước
Thời đại đồ đá mới	Khoảng 1 vạn năm – 4000 năm trước
Hạ	Năm 2070 – năm 1600 TCN
Thương	Năm 1600 – năm 1046 TCN
Tây Chu	Năm 1046 – năm 771 TCN
Xuân Thu	Năm 770 – năm 476 TCN
Chiến Quốc	Năm 475 – năm 221 TCN
Tấn	Năm 221 – năm 206 TCN
Tây Hán	Năm 206 TCN – năm 25 SCN
Đông Hán	Năm 25 – năm 220
Tam Quốc	Năm 220 – năm 280
Tây Tấn	Năm 265 – năm 317
Đông Tấn	Năm 317 – năm 420
Nam Bắc triều	Năm 420 – năm 589
Tùy	Năm 581 – năm 618
Đường	Năm 618 – năm 907
Ngũ đại	Năm 907 – năm 960
Bắc Tống	Năm 960 – năm 1127
Nam Tống	Năm 1127 – năm 1279
Nguyên	Năm 1206 – năm 1368
Minh	Năm 1368 – năm 1644
Thanh	Năm 1616 – năm 1911
Trung Hoa Dân Quốc	Năm 1912 – năm 1949
Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa	Thành lập năm 1949

VƯỜN CẢNH *Trung Quốc*

LÂU KHÁNH TÂY

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Biên tập: TRẦN BAN - TRẦN THỊ LY

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1

ĐT: 38256713 - 38247225 - 38296764

Fax: 84.8.38222726

Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Website: www.nxbhcm.com.vn / www.sachweb.vn

GPXB số: 1131-2012/CXB/312-123/THTPHCM cấp ngày 24/9/2012.